

TRÍ TÂN

XUÂN NHÂM NGỌ



1942

XUÂN

Nhâm-ngọ

THOI « thời - gian » thắm - thoát trôi !

Sau 365 ngày vật lộn với cuộc sinh sống gay-go, chúng ta ngó lên cảnh đào trước làn gió nhẹ : Ô kìa, Xuân đã đem màu sắc phớt hồng tới trên cành hoa tươi-tắn ! Xuân đã truyền tân-sinh-khi đến tận búp non mơn-mởn xanh !...

Chúng ta đồng thanh reo mừng : Xuân đã bước vào ngách cửa năm Nhâm-ngọ (1942) !

Phải, chúng ta reo mừng là phải.

Nghĩ lại tiết đông lạnh-lẽo : trải bao cơn gió căn-cắt, rét căm-căm, chúng ta sao khỏi rộn-rùng, hồi-hộp ?

Ngó ra bốn phương trời, sẫm vẩn những đám mây chiến tranh buồn thiu, ảm-đạm, nặng trĩu nén trên tâm-tri người đời, khiến ai nấy cảm tưởng như sống trong bấp-bênh, trong mong-manh, trong trông-trành chao-chát ! Trước hiềm-tượng thế-giới ấy, chúng ta sao khỏi thắc-mắc, lo-âu ?

Nhưng chúng ta vẫn cầm nắm và tự ủy bằng mấy lời cương-ngệ của Thống-chế Pétain :

« ... Giữa tiết đông nghiêm hàn, ta nên tin tâm đợi chờ xuân đến... » (au plus fort de l'hiver, gardons intacte notre foi dans le retour du printemps ..)

Thì nay, khi xuân ấm-áp đã ủ-ấp cội lòng ta ; hoa xuân rực-rỡ đã dâng cho tâm hồn ta những hương thơm yên-ủi ; gió xuân êm-dịu đã phớt bên cặp má ta mà vô-về, mơn-trón, xóa nhòa những nét dày dặn phong sương ; cỏ cây xuân óng, tơ, tươi, đẹp đã trang-điểm bên lối ta đi bằng những màu sắc linh-lung, sán-lạn...

Vậy còn ngần-ngừ gì, trù-ng-tình gì, ta không hớn-hở đón Xuân với những nụ cười đầy hy vọng ?...

Vui mừng đi thôi ! Ca hát lên thôi ! Chúng tôi xin hòa giọng cùng các bạn thân yêu ngám chơi mấy vần sau đây, trong lúc triện hương đang quện khói thơm, bóng thủy-tiên đương dịu tỏa mùi hương nhẹ-nhàng thanh-nhã :

Hỡi khách nghinh xuân trong bốn bề !
 Hãy cùng nhau vui-vẻ đón mừng xuân !
 Vỗ tay reo vang dậy khắp xa gần !
 Chúc xuân tới rắc mầm « thêm biết mới ».
 Trên đường tiến-hóa mau đi tới ;
 Trước gió thời-gian vững chẳng xiêu.
 Xuân về, sáng rực, từ xuân nhiều
 Giữa những cảnh tiêu-diêu trên trái đất :
 Xứ xứ can qua, xương thịt chất !
 Một lòng cầu Tạo-vật nọ linh :
 Thiều quang hứa-bẹn thăng-bình.

TRI-TÂN

Cung chúc lán xuân

Tri-Tân tạp-chí

NHỮNG NGƯỜI VIỆT-NAM TA Ở NGOẠI QUỐC

Cháu 22 đời vua Lý Anh-Tôn (1138-1175) hiện ở

Cao-ly

NƯỚC Việt-nam ta với nước Triều-tiên, một nước ở về miền bắc hải, một nước ở về miền nam hải, xa cách nhau biết bao dặm khơi. Từ xưa, người hai nước được cùng nhau liên-lạc chỉ có các công sứ của hai nước cùng nhau gặp - gỡ ở Nam-kinh và Bắc-kinh Tàu, như bọn ông Vũ-Tá với ông Quyền-Thúc - Cường, ông Phùng-Khắc-Khoan với ông Lý-Toái-Quang và các ông Mạc-Đĩnh-Chi, Lê-Quý-Đôn ta với các vị sứ thần khác. Xem trong những bộ sách như bộ *Triều kinh thi thiếp, Chi - phong tập* của người Triều-tiên soạn ra và các sử sách ta là biết rõ.

Năm 1914, tôi mới sang qua nước Triều-tiên xem chơi phong vật ở đấy. Khi tôi đi qua đất Bình-nhưỡng là một nơi đô hội cũ, có đến chiêm-bái lăng đức Cơ-tử. Tôi có đề một bài thơ như sau này :

*Tam diện thanh sơn yểm lục đằng,
Tòng thu huất huất hộ di lăng.*

*Ngũ thiên vong mệnh đồng thân-thế.
Trấp kỷ Triều-tiên kỷ phế-hưng !
Như hử giang-sơn thù tác chủ ?
Chỉ kim tang hải lệ nan thăng !
Thê-thê ngã diệc dương cuồng già,*



nhà bia kỷ-niệm việc ông Lý Long-Tường đem tự khí trốn sang Cao ly rồi lập được chiến-công oanh-liệt.

Quý độc tàn-bi, bách cảm tăng...

Đại ý :

Lăng cụ Cơ-tử bát ngát những cây tùng, thu. xung quanh ba mặt đều là núi cả. Giống thân-thế ai, khách cũng vong-mạng sang nước Triều-tiên, một nơi đã trải bao cuộc phế hưng rồi !

Đổi cảnh giang sơn này, thấy cơn

dâu biên, khôn cầm nước mắt ! Tôi đây cũng là một kẻ dương-cường, không khỏi ngồn ngang trăm mối khi qui đọc tấm bia đã tàn ở mộ Cơ-tử !

Và tôi nói với các bạn người Triều-tiên rằng tôi là người thứ nhất bước đến đất nước ông Cơ-tử, có ý tự hào. Sau, tôi ở Tàu, nói chuyện với một nhà lão chí-sĩ Triều-tiên, ông có cho tôi biết rằng:

« Trước đây ba trăm năm, có một người Việt-nam, họ Nguyễn vượt bể sang nước Triều-tiên, ở tại quận Khang-linh, đạo Hoàng-hải cưới vợ ở đấy, Năm Nhâm-thìn nước Triều-tiên nhân có gặc

giã, tức là hồi Phong-thần-Tú-cát sai tướng Thanh-Chính sang xâm lấn nước Triều-tiên, ông họ Nguyễn mộ tập lính hương-dũng đề kháng cự quân giặc : đánh nhau được hơn.

« Sau khi giặc yên, triều-đình thưởng công lao của ông, cho ông họ là họ Lý.

« Nay con cháu ông trú ngụ và

Nhân câu « Tam thập lục cung đô thị xuân » trong thơ Tàu, tôi chợt nhớ đến « ba mươi sáu cái xuân tình » trong thơ ta, thơ lục-bát Kim-Vân-Kiều. Vậy xin chấp-nhật biên tập ra đây đủ 36 chữ Xuân, đề cống hiến bà con một khúc « Xuân-ngâm » trong buổi tàu-xuân năm Nhâm-ngọ.

36 cái Xuân đây, toàn là « Xuân chính-vấn » của cụ Nguyễn-Du, không dám pha thêm một thứ « Xuân giả hiệu » nào cả. Tru trung cũng có một vài chỗ bất đắc dĩ phải đảo ngược hay bỏ bớt cho được hiệp vận, xin độc-giả lấy « lượng Xuân » thê tất cho.

THI-NHAM

*Ngày xuân đã dễ tình cờ...
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồm.
Đêm xuân ai dễ cầm lòng,..
Thưa hồng, rậm lục đã chừng xuân qua*

BA MƯƠI SÁU Tập

*Xuân thu cắt sẵn... hương trà,
Xuân lan thu cúc mận-mà cả hai.
Chùa xuân dành đã có nơi,
Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
Khóa buồng xuân để đợi ngày,..
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần ?
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân,..
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê,
Tin xuân đâu dễ đi về,..*

sinh trưởng ở quận Khang-linh và các nơi lâu-cận đó rất đông, gọi là họ Lý Hoa-sơn» Nhà lão chí-sĩ lại nói: «Xét cái đầu đuôi ông Nguyễn đi sang Triều-tiên, con đường đi và chính tên họ ông là gì cho đến những sự sau khi giặc yên, triều-đình ban thưởng ông thế nào, đến nay trí nhớ không được rõ ràng, chờ sau khảo lại sử sách».

Nguyễn - văn của ông chép đưa cho tôi như sau này:

« Tam bách niên tiền, Việt-nam nhân hán Nguyễn.. độ hải nhi vãng Triều-tiên, Hoàng-hải đạo, Khang-linh quận, thủ Hà-nữ nhi cư-sinh hữu niên. Đương Nhâm-thìn, Oải loạn, tức Phong-thần-Tú-cát tổng kỳ tướng Thanh-Chinh xâm Hà-nhà chi thì, Nguyễn-

quân mộ hương dũng nhi ngũ dịch, vũ chiến hữu công..

« Loạn binh dĩ hậu, triều-đình tưởng thưởng kỳ công tinh từ tính Lý.

« Nhi kim hậu tôn chi cư sinh ở Khang-linh quận cấp kỳ lân cận chi địa giả phả đa: xưng chi Hoa-sơn Lý-thị.

«Ấn: Nguyễn-quân chi bản-lai độ

hải sự do, kinh-lộ, danh tự dĩ cấp loạn binh hậu do triều-đình sở ban chi từ ở ng thưởng đẳng sự thực, chi kim kỳ ức bất thanh, sử tra sử chi. »

Đây là sau khi tôi sang nước Triều-tiên đã về Tàu rồi mới được nghe người thuật lại cho tôi biết, té ra bên nước Triều-tiên có nơi giống ta mà khi tôi sang đây không biết mà tìm.

Mới đây, tôi có tiếp được một bài khảo cứu của ông Kim-vĩnh Kiện là người Triều-tiên đã lâu năm cùng tôi đồng sự tại trường Viễn-đông Bác cổ, do Tokyo gửi (Xem tiếp trang 47)



Ảnh ông Lý Ich-Mô, cháu 22 đời vua Lý Anh-Tôn (1128-1475)

CÁI XUÂN TÌNH

Kiều

Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời.
Ngày xuân con én đưa thoi,
Hoa xuân đương nhị, còn dài ngày xuân.
Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân,
Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng.
Tiệc xuân một giấc mơ màng,
Trai tài, gái sắc xuân đương vừa thời.
Lượng xuân dù quyết hẹp hòi,
Cũng liêu bỏ quá một đời xuân xanh.

Khúc đàn êm ái xuân tình,
Chúa xuân đề tội một mình cho hoa.
Ngậm-ngùi xuân, những tiếc hoa,
Xuân-đình thoát đã dạo ra cao-đình.
Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dưới đèn tỏ rạng... thêm xuân,
Giọt sương gieo nặng cảnh xuân la-dà.
Mười phần xuân có gầy ba...
Sầu dài, ngày ngắn, đông đã sang xuân.
Một nền Đông-tước khóa xuân,...
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

THI-NHAM

XUÂN NGẬP RỪNG XANH

NĂM ấy vừa được nghỉ tết, Khôi và Tân phải đi về ở miền thượng-du theo sông Đà-giang (Rivière Noire).

Phong - cảnh mạn ngược quyến rũ hai nhà nghệ-sĩ, vì những lúc này tết trời khô ráo, cảnh sắc rất nên thơ.

Còn gì sung-sướng bằng khi ngòi bút mỹ-thuật được họa những cảnh thiên-nhiên kỳ diệu? Những dải núi liên-tiếp nhau, nhón cao, nhón thấp, phơi dưới ánh sáng mặt trời rực thành muôn nghìn màu-sắc xinh tươi êm-dịu. Nhiều cây trơ trụi cành lá đứng sững gầy gò. Những cây đại-mộc hoa lá sum-sê đủ các hình, các kiểu. Những cây leo vắt từ cành này qua cành khác uốn thành cửa võng hay thông xuống như chằng hoa trông rất ngoạn-mục.

Gòng sông chảy quanh co lượn theo chân núi như con rắn bạc lượn uốn mình theo dịp đàn muôn điệu của giọng thông reo, làn sóng vỗ. Bên sườn non một vài cô « Mán » lẳng-lẽ đi bước dưới hàng cây to hay đi cheo-leo trên những tảng đá lớn khác nào những chấm bút tuyệt-dĩ rung-rinh trên bức tranh thiên-nhiên, menh-mông, bát-ngát.

Tân ở lại « bản » dưới để vẽ các giống người ở vùng đó. Còn Khôi ngược thuyền lên « nương » trên



tim vẽ phong cảnh.

Hai mươi chín tháng chạp. Khôi còn phải đến ở trọ nhà cụ Hai người kinh buôn bán trên này. Cụ giới-thiệu với Khôi cậu Lý, con gái cụ, bằng tuổi Khôi và Kiều-Minh, con gái cụ, đã theo học mấy năm ở Hà-nội, nhưng nhà vắng cụ bắt về giúp cụ buôn bán. Lúc đầu họ còn bỡ ngỡ, nhưng sau chuyện trò mỗi lúc mỗi thêm thân-mật.

Sáng hôm sau, Khôi ra rừng tìm chỗ vẽ. Buổi trưa hôm đó, Khôi ở lại ngoài rừng, sợ đi về thêm mệt và mất thì-giờ.

Chiều tối, Khôi mới về, thấy bàn ghế đã bày đặt lại: một cảnh đào to cắm giữa nhà trên bàn thờ, khói hương sực nức. Bà cụ và hai con đương kinh cầu lễ.

Một phút yên lặng đầy sự thành-kính. Khôi bồi-hồi nhớ đến quê nhà mà giờ này cũng đèn nhang nghi ngút. Ôi! ngày tết có bao ý-nghĩa thiêng-liêng, phải chăng là ngày hội-hợp của mỗi gia-đình và tổ lòng thành kính, ghi nhớ tiên-tổ?

Một tràng pháo giao-thừa đi-đet ở nhà bên cạnh báo tin xuân đã đến. Khôi choàng dậy với những băng-khuâng ở quê người.

Trong « bản », tiếng cồng pha tiếng trống vang động cả một góc rừng. Theo lệ thường dân thổ rủ nhau đến nhà « Tào bản » để cùng ở đó thưởng xuân.

Hiếu kỳ, Khôi và Lý cũng ra đây góp vui và xem các trò lạ. Theo tiếng đàn những cô gái cùng các bà « kỳ mục » múa hát hay bên nam bên nữ chia phe đánh cò, đánh đúm.

Hôm sau, Khôi ra rừng vẽ. Kiều-Minh và Lý cũng theo chơi.

Cảnh đẹp trời xuân biết bao hứa-hẹn. Hồn nghệ-sĩ lâng-lâng theo dõi sắc hình.

Kiều-Minh vô tình đứng tựa bên gốc cây cổ thụ đang mãi ngấm làn nước suối. Khôi ngạc nhiên la lớn: « Một bức tranh, một bức tranh xuân! » Rồi Khôi yêu-cầu nàng đứng đề vẽ. Khôi cầm bút phác ngay lên vải, lòng hồi hộp, tay run-run trước cảnh, trước người.

Được mấy hôm Khôi sống hoàn-toàn cho nghề: ngày vẽ, tối về lại đồ tranh lên lụa hay ngấm lại các điệu bộ và màu-sắc cho được dung-hòa.

Ngày đêm sau khi vừa vẽ xong bức tranh, Khôi được giấy cần-kíp báo bạn Tân ốm. Khôi phải đi ngay trong đêm, xuôi xuống xem sự-thế ra sao. Nào ngờ Tân mệt nặng đã mấy hôm vì không quen thủy thổ. Khôi đành viết thư cảm ơn và từ-giã gia-đình cụ Hai mong lại có ngày tái-ngộ.

Ngày trong đêm, Khôi đưa bạn xuôi thuyền ngay về tỉnh để chữa chạy, bỏ lại đằng sau tiếng gọi âm-âm của rừng thẳm và khí xuân ấm áp trong gia-đình cụ Hai.

TRỊNH-VÂN

Thông-Chế Pétain đã nói:

Ngày nay thời kỳ lầm-lỡ đã qua. Song còn nhiều người ngông cuồng vẫn mơ tưởng đến sự tai-hối của một chế độ mà họ đã lợi dụng. Tôi-chắc rằng Cách-mạnh quốc-gia rồi đây sẽ giữ phần thắng-lợi cho nước Pháp ở Âu-châu và thế-giới.

HOÀI XUÂN

Lời dẫn

CÁCH đây hơn nửa thế-kỷ, thi-sĩ Trần, vì cảnh-ngộ ngửa-ngang, phải trôi - dạt. một phương trời xa lắc... Gửi thân đất khách, thi-sĩ từng sống những mầu đời chìm, nổi, lênh-dênh !

Một xuân đến ! Thi-sĩ đổi cảnh, xúc hoài, cảm thấy quãng đời niên thiếu bẽng-hái đáng quý của mình đã chìm trong bóng tối thời-gian, nên viết bài thơ sau này đề mong tiết bớt nỗi lòng ưu-nất. Bài ấy được văn - giới đương-thời, nhất là vào khoảng năm 1885, hoan-ngênh nhiệt-liệt. Sau, một nhạc-sĩ thích vì lời đẹp, văn hay, đã diễn vào âm - nhạc.

Nay ông Lưu - Hữu - Phước chép lại bài ông Mai-văn-Bộ đã dịch ra viết-văn và đã phả vào bản đàn tây.

Nguyên-văn chữ hán

Tê phong sạ khởi, huỳnh điệp
phiên.

Nhật lạc thụ lâm sao !

Hoa sự thông-thông, mộng ảnh
điều điều !

Linh-lạc bằng thùy diếu ?

Mộng lý châu nhan, sầu biên
bach phát !

Quang-âm ám thối nhân lão !

Tùng hữu thiên kim, túng hữu
thiên kim,

Thiên kim nan mãi niên-thiếu !

Bài hát của nhà thi sĩ Trần
do Mai - văn - Bộ dịch lại

Âm - nhạc của Sou - mìn Chou
do Lưu - hữu - Phước chép lại



Gió cuốn lá vàng cuồn quay dưới



trời, Kim - ô xế - tà đầu rừng



Yêu - đương, mơ - mộng thời xưa rồi



bời. Nào ai tiếc khi thanh - xuân ?



Niên thiếu khuất bóng, tóc sương vì



sầu. Thời giờ đem đến già - nua



Quãng đời niên thiếu, dẫu mà ta



giàu, Ta khôn lấy vàng mà mua !

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng

học trong bộ

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ

soạn giả : LÊ THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành - chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p.60 — Cước 0p 38

Đề cho : hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bóng — Hanoi

DỊP ĐÀN XUÂN

TRÊN một quãng đường miền rừng núi, khách du-xuân say sưa vẻ đẹp thiên-nhiên của chùa Xuân đã an bài trong vũ-trụ, không khỏi không dừng chân đứng ngắm cái xảo diệu của Hóa công.

Dưới đất cỏ non xanh biếc hòa với lúa, cây thoi thóp bên cồn. Nhà tranh mấy xóm điểm trên tấm thảm màu xanh. Một màu xanh lại càng xanh biếc, cạnh rừng thông bát ngát bao-la... Quanh đồi tre rườm rà cành lá dưới chân núi đá rêu phong, trùng trùng điệp điệp.

Ngoài nội cỏ, suối chảy ỳ-ầm, phun tiếng địch véo-von trên các tảng đá, phản chiếu ánh sáng êm dịu của mặt trời xuân...

Trên đèo cao, đàn dê chạy nhầy, đùa rơn với nắng xuân ấm-áp.

Chim oanh riu-rít trên cành, chào đón xuân mới.

Bên sườn núi, chú tiểu lom-khom dưới bóng cây xanh.

Mục-đồng vài gã, ngồi trên lưng trâu, vừa thổi địch, vừa véo-von hát, khiến khách qua đường lại nhớ đến nhà ăn-sĩ Bạch-Lý-Hề.

Thỉnh-thoảng xa đưa tiếng hát của mấy cô hái chè rung động tâm-hồn xuân khách.

Cảnh-vật dưới mặt trời xuân có vẻ hữu-tình, nhắc ta nhớ đến câu thơ của Tô-Lân:

*Cận thủy lâu - dài tiên đắc
nguyệt,
Hương dương hoa thảo dị vị
xuân.*

(Lâu đài gần nước thì được thấy bóng trăng trước. Hoa cỏ hương về phía mặt trời thì dễ có vẻ xuân).

Ánh dương rọi xuống mặt đất, đem sinh-lực cho vạn-vật, ban sung-sướng cho chúng-sinh.

Không-gian sáng sửa lại càng lẫm vể đẹp của ngọn cỏ, lá cây trong đồng nội xanh xanh mơn-mởn, điểm thêm nhiều hoa thơm, sắc lạ, bướm rỡ, ong vờn!

Đối cảnh, khách càng sinh vô hạn cảm, nhân nghĩ:

Xuân là màu sắc của tuổi trẻ, là thời-kỳ tự do, vui-vẻ, hào hùng... Rã khôn-ngoa hơn các nhà hiền-triết: phải biết tươi cười! phải biết quan-sát cảnh đẹp thiên-nhiên của vũ-trụ.

Nhưng nếu chỉ biết thưởng-thức cảnh đẹp của cây cỏ trong cõi vu-khoáng tịch-mịch, chưa phải là hưởng thú hoàn-toàn.

Tịch-mịch, im-lặng sẽ sinh ra ủy-my.

Sáng sửa, tươi-đẹp, thơm-đượm? Chưa đủ! Lại cần có tiếng hát để rung-động tâm-hồn. Những câu thơ biểu-lộ vẻ đẹp của chùa Xuân để khiến người đời cảm-xúc, phấn khởi

dẫn bước trên đường tiến-thủ đề khởi phụ với tuổi xuân là tuổi khó được hai lần (Thanh xuân nan tái đắc).

Một khi đứng trong thôn-dã, được nghe các cô xuân-nữ cất giọng mộc-mạc ngâm thơ, cùng nhau ca hát, lúc lên bổng, khi xuống trầm, dưới trời xuân êm-dịu, ta có thể tưởng-tượng họ sống riêng một vũ trụ mà những nỗi ưu - hoạn phải nhường cho tươi, đẹp, trẻ, vui. Hình như tiếng hát hòa theo dịp đàn xuân của Tạo-hóa mà thấm lọt vào tận trong huyết-quản khách du-quan làm cho lưu-thông một sinh-khí đầy tươi mới...

Tuổi xuân nghe hát trong mùa xuân có thể thấu thái được đồ linh-lương bồi-bổ cho tinh-thần, để phát-siên ý-kiến hay, tư-tưởng đẹp.

Muốn có chí cao-siêu, cần phải sống trong một vùng không-khoáng. Một chứng cứ: Vĩ-nhân các nước phần đông sinh-trưởng tại nơi sơn-dã rộng-rãi bao-la...

Dân quê hằng ngày tản-nát trên cánh đồng hay trên đồi núi, trong óc có quan niệm riêng về vũ-trụ, có cảm-tưởng luôn luôn tươi đẹp như hoa cỏ mùa xuân.

Đường đi, hai bên hoa thơm, cỏ ngát, đồi núi cỏ lá xanh um đã tạo nên cho nông dân

CỦA VŨ-TRỤ

một triết-lý sâu-sắc.

Quyền sách vũ-trụ không cần phải pho-diễn nhưng đầy những thơ-văn, lịch-sử, cái hay đã lắm, cái đẹp lại nhiều, như vẻ đẹp mùa xuân bao lần đi đi lại lại.

Xuân đẹp ! Xuân vui ! Thơ xuân không ủy-mỵ, không làm cho quần-chúng phải đau thương, không gợi lòng âu-sầu các quả-phụ, nhưng trái lại, gieo vào óc người đời những hy-vọng mạnh-mẽ.

Câu hát mùa xuân giục người gửi vào biết bao hi-vọng, hi-vọng rực-rỡ, hi-vọng tương-lai tốt-đẹp, hi-vọng đoàn-viên, hi-vọng tái-ngộ. Nhờ có hi-vọng, người ta quên những đoạn đời cùng-quẫn, khó-khăn.

Một thiếu-phụ Ấn-độ bị giam bắt giam cầm bảy năm tại một nơi hiu-quạnh. Vì thơ xuân còn trong ký-ức từ lúc ra đi, nàng nuôi hi-vọng chóng được thả về, nên trong cảnh cô đơn, nàng được vó-cùng yên-ủi. Người chồng cũng nhờ thơ xuân mà xưa kia đã từng cùng vợ hòa vui, nên ngày lại ngày, năm lại năm, yên tâm chờ dịp trùng-phùng. Rồi bảy năm qua, hai vợ chồng lại được đoàn-tụ : Cái giờ sung-sướng làm tiêu-tán những nỗi nhớ-nhung trong bảy năm xa cách. Bảy năm không còn lưu lại một di-tích

gì hơn nữa là ảnh-hưởng thơ xuân : thiếu-phụ không vì âu-sầu trong khi giam - cầm mà phải giảm xuân sắc như câu cổ-thi đã tả : *Hồng-nhan tam xuân thụ, lưu quang nhất chức qua.* » (Má hồng như cây trong mùa xuân, bóng sá-g chạy qua vùn-vụt như người ném cái thoi dẹt cử.) Còn chồng thiếu-phụ vẫn giữ tấm lòng kiên-trinh đối với bạn trăm năm. Hai bên vẫn trong-sạch như nước suối qua ghềnh. Chung-quanh cặp uyên-ương mới đoàn-tụ, cảnh vật vẫn xuân : trong vườn, hoa quả sắc tươi, hương ngát, chim oanh riu-rít trên cành, một thứ chim đã từng năm năm thông báo cho cặp uyên-ương biết tấm lòng trich bạch tươi-sáng của đôi bên trong lúc biệt-ly, tươi sáng như cảnh-vật mùa xuân.

Chim làm bi-thư, làm thông-tin, liên-lạc các tình - cảm của vũ-trụ. Trên bề ái-tình, trong vườn xuân hoa thơm, cỏ ngát, chim đem lại sự trẻ vui với tiếng hót thanh-thanh.

Trong khi hót, chim không thể xa lìa hoa quả. Ong làm mật không thể không gần hoa. Thi-sĩ không đối cảnh không có thơ hay, cho nên thời thường thi-sĩ hái hoa xuân để tặng tư-tưởng mình.

Bao nhiêu anh - hùng, bao nhiêu sự - nghiệp, bao nhiêu

hương thơm của thời-dại đều chung-đúc vào màu-sắc của cây cỏ, vào dịp đàn của Táo-bó, vào câu văn, tiếng hát của nhân loại dưới ánh sáng mặt trời xuân...

Xuân là thế ! Ảnh - hưởng xuân là thế, cho nên vui xuân vui lấy kéo hoài mất xuân...

NHẬT-NHAM

Xuân cảm

MIẾU

*Xuân đi, xuân lại trở về,
Hỏi rằng : xuân có ý chờ đợi ai ?
Xuân-đỉnh lần nữa hôm mai,
Chơi xuân, chơi lấy kéo hoài
xuân đi...*

NÓI

*« Bộc-trúc nhất thanh trừ cựu
lạc,
« Đào - hoa y cựu tiểu đông
phong. »
Chốn xuân - viên, nghìn tía,
muôn hồng,
Xuân-sắc khéo treu lòng người
du tử !
Đón chúa Xuân chào mừng hớn-
hở,
Cảnh xuân vui, vui khắp vũ-trụ
có riêng ai !
Gặp ngày xuân, chơi lấy kéo
hoài !
Nào những khách hoài xuân ai
đó tá ?
Cuộc nhân - thế, bóng thiếu-
quang bao nả ?
Ngắm thanh - xuân tấc dạ
những bồi-hồi !
Chữ rằng « xuân bất tái lai »*

Nhật-Nham

TRỊNH-NHU-TẤU

xuân về...

LÀ I một lần nữa. Xuân về !
Một lần nữa, thiên-hạ hơn
hở chao đón Xuân sang.

Vị lão-thành trịch-trọng đón
Xuân, với chầu cúc đã vun giồng
uốn nắn rất công phu, với giò
thủy tiên đã tĩa gọt bằng tất cả
tài-năng nghệ thuật, mặc dầu
mỗi một xuân sang là một
đoạn đời thêm cần cỗi.

Người thiếu nữ đứng trước
gương trong, vui tươi với Xuân
bằng những nụ cười hồn nhiên
thành thật...

Kẻ giàu-sang đều hí hửng
thưởng Xuân trong tất cả những
sự cực-kỳ xa hoa đài điểm và
con người nghèo khó cũng
lấy làm hân hoan sung sướng
cùng Xuân khi đưa mắt ngắm
nghĩa cái cột nhà hay bức vách
loẹt-loẹt có gác những giấy
« hồng điều ».

Xuân là một bậc Thiện-thần,
Xuân là một vị cứu tinh. Xuân
trở lại với tất cả những võ về
an ủi, những dỗ dành, khuyên
nhủ, với tất cả những điều hay
ho tốt đẹp, dành để ban phát
cho hết thầy mọi người.

Cho nên, ở Xuân, người ta
gửi bao hi vọng...

Đêm tận cùng của một năm
là đêm ba mươi tháng chạp.
Trong sự tối đen u uất của đêm
ấy, tưởng chừng như có chứa
đầy những sự ảm nẫn, những
điều lầm lỗi, những hành vi
tàn ác của bao người đã nắn
lòng thoai chí, đã hằng sống vô
vọng suốt một năm qua.

Đêm ấy buồn tẻ, nặng nề

bao nhiêu thì từ lúc giao thừa,
đến ngày hôm sau được tung
bùng êm nhẹ bấy nhiêu. Bao
người cùng nhận thấy tâm hồn
mình được trong sạch, thần trí
mình được vững bền, vì tin
tưởng rằng Xuân về đã có thể cả
tạo được cuộc đời sống từ đây.

Xuân có tính cách thiêng
liêng mầu nhiệm gì mà khiến
cho người ta phải dốc lòng
tín ngưỡng ?

Cớ sao ta không chịu tin ở
ngày mai tốt đẹp của ta, cũng
như ta đã tin cậy ở xuân ?
Ngày mai cũng có thể là những
ngày xuân sán lạn dễ khuyến
khích lòng người thêm phần
khởi. Một khi đã tính làm tròn
phận sự, ta sẽ thấy hết thấy
cái gì cũng đượm ý xuân, xuân
ở chung quanh ta, xuân ở cả

trong cõi lòng ta, xuân ở cả
trong trí óc ta.

Nếu ngày nay trót lỡ lầm
lỗi ta nắn lòng, ta vẫn có thể
tìm ngay một ngày mai để
sám hối và nguyện luôn luôn
đem năng lực ra phấn đấu,
mong vượt hẳn những nỗi trở
ngại, khó khăn mà làm xứng
đáng nhiệm vụ.

Lúc này phải đâu là lúc ta
những do dự rụt rè. Giờ này
là giờ mà ta cần phải cương
quyết, luôn luôn đem hết nghị
lực ra để hoạt động, để ganh
đua, để phụng sự...

Ta chậm ngày nào, tức người
khác sẽ hơn ta ngày ấy, và
họ sẽ còn đi xa ta nhiều mãi.
Hỏi ta còn có thể đuổi kịp họ
được chăng ?

Thì, hãy tiến bước mau lên,
các bạn !

CÂY THÔNG

Tổ-tôm phú

Quan « làng chơi » hai văn. Thuận áp

CHIẾU giải trên giường; năm
người thành làng.

Trăm hai mươi quân; phu
dọc, phu ngang.

Hàng vạn, hàng văn, hàng sách,
hàng thép;

Ừ lèo, ừ tôm, ừ thông, ừ sòng.

Tứ trụ thì không cứ Cần - chính,
Văn-minh, lầu son gác tía.

Tam khôi thì không cứ Trạng-
nguyên, Bảng-nhơn, bia đá bằng
vàng.

Hay là Âm-phủ ôm sẵn có cột cầu,
làm giai phải biết.

Thôi đừng ngại chị em cười cũng
như sóc-đũa, hồ thiếp xin mang.

Con mắt đủ mười; đừng dậy
trông người:

Gần-gũi năm cỏi, đưa - chen năm
loài.

Yếu thua mạnh được; biết bao
nhiều là trò chơi. Người thì vượt
tàu giữa bể khơi; sao chúng ta
cheo đỏ trong xô ngòi.

Người thì chụp ảnh giữa khoảng
giời; sao chúng ta treo tranh vách
đầu hồi !

Lập thân cốt phải có lưng, đương
chờ bạch thủ.

Sinh đương hẳn nghe ừ sấm;
phải dậy thiên khai. Tở chúng ta là
rồng bay; chứ không phải là tôm
ngoi !

Anh, chị, em ơi ! vớt bài đi thôi;
thử gờ tay múa trên vũ đài.

BÙI-TRÍNH-KHIÊM

NGÀY TẾT « LỊCH-SỬ »

HOA-BẮNG

XUÂN đến ! Quanh bên ta, đóa kim cúc nhỏ nở cười với một dáng vẽ ngạo sượng ; bông thủy - tiên cánh trắng nhị vàng thoang - thoảng tỏa một mùi thơm mát dịu ... Chúng ta được ủ-ấp trong hương sắc xuân.

Gảy bài đàn hùng tráng, tinh thần phấn-khởi phát-dương ...

Ngâm mấy vần thơ phiêu-dạt, vui tươi, tâm hồn được nâng lên cõi trong sáng, lãng lã, thư xướng ...

Trong khi ai nấy đương trầm trồ rốc chén hương xuân, hớn hở khoác áo màu xuân này, chúng ta không khỏi trăn trở nhớ đến những cái xuân quá khứ : có khi lòng ta phải se lại vì những nỗi hồi-hộp kinh-hoàng, nhưng cũng có lúc ta được hăng-hái phấn-phở vì những nét liệt-liệt oanh-oanh còn in trên mực đen giấy trắng.

Chỉ từ mồng một là ngày đầu năm xuân thủ đến mồng bảy là ngày khai ấn hạ tiêu (khai hạ) đã có biết bao sự biến tày trời, biết bao chiến-công hiển-hách đáng ghi nhớ ...

(Xin coi thêm bài « Trong tháng xuân, ngày xưa ta làm những việc gì » của ông bạn Long-Điền ở trang 37'.

Một bọn Hoa-thương khởi nghị giữa mồng một tết !

Cách nay ngót 200 năm, cũng vào ngày mồng một tết, nhưng là mồng một tết năm Đinh - mão (1745) tại Gia-dịnh đã xảy một việc âm mưu phiến loạn, mà việc biến động này lại do bọn Hoa-thương gây nên !

Nguyễn Lý văn-Quang là một tên thương-khách Phúc-kiến, ngụ tại Đại-phố (1) thành Gia-dịnh, làm nghề buôn bán.

Bấy giờ Đại-phố thuộc dưới trị quyền chúa Hiếu-Võ (1739-1765) nhà Nguyễn.

Thấy nhân dân hồi ấy đang sống trong cảnh thái-bình, không biết đến việc binh, Quang cho là một dịp tốt có thể khởi sự được.

Quang bí mật tổ chức một đảng đến hơn 300 người, rồi tự xưng là Đông-phổ đại-vương, dùng Hà Huy làm quân-sư, Tạ-Tam làm tả đô - đốc, Tạ - Tứ làm hữu đô - đốc, ngầm tính những việc khuấy nước chọc trời.

Võ-tướng bên Nguyễn có ông Nguyễn Cư-Cần là một tay dũng mãnh hơn người và giỏi võ nghệ bấy giờ đang làm khâm-sai cai-đội, tước Cần-thận hầu, đóng ở Trấn-biên-doanh.

Ông Cư-Cần là một nhân vật đáng sợ ~~trong các~~ bọn Lý văn-Quang.

Chúng nghĩ mưu trước hễ trừ được ông đi, thì sẽ thành công ~~còn~~ dễ dàng.

Tết Đinh-mão (1745) ~~đến~~ tung bừng ~~đến với dân chúng~~. Từ châu-thành tới quê thôn, từ các nhà chuyên-trách đến nhân dân, ai nấy ~~hòa theo tiếng vui reo của dịp nước quanh~~ Kê-châu (2) ~~tấp - nập~~ trong cảnh đón mừng xuân mới.

Bọn Quang rập nhau cử sự :

Đặt sẵn quân phục ở trong phố, chúng đem hơn 50 tên dũng cảm, bản áo đẹp và mang theo lễ vật, giả làm bọn người đi lễ tết, đàng-hoàng tiến vào ~~nhà ở~~ trong trại Cần-thận-hầu, nói là năm mới đi đến mừng tuổi.

Nhân lúc không ngờ, bọn hơn 50 tên ấy rút đoản - đao ở trong tay áo ra, xông vào chém Cần-thận-hầu.

Tuy bị thương, ông Cần cũng vùng chạy đến bên vách, rút thanh bốt-đao ở trên giá, giết được 5, 6 tên giặc.

Rồi chúng tự rút ra ngoài, ủa vào trong trại quân, cướp lấy súng dài, chia ra hai mặt ập lại hỗn chiến.

Xem tiếp trang 16

1) Đại phố châu lại có tên khác là Đông phố hoặc Kê châu.

2) Vì hình thế chỗ đất Đại phố này trông như bông hoa vón nước, nên mới gọi là Kê-châu.



CẢNH THỨ NHẤT

Lớp một

PHÙ-SAI — TÂY-THI — NGŨ-TỬ-TU

BÁ-HY

PHÙ-SAI.

Chư khanh ! nước ta sẽ không
bao giờ chết.

Vua say vui rồi dân cũng say vui.

Và chư khanh không lẽ không tươi
cười,

Khi lòng trăm chứa đầy bao lạc-thú
Trăm muốn đổi cho dân-tinh khác

cũ ;
Trăm vui cho dân bất chước yên

vui
Và chư khanh khá như trăm tươi

cười :

Xuân trong hạ, xuân trong đông,
ngắm xuân đi chạn-chứa ;

Xuân mãi mãi ngập trong phòng
ngoài cửa

Một triều xuân và một nước xuân
tươi,

Một mùa xuân !

NGŨ-TỬ-TU.

Dưới bộ rồng ngu thần phủ phục
Xin tâu cùng Bệ-hạ biết qua-loa :

Trong triều-đình hỗn-độ, bách tính
kêu-ca.

Nổi thối-khở rung lòng tiện-sĩ.

Thần lo-lắng khi một lần hoan-hỉ

Bệ hạ quên mà chỉ thấy xuân tươi

Dưới bộ rồng, ngu thần phủ phục.

Mà tâu rằng xuân chỉ một mùa thôi.

Chín chục thiếu quang rồi sẽ còn

trôi
Theo tương lai nước nhà, nếu xuân

trong triều có mãi.

BÁ-HY

Tâu bệ hạ, nên vui xuân là phải.

Thần chúc xuân trong bệ hạ sống

muôn năm ;

Và Cung-phí đẹp mãi như trăng

rằm.

Thực, vua xuân, tôi xuân, triều-

đình đẹp-đẽ.

PHÙ-SAI

Khanh nói phải với những lời văn-

vẽ,

Khanh thực đáng làm Thái-tể cho

quần dân.

Và Trăm bao cho khanh cốc rượu

xuân.

Khanh hãy ước cho triều-đình xuân,

mãi.

NGŨ-TỬ-TU

Tâu bệ hạ, nếu một ngày xuân chết ?

NGŨ TỬ - TU

(Kịch lịch-sử bằng thơ)

XUYỀN-HỒ viết

Một hồi, bốn cảnh

(Kịch xý 'a' triều Ngô)

NHÂN-VẬT

Phù-Sai, vua nước Ngô

Tây-thi, cung-phí của Ngô-vương do Việt-vương Cáo-Tiến tiến dâng.

Ngũ Tử-Tu, tướng-quốc, trung-thần nhà Ngô.

Bá-Hy (1), thái-tể nội-thần nhà Ngô.

Văn-Chủng, tổng-lý quốc chính, sứ-thần nước Việt.

Tiều-Đổng, hầu Ngũ Tử-Tu

TÂY-THI

Nhưng mà người lão thần nên biết :

Xuân không tàn.

PHÙ-SAI

Mà xuân có tàn đâu.

TÂY-THI

Bệ hạ ơi ! buổi chiều đã quá lâu.

Thiếp cảm thấy tâm hồn hơi mệt.

PHÙ-SAI

Tiếp đã bảo xuân không bao giờ

chết

Khi bãi trào khuyên chư khanh

cử yên vui

(Phù-Sai, Tây-Thi vào)

Lớp hai

NGŨ-TỬ-TU. BÁ-HY

NGŨ-TỬ-TU

Ôi ! những kẻ nịnh-thần !

BÁ-HY

Kia những thẳng hư lão.

NGŨ-TỬ-TU

Dám phụng-sự bạc vàng mà quên

nước, quên dân !

BÁ-HY

Đã múa mồm triết-lý với xuân tươi

NGŨ-TỬ-TU

Dám tươi cười quên mình trong

nhục-nhã.

BÁ-HY

Phải, ta tươi cười, còn nhà ngươi ?

(Hạ màn rất nhanh)

CẢNH THỨ HAI

Phù-Sai — Tây-Thi

TÂY-THI

Triều thịnh-trị, rượu say, lòng

choáng-váng.

Hương sen nồng giọng sáo gột

không-gian,

Êm như ru,

Ai ru em mãi tới canh tàn.

Êm-thắm quá trước giờ trăng liếc
bóng.

Tâu Bệ-hạ, nghĩ lo gì ? Kia gió sóng

Về dập-dờn khuyên kẻ ái-ân say,

Sóng dập-dờn, gió bão-cơn, kia

rền lay !

Sóng gió gọi lòng em thêm cảm

hương.

Một phút vui vầy bằng mấy năm

lãng-dữ.

Vui

PHÙ-SAI

Gắng vui nữa nàng ơi !

Trăm muốn say-sưa chết giữa nụ

cười.

Ai cho trăm ngũ ngàn năm trong

khóe mắt ;

Một hơi thở của nàng bạc vàng

không đắt

Một tiếng cười xinh-xắn sáng thoát

làn-môi.

Ai dâng lên giữ mãi trên đĩa đời-

môi,

Cho khỏi tỏa lư trăm quán-quýt.

Nàng đẹp quá ! Khanh ơi ! Nàng

ơi, tha-thiết !

Đây người trần hay cả một tiên-

nga,

Đây trong vời như cả một lời ca !

TÂY-THI

Và đây nữa tiếng chim chiều đương

giục-giã.

Và đây nữa ngát hương tình, tâu

Bệ-hạ,

Khúc nhạc chiều dẻo-dắt thêm tô-

diêm lòng ta.

Khúc nhạc chiều ! ! !

PHÚ-SAI

Khúc nhạc chiều !...

TÂY-THI

Còn tô điểm lòng ta.

Và đôi ta ca mãi khúc tình ca.

PHÚ-SAI

Ừ ! Khúc tình-ca.

TÂY-THI

Nhưng tiện thiếp có lời tâu Bệ-hạ,

Việc triều chính đã lâu nay thiếu người chủ tọa !

PHÚ-SAI

Thì khanh lo việc ấy làm chi ?

Việc trong triều ta đã có Bá-Hy.

Người tôi ấy đáng tay cầm quyền

Nhưng việc triều sao khanh đã

Hãy cùng ta cạm chén đề say tình.

Đề đưa cùng hương ngát giọng

TÂY-THI

Giọng chim xinh lạc nẻo giữa hương tình.

PHÚ-SAI

Giữa hương tình đôi ta cùng lạc ý.

Ngợp hương tình ta biết nói

TÂY-THI

Nhưng cúi đầu, lòng thiếp có

Đầy ân ái nhưng thiếp còn phiền

Xin Bệ-hạ chính cho như lời

Là gạt phăng thẳng phản tặc ra ngoài.

Thăng giặc già...

PHÚ-SAI

Nhưng nó chính là ai ?

TÂY-THI

Là một kẻ tử thù cùng tình ái ?

Đã bao lần nó rập tâm phá-hoại,

Muốn dứt đường ân-ái của đôi ta.

Luối kia sao còn khéo uốn giọng

Thiếp chỉ sợ một ngày kia rồi liễu

Bị dập vùi sau những lời tâu khéo

Bên bộ rùng của đứa,

PHÚ-SAI

Đứa ?

TÂY-THI,

Từ-Từ.

Và lần đầu sao thiếp thấy lo-áu

Cho giấc mộng êm đêm rồi sẽ mất.
Và rồi đây, khi ánh chiều đã tắt ;
Nguồn vui kia có lặn với hoàng hôn !

PHÚ-SAI

Nhưng khanh ơi ! Hoàng-hôn không

Ở trong tình hoàng-hôn sống muôn

Nghe lời khanh, ta lại những trăm-

Ừ, vâng, ta tuân lời người đẹp.

Ta tuân lời...
(Hạ-màn)



CẢNH THƠ BA

Ngũ Tử-Tư

(rồi tiều-dồng)

NGŨ TỬ-TƯ

Không có lẽ bệ vàng yên giấc

Say trong men và ngủ mãi trong đình.

Không có lẽ hoàng-hôn u-âm mãi,

Ngày vừa tàn sao bóng đã nhòa

Tổ quốc rên đau hay ngáp hện.

Lời bí-nho sao ngậm giữa triều-đình.

Sông nước, núi non, thành hào, xã

Vẫn vô tri đứng lặng vô tình !

Rượu say, say nốt dạ trung-thành,

Say không bị tâm tư, hậu, thủ.

Trăng phớt ánh gió xuân vờn hờ-

Không tu cho lòng ngủ giấc mộng êm,
Rượu ngày dài, đèn thoi thóp thâu

Say rồi tỉnh, tỉnh say, phiền tiếp

Người trung sĩ ngày mai rồi hết

Mắt say miễn hôn có đỡ lo âu.

Nghĩ thêm đau, than mãi chỉ thêm

Tiêu đồng khá đáng bầu và ngọc-

TIÊU-ĐỒNG

Bầm tiên-sinh, rượu đầy dâng...

NGŨ TỬ-TƯ

Rượu dâng càng chán-ngán

Chén đầy cầm, ánh ngọc có thêu

Người, rượu sẵn, có được giọng

Người, bầu sữ, có chứa đầy lòng

Người, vạn vật, có than thắm

Ồi, nhan sắc !...

— Kẻ trung thần ! —

Sao độc-địa !

Quân Nam-di đã bao lần mất

Oai nước hùng, nay có lẽ sắp

Và muôn dân thôi sắp đến lúc

Và lâu đài và xiêm y lộng-lẫy ;

Và vong-linh những đấng tiền quân,

Có ngậm-ngùi thương - xót người

Có ngậm-ngùi mà soi xét tấm tình ?

Trong vườn ngọc vừa đêm trăng

Trên hồ sen thuyền rẽ sóng tung

Những chiều vàng trắng gió tựa

Hương-diệp-lang (1)

Ái có hiểu cho kẻ này đang đau đớn,

Ôi kẻ này !

Tỉnh hay say?

(Năm mê luôn, mẩn tử tử hạ)

CẢNH THỨ TƯ

PHÙ-SAI — TÂY-THI

NGŨ-TỬ-TU — VĂN-CHỦNG

VĂN-CHỦNG

Tâu bệ-hạ, xin vui lòng thu lễ
Cho hạ-thần hay cho cả tề-bang,
Kể ngu-thần có vật mọn dâng sang.
Xin bệ-hạ đón tay đừng từ chối.

PHÙ-SAI

Ta có lời ban phước cho vua người
Lòng trung ấy khiến ta càng cảm
kích.

TÂY-THI

Bệ-hạ phán mà lòng em bao vui
thích

Và từ đây Việt quốc được thêm gần
Sự yêu-thương lòng lộng của oai thần
Và từ đây Việt-vương không lo sợ
Sự xâm-lang của bao loại mọi-rợ,
Sẽ ung-dung mà hưởng cả mưa xuân
Và rồi đây bao vui sướng cho thiếp
thân

Mà bệ-hạ sẽ hưởng cùng tiện thiếp.

NGŨ-TỬ-TU

Xin bệ-hạ đừng nhận đồ vật ấy.
Vì Ngô-quốc sống muôn năm hùng-
vĩ;

Cối-kê-sơn (2) còn hùng-vĩ sống
muôn năm.

Thì án ngục hình sống trong Câu-
Tiễn,

Ngậm trong tim sống máu sôi tam.

Bệ-hạ nhớ, một người như thế ấy,
Không lẽ còn quên bằng được thù
xưa.

Đã bao lần mưa nắng, nắng rồi
mưa;

Con người ấy xác-xơ cùng mảnh
giáp.

Bây giờ lại ra chiều bão-đáp,
Dâng ngọc, ngà, người đẹp với cầu
thần..

Không sai rồi, đây chỉ kẻ mỹ-nhân.

Không có lễ bệ vàng không tỉnh-

Trước mấy lời can-ngăn thô-lỗ
Nhưng thật lòng hết dạ của tôi
trung.

Không lẽ nào đã-tràng mãi vô công!

TÂY-THI

Tâu Bệ-hạ, đừng nghe con người ấy.
Lời can kia có nghĩa-lý gì đâu.

PHÙ-SAI

Ừ, phải rồi Ái-Khánh bàn chí-lý.
(nói với Tử-Tu):

Ta khuyên người ngậm miệng chờ
quý tâu.

TỬ-TU

Trời ơi! ai cứu gỡ chớ mau!
Đây xấ-tắc, đây ngai vàng đồ sụp.
Ôi! mấy ngàn năm vinh-quang
trước,

Chỉ một ngày tan-tác, bởi vì ai?
Bao năm xưa gây-dựng biết bao
đời.

Say một phút bên nọ cười nghiêng
nước,

Tao-tàn theo hơi gió của sắc
khuyên thành!

Kẻ ngu-đần ngu mãi như trong
tranh,

Người bạo chúa, sắc, tình,
chưa tỉnh ngộ!

PHÙ-SAI và TÂY-THI

Tên nghịch-tặc dám quen
mồm hồng hách.

Không sợ vua, không kính
chúa, coi rể triều-đình.

Nghĩ có công nên lên đáng
hợp mình.

Thôi gương đây người liệu mà
tự xử.

(Phù-Sai trao gương, Ngũ Tử-
Tu đỡ lấy).

NGŨ-TỬ-TU

Trước mặt người, ta khen
cho mỹ nhân;

Ta chỉ tiếc cho ngai vàng rồi
đồ sụp!

Bên nắm mồ ta, nhà tranh
một túp;

Con ta còn hiểu thấu lòng ta?
Rồi đây ai hát khúc bi-ca?

Bóng chiều tà,
Bóng trắng tà,

Có rõ lòng ta...

(Cầm gương tự sát)

(Hạ màn)

HẾT

XUYỀN HỒ

1) *Hương điệp-lang*: Ngô-vương sai làm ra trong giầu nhiều chum vại để lúc nào Tây-Thi dạo chơi xem trăng, dạo hải gổ, tiếng gổ vang lên rất vui tai, cho nàng đỡ buồn nên Tây-thị đặt tên là « Hương điệp-lang »

2) *Cối-kê sơn*: núi cối kê. Phù sai đem quân đánh nước Việt trả thù cho cha là Hạp-Lư xưa kia bị Câu-Tiến giết. Câu-Tiến bại trận, đầu hàng, đáng lo bị giết; nhưng vì đút lót cho Bá Hy, Bá-Hy nói khéo với Phù Sai, Phù Sai tha giết cho và sai Lương tôn Hùng làm thạch thất, gần mã Hạp Lư ở núi Cối kê để giam Câu Tiễn, bắt Câu Tiễn giữ việc chăn ngựa. Sau Phạm Lãi bày kế cho Câu Tiễn phải nếm phân. Phù Sai vì thấy Câu Tiễn chịu nhục mãi, Phù Sai tưởng trung thành thật với mình nên tha cho Câu Tiễn về nước. nhưng hằng nam vẫn phải cống hiến quý vật và mỹ nhân.



TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN

N GÀY tết, nhà nào cũng có một bàn thờ tổ-tiên kê ở gian giữa, sang thời hoành-phi câu đối sơn son thếp vàng, tự-khi bằng đồng, xoàng thời câu đối giấy đỏ gián cột, đồ thờ bằng gỗ, nhưng hai ý-tưởng vẫn là một, vẫn là thờ - cúng tổ-tiên để tỏ lòng hiếu-kính.

Trong ba ngày tết, nhà nào cũng có mâm cỗ, bánh trái dâng-cúng như lúc sinh-thời. Ta chịu ảnh-hưởng văn-hóa của Tàu từ xưa, nên việc thờ-cúng tổ-tiên, đối với ta, đã thành nh tôn-giáo.

Có người đã bàn đến sự bỏ việc thờ-cúng tổ-tiên. Nhời bàn ấy chỉ là một ý-tưởng ngộng-công trong chốc-lát, nó là triệu-chứng của một thời-đại mà vật-chất đã hầu như át tinh thần, cái tinh thần «gia-tộc» mà ngày nay chính Thống chế Pétain, vị quốc-trưởng phục hưng nước Pháp, cũng đặt vào chương-trình cải tổ quốc-gia.

Việc thờ-cúng tổ-tiên có từ lâu, từ 2000 năm nay : ở Ai-cập, người ta tin rằng sau khi linh-hồn đã lìa khỏi xác, nếu xác ấy không tiêu-diệt, linh-hồn kia sẽ bất-diệt. Vì vậy người Ai-cập đã dùng chất thuốc thơm ướp những xác chết. Gần đây, các nhà khảo-cổ đào các ngôi mồ ở Ai-cập, còn thấy y-nguyên những xác ướp (momie) của các vua, chúa, bậ. phi, công-hầu, khanh, tướng, đã sống được đây 20 thế-kỷ. Một sự lạ là những xác ướp ấy vẫn còn nguyên, có khi gần đủ thần-thái như lúc sống.

Lại vì tôn kính người quá-vãng, dân Ai-cập đã xây các ngôi mồ rất công-phu, có buồng rộng-rãi,

trên tường vẽ những việc làm và công-nghiệp người mất. Cạnh nơi thi-thề, có đu mũ, áo, đồ binh-khi, đồ dùng hằng ngày. Kèm thêm vào đây một cuộn giấy ghi tiền-sử người mất. Nếu là người mộ đạo thì có cả một cuốn vãng-sinh ghi những nhời cầu-



nguyện.

Ngày nay, du khách qua bề cát sa-mạc Ai-cập, còn thấy sừng-sừng những ngôi mồ xây hình kim-tự, tức là những kim-tự tháp, một trong bảy cái kỳ-quan của vũ trụ.

Nhờ những sự tìm-tòi, kê-cứu của nhà khảo-cổ, như ông Champollion, người Pháp, ta biết được phong-tục, lễ-nghi, tôn-giáo và nhất là tục thờ cúng tổ-tiên của họ.

Trong những quyển sách vãng-sinh tìm được, người ta thấy ghi những nhời cầu-nguyện rất thiết tha của kẻ khuất : do người con hiếu đã soạn cho cha để báo chữa trước mặt vua Diêm-vương Osirés : « *Tâu đại-vương, tâu dân lúc ở dương-thế, bao giờ cũng không dám nói điều trước thần*

Công-lý, không dám lười nhác trong việc làm, không thất tín với ai, không làm điều gian-tà, không giết người, không xâm-chiếm ruộng đất, không làm ai đau-khổ, không ngăn nước vào ruộng của ai, không ăn cắp đồ khâm-liệm và thực-phẩm cùng người mất, không cướp sữa của trẻ hài-nhi. Tâu dân thật là trong-sạch trong-sạch lắm ! »

Bài cãi của mỗi người tuy có khác nhau, nhưng đại để cũng có những ý trên.

Người Hi-lạp trọng người quá cố lắm, họ tin rằng khi linh hồn người mất xuống Âm-phủ do vua Diêm-vương Pluton cai-trị, phải đến đối chất tại tòa ba quan thẩm-phán là Minos, Faque, và Rhadamante.

Ba vị này sẽ chiếu sổ từng người : ai sinh-thời ăn ở nhân-đức thì được hưởng sự sung-sướng ở vườn ngự-uyên (champs Elysées); còn

những kẻ hung-ác, tàn-bạo phải xa địa-ngục (Tartares) để chịu những cực-hình.

Tục Hi-lạp, khi có người mất, sau khi tắm gội, thay áo rồi, người nhà đem liệm, gói lại. Thân-nhân mặc tang-phục màu đen, thân vào khiêng ra đồng. Đi sau người mất là bà con, họ - hàng. Nhà nào vắng, có thuê mấy con mu khóc mướn, lại có phường thổi sáo để hòa những khúc hát bi-ai mà họ hàng đã nghĩ ra để tặng vong-giả.

Khi đến huyệt (thường là hang núi), sau khi để thi-thề vào, người ta lấp cửa hang bằng tấm đá, rồi dựng mộ-chỉ ghi tên tuổi chức nghiệp và sự-nghiệp người mất. Rồi người gia-trưởng bày

TIÊN-ĐÀM

Xem tiếp trang 36

TRUYỀN NGÂN

của

PHẠM MẠNH - PHAN

MỘT CUỘC ĐẮC

THÌN, từ khi vào học ban luật chưa tìm được nơi tạm trú. Những chỗ đăng báo đề nhận các sinh-viên trọ thì chàng lại không thích vì chàng cho những nơi đó người ta vụ lợi cố ý ghép các người ở vào nơi chật-hẹp, chen-chúc và ồn ào.

Chàng không thích tháng ngày phải chung đụng với những người có thể làm cho chàng khó chịu. Chàng chỉ mong có một căn phòng đủ kê một chiếc giường và một bàn con để bày một lọ hoa và dùng làm bàn học. Chàng không mong gì hơn vì đã tự nhủ đem thân đi nơi xa lạ đâu được đủ mọi điều tiện-lợi như khi ở nhà nấp dưới bóng gia-đình đầm-ấm.

Một hôm, chàng đi tản bộ thơ-thần dưới bóng liễu rủ trên bờ hồ Gươm, nhìn làn nước biếc lồng bóng mây xanh của buổi chiều êm-dịu và ngắm các lá đang nhớn nhơ tung - bồng đùa rờn trước ngọn gió xuân. Chàng không để ý tới một ai vì còn đang mãi ngắm những thiếu-nữ thơ ngây tóc mây buông rủ trên vai, đang nói cười vui vẻ. Chàng cảm thấy tâm-hồn rung-động và như thấy mình lạc lõng trong cảnh thần-tiên mơ-ảo. Kìa, xa xa các làn áo mui đang quện theo chiều gió mà in trên thân-hình các thiếu nữ đó những nét thẳng đường cong. Những cặp mắt long lanh cười trong ánh sáng với những cử chỉ nhí - nhảnh của những bông hoa đó đã có một sức mạnh mê hồn làm chàng phải ngây ngất, say-sưa !

Chàng lúc trước thì mãi ngắm cảnh vật thiên nhiên và mãi nghe tiếng nhạc chiều của gió bốn phương mang tới thì nay như bị thôi-miên trước những nàng tiên xinh-đẹp.

Tâm, bạn học chàng khi xưa, chợt vỗ vai hỏi :

— Anh Thìn, đang nghĩ gì thế ?



Chàng như sực tỉnh và đột ngột trả lời.

— Kìa, lâu mới gặp anh.

— Thế, nay anh ở đâu ?

— Tôi chưa tìm được chỗ ở nhất-dịnh.

— Ồ, thế anh xuống dưới tôi cho vui. Nhà tôi, như anh đã biết, vừa rộng-rãi vừa tĩnh-mịch lại ít người : chỉ có tôi, mẹ tôi và em Hồng.

Tâm nói một dòng thành-thực và tự-nhiên khiến Thìn nghe xuôi tai. Rồi hai người cùng nhau trò chuyện rất thân-mật. Vài hôm

sau, người ta đã thấy Thìn cùng ở với Tâm trong trại Hoa-Lê gần thành-phố Hà-nội.

●

Từ hôm ở trại Hoa-Lê, Thìn thấy tâm hồn thư thái. Cảnh vật sơ-sài nơi thôn dã như đã làm cho chàng thêm quây-quyển.

Hơn nữa, Hồng, em gái Tâm, lại lúc nào cũng tươi-cười vui-vẻ. Cô năm nay mới 18 tuổi. Người nhanh nhẹn hoạt động và cử-chỉ nói năng rất tự-nhiên. Mấy hôm đầu, chuyện trò còn dè-dặt vì mới lạ ; sau vài hôm, sự e-lệ đó mất dần. Giữa chủ và khách đã có một bầu không khí ấm vui êm-dịu.

Từ hôm có Thìn, cô ráng xếp đặt mọi việc cho có thứ tự. Bữa cơm hôm nào cũng đúng giờ. Nhất là buồng của Thìn cô năng bảo người quét-tước xếp-dọn. Cô săn-sóc Thìn cũng như Tâm, anh ruột cô.

Hằng ngày, trước giờ anh cô đi làm (vì Tâm đã là một viên thư ký ở sở công) cô

thường vào buồng thu-xếp chăn màn và sách báo.

Biết tính Thìn thích hoa, sáng nào cô cũng ra vườn hái mỗi thứ mấy cái và nhanh-nhẹn cắm vào lọ của buồng Thìn.

Thấy Thìn để áo quần bừa bãi và chăn gối lộn-chồng, cô mắng đùa :

— Anh Thìn lười lắm, không chịu dọn cho gọn, để em dọn cho. Thật giống anh Tâm như hệt, chỗ nào cũng phải có tay em mới xong !

Nói đoạn, cô vào xếp-dọn như

THĂNG CỦA TUỔI XUÂN

khi cô dọn buồng Tâm. Cô làm một cách tự-nhiên. Thình như hơi ngượng, vội trả lời :

— Ấy tính tôi thích thế, ai lại chăm làm như Hồng ý !

Một cái cười thân-mật theo sau một câu nói có giấu một vẻ luống-cuống sượng-sùng. Hồng trả lời một cách thân-nhiên :

— Anh lười thì đúng hơn, chứ ai lại thích bừa-bãi. Em, đề bừa thì không sao chịu được.

— Cô Hồng hay làm, rồi khéo lại lấy phải chồng lười !

Nói câu đó chàng tỏ ý thân-mật hơn, nhưng sau chàng mới biết là mình đã lỡ lời.

Những lúc Tâm đi làm thì có khi Thình lại không có giờ học. Thành ra ngoài bà cụ già ngồi niệm Phật ở nhà trên, còn dưới nhà ngang chỉ có Thình và Hồng. Những câu chuyện ngày càng thêm thân-mật và như có một sức mạnh huyền - bí khiến hai người ít khi xa nhau.

Một hôm, ngồi câu cá trên mặt hồ, Thình đang chăm chú sắp nhấc cần câu, Hồng ở gần bên nhìn lẹ-làng nói :

— Anh đề em giết cho !

Nói đoạn, tay cô cầm đề lên tay Thình một cách vô-tình và tự-nhiên, rồi cười ran và giết được một con cá lớn. Thình nhấc tay ra, sợ đụng cần câu, nên cứ đề yên. Chàng thấy giây-phút nó huyền-ảo một cách lạ-lùng và cảm thấy một sượng-sùng e-lệ. Lúc đó má chàng đỏ ửng và cả người như luống-cuống.

Nhìn mặt Hồng, chàng thấy một vẻ tươi-cười không thay đổi. Nhưng thoáng qua trong khóe mắt Hồng, chàng thấy lướt một vẻ bẽn lẽn và một chút gợn của

sóng lòng, chút gợn gây lên bởi sự động-chạm của hai luồng điện xa lạ. Thật là một phút mê-ly mà chàng chưa hề cảm-xúc bao giờ.

Trong mình chàng thấy hơi nong-nóng và quả tim chàng thấy đập mạnh. Thâm tâm chàng bấy giờ, ngoài tính bẽn lẽn, như chớm nở một tình yêu...

Từ hôm đó, chàng không được tự-nhiên. Khi ra vào, lúc chuyện trò chàng thấy cần phải dè-dặt, dè-dặt một cách lúng-túng. Đôi mắt Thình trước thông - minh trong-sáng nay thành mơ-mộng xa-xăm. Tâm-hồn chàng qua một cơn giông-tổ. Sức mạnh thừa của cơ-thể đi đôi với sự thiếu của cõi lòng chàng đang nua nhau đôi ở chàng một tình yêu mãnh-liệt.

Những buổi chiều tà, nơi cô thôn xa vắng, tiếng chuông chùa như gieo-giác vào lòng chàng, một khách rha hương, nói u-sầu man-mác, và như nhắc chàng thiếu thốn một tình-yêu áp-ù !

Đối với Hồng, chàng sinh ra có những mộng đẹp mê hồn và chàng đã có lần tưởng-tượng ra

một gia-đình êm-đẹp đơn-sơ, mà Hồng, nàng tiên của chàng, là tay chủ-động.

Chàng lại nhớ tới cuộc gặp-gỡ với Tâm trên bờ hồ Gươm bữa trước. Cuộc gặp-gỡ bận xưa đã có kết-quả ở ngày nay, đã làm tâm-hồn chàng phải có những phút say-sưa và có những thêm muốn của tuổi xuân mơn-trón.

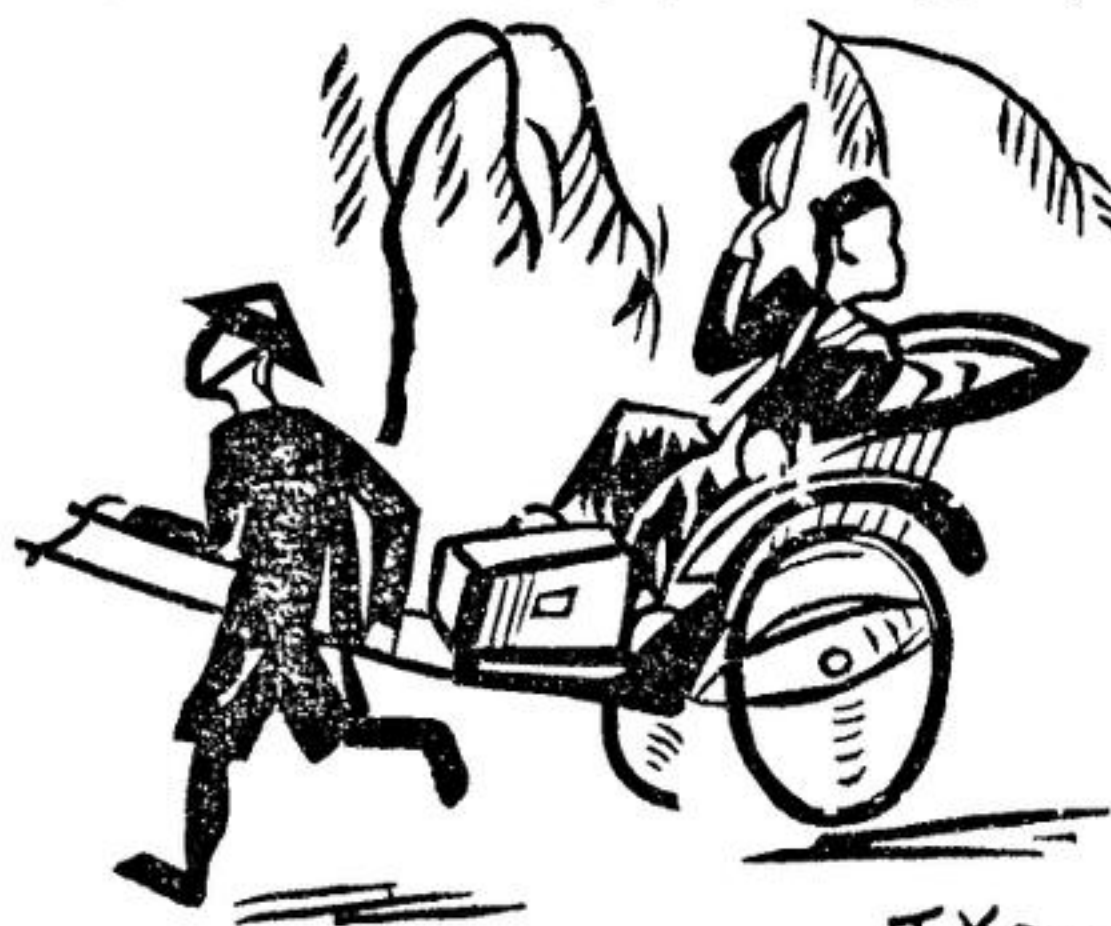
Ngồi trước bàn giấy, chàng cố ý tĩnh tâm để làm việc, nhưng chữ thì nhẩy múa mà lòng thấy nao-nao như tưởng nhớ một cái gì... Chàng bần-thần mở ngăn kéo và vô tình xem tới một bức thư của cha chàng ở quê gửi ra, Đọc tới đoạn :

« Con ơi, thầy nay tuổi đã già, sức-vóc chẳng được là bao, mà nay đau lại mai ốm. Thình bệnh như luôn đứng cạnh bên giường mà hành-hạ những ngày tàn yếu-đuối của cha. Con là hy-vọng độc-nhất của cha, nên dầu cảnh nhà túng-bần, cha cũng cố lo-liệu cho con đủ tiền theo học để toại ý con một mai bay nhầy.

« Nhưng điều cha lo hơn hết là con đừng như nhiều thanh-niên khác, khao-khát tình yêu lãng-mạn mà lãng bỏ việc học-hành. Con ơi ! Gia - đình nhà ta thịnh hay suy là ở con đó.

« Con hãy coi chừng mà đừng làm cha thất-vọng. Con hãy cố học để đạt được ý con rồi, một mai, công thành danh toại, cha sẽ để con tùy ý chọn bạn trăm-năm mà vui hưởng hạnh-phúc tề-gia-đình. »

(Xem tiếp trang 46)



T. Van



Hương trà

Tách trà đầy, vừa pha nóng hổi,
Hương trà thơm, quện khói tung bay.
Bao nhiêu kỷ-niệm thơ - ngây
Phút này trở lại chốn này với ta.

Trà thơm ngát, hương hoa thơm ngát,
Ấp - ủ lòng bi - đát bấy lâu,
Vỗ-về cơn - trớn tim đau
Đề tim dịu bớt âu-sầu năm xưa.

Mưa nhẹ bay, nhưng mưa đã tạnh,
Gió thoảng đưa, gió lạnh lòng ta.
Trời xuân trong, sáng, bao-la,
Cảnh ngoài yên - tĩnh, lòng ta khuấy dần...

NHÂN-NGHĨA

Thanh xuân

Trời tối lắm, đêm ba mươi, năm hết,
Bao buồn thương ngả nốt xuống trần-gian...

Nàng Xuân đã e-dè hơn trinh-nữ
Trong hồn hoa, hồn gió với hồn hương.

Trời vẫn tối, những cụ già không ngủ,
Gội sương đêm lần bước đến dáng hương
Trong khắp chốn điện, đài, chùa, miếu, phủ;
Bao tâm thành bay đến tận mười phương!

Trời vẫn tối mà những nàng thiếu-nữ
Cũng mong giờ theo mẹ với bà đi...
Trời vẫn tối... Bao hoa lòng đã nở,
Trong bao hồn hi-vọng đã quay về!

Trời vẫn tối vô-cùng... Lòng đã sáng
Khi nàng Xuân về thẹn biển trong hoa,
Biển trong gió, trong hương, trong những dáng
Tay e-dè hái lộc, hái sương sa.

Rồi đêm tận. Ngày lên hồng rất dịu,
Gió đưa hương thấm mát đến hồn sâu,
Ngọn loài chim liu-lo hòa vạn điệu;
Lòng tươi tươi lòng sát lại bên nhau.

Và cho tôi, riêng một trời hương, sắc;
Khi Xuân ngoài chưa vỗ cánh bay sang,
Nơi lòng tôi bay vô nàng Xuân khác
Đẹp vô cùng, tươi dịu giữa thanh-quang.

ANH-HẬN

Chữ xuân trong văn cổ

NHỮNG nhà bác-học chuyên khảo về khoa ngôn-ngữ thường lấy tiếng nói của dân-tộc để xem-xét cái trình-độ văn-hóa.

Theo các nhà bác-học ấy, dân nào mà chỉ có những tiếng đặt ra để gọi người, gọi những đồ ăn thức uống (tức là hình-nhi-hạ, chữ mới gọi là cụ-thể danh-từ), nghĩa là không có tiếng nói về phần vô-hình, về những lý-tưởng cao, như nhân nghĩa, bác-ái v.v. (tức là hình - nhi - thượng, chữ mới gọi là trừu-tượng, thì dân ấy chưa được văn-minh, mới bàn-khai hoặc còn dã-man...

Xem như « Tập vấn - đề ngữ - học » (Questionnaire linguistique) của trường Bác-cổ xuất - bản năm 1938, về mục thời - tiết, chỉ thấy hỏi tên « mùa mưa » và « mùa nắng ráo », không hỏi chỉ đến tên bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông. Tiếng ta cũng không có tên bốn mùa, toàn thị mượn chữ nho (1). Cả đến tên mùa « hè » cũng do chữ nho là chữ « hạ », nói tránh ra, để tiện đặt những câu tục-ngữ như câu « đông the, hè đụp », « mùa hè đóng bè làm phúc », v.v.

Về mùa xuân, thì văn bình-dân còn lưu-truyền những câu như sau này :

- Một năm dễ có mấy xuân,
Một ngày dễ mấy giờ dần hời ai (2) ?
- Một năm một tuổi như đuổi xuân đi.
Cái già sông-sộc nó thì theo sau,
Vì sương cho núi bạc đầu,
Vì đâu mưa nắng cho rầu-rĩ hoa (3).
- Vườn xuân hoa nở đầy giàn (4),
Ngăn con ong lại, kéo tàn nhị hoa.
- Mùa xuân lác-đác vườn đào,
Cộng anh đắp đất, ngăn rào giồng hoa.
Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh đổ, cho hoa anh tàn ?
- Trăm hoa đua nở mùa xuân,
Cớ sao cúc lại muộn tuần tiết thu ?
Vì hoa tham lấy sắc vàng,
Cho nên hoa phải muộn màng tiết thu...

Còn nhiều câu nữa (5), nhưng không có câu nào biết rõ « thể-hệ ». Chỉ có vài bài thơ Đường-luật chép tên tác-giả hay đề-niên-hiệu rõ-ràng như hai bài sau này, soạn vào khoảng đời Lê Hồng-đức, năm 1470-1497 :

Ông Hồ NGUYỄN VĂN-TỐ

Xuân

- Mờ-mịt khi giới đắp đồi vắn,
Ba tháng đông, lại ba tháng xuân.
Sinh-thành mọi vật đều tươi-lốt,
Đằm-ấm nào ngày chẳng được nhuận.
Tượng mở thái-hòa Nghiêu phủ-trị,
Ơn nhiều chần-thải Hán tuy-dân.
Đài xuân bốn bề đều vầy hợp,
Tuổi tám nghìn tôi chúc thánh-quân.
- Tự thuở đông-hoàng chịu lấy quyền,
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Đường hoa chấp-chời tin ong dạo,
Dặm liễu thung-thăng sử bướm truyền,
Á Ngục nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu đón mời khuyên.
Nam-nhi gặp thuở công khi ấy,
Ruổi ngựa trường-an mới phỉ nguyện.

(Theo quyển Hồng đức quốc-âm thi-tập, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số AB 292, tờ 2a-b)

Nam-phong, số 29, ra tháng Novembre 1919, đã đăng hai bài trên ấy, nhưng có vài câu khác với bản nôm của Bác-cổ, cho nên chúng tôi tưởng nên sao cho đúng (6)

Những bài thơ sau này thì chưa ai in ra quốc-ngữ :

Lập-xuân

Hóa-công văn-truyền nhiễm thay là,
Xuân lại trùng xuân được khi hòa.
Đề-thất tro vừa bay trúc-quản,
Phong-đỉnh tưng đã ngời tiếu-hoa.
Vang lừng chín bề đáng nhời chúc,
Đằm-ấm muôn phương nức tiếng ca.
Xuân đức nay mừng nhuận chốn chốn,
Kính dâng dưới gối chữ tam đa.

Thường xuân (7)

Đầu binh sang dần tiết mới phân,
Giới xuân thông thả ngự đền xuân.
Thú gồm nhân-tri đà nên thú,
Tiệc ngọc vầy-vui ánh thụy-vân.

Hạ Thánh-từ tân xuân

Năm đã dần lên, tháng lại dần,
Đài xuân mừng thấy nhần thêm xuân.

xem tiếp trang 20



Trận
Đổng-
đá

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

NĂM nào cũng vậy, cứ đến mồng năm tháng giêng, đồng bào ta kéo nhau tới chùa Đổng-quang ở ấp Thái-hà, gần Hà-nội. Để cùng nhau kỷ niệm ngày vua Quang-trung (1788-1792) nhà Tây-sơn đánh được quân Tàu nhà Thanh ở chỗ Đổng-đá. Ngày kỷ niệm ấy thường gọi là ngày giỗ trâu, và trận ấy thường gọi là trận Đổng-đá.

Đổng-đá tên chữ là gì? Sử ta và sử tàu chép trận Đổng-đá ra làm sao?

Tướng nên đem sách nho ra lược thuật lại, để đọc giả có đủ tài-liệu mà so-sánh với sách ta, sách tây. Ba quyển chữ nho mà chúng tôi dùng để kê-cứu đoạn sử này là quyển *Khâm-dinh vệt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 47 từ 28 42) quyển *Thăng-long hoải cổ* (sách viết của trường Hắc cổ, số a 1666) và quyển *Đông hoa toàn lục* (sách khắc lại năm Quang-tự đình hơi 1887 *Kiến long*, tập 108) Hai quyển trên là sách ta; quyển dưới là sách tàu, trong chén những tờ sắc, tờ chiếu của vua Kiến-long (1736 1795) về việc quân Tàu sang xâm chiếm nước Nam có một vài đoạn có thể dùng để bổ-khuyết hay để cải chính quyển *Cương mục*, nhưng từ xưa đến nay chưa hề thấy một nhà làm sử nào chép tới.

I. — Hoàng thái-hậu nhà Lê sang nhà Thanh xin giúp quân

Trước khi kể lại trận Đổng-đá, nên nói qua về nhẽ gì mà quân Tàu sang đóng ở đất ta.

Mùa đông tháng mười, ngày kỷ-hội, năm Kiến-long thứ năm mươi

ba (1788) vua Tàu dụ cho lũ quan-cơ đại-thần biết rằng An-nam thần phục thiên-triều rất là kính-thuận. Trước kia, đến kỳ triều-cống, đều sai bồi-thần tới kinh, sau này tự tôn là Lê-dục-Kỳ tức Lê Mẫn-đế, hoặc Lê Chiêu-thống. 1786-1789) nhục quốc thu phong, tất sẽ theo lễ thường xin phong. Song nước ấy từ ngày lũ Nguyễn-Huê (sử ta chép là Nguyễn-văn-Huê, tức Quang-trung, nhà Tây-sơn, 1778-1802) khởi binh đỏi vua, đánh hãm thành nhà Lê là thành Thăng-long quyền-thuộc sang nơi địa, từ tôn đi trốn, ngôi nước không thể giữ. Trăm nghĩ là thần phục lâu năm không nở thấy nhà Lê mất, đặc ân sai đốc-phủ truền hịch sang An-nam bắt Nguyễn Huê và sai Tôn-sĩ-Nghị đốc xuất binh mã đi tiêu trừ... » (chép theo *Đông hoa toàn lục*, q 108, tờ 37 a)

Cứ thực ra thì Hoàng-thái-hậu nhà Lê chạy sang Tàu cầu cứu tự mùa thu tháng bảy năm Chiêu-thống thứ hai (1788) viên chức ở Long-châu đem việc ấy trình đốc-phủ. Tổng đốc lưỡng Quảng là Tôn-sĩ - Nghị, tuần-phủ Quảng-tây là Tôn-vĩnh-Thanh họp nhau tại Nam-ninh. Thái - hậu dẫn nguyên-tử đến đình yết khóc-lóc cầu viện. Lũ Sĩ-nghị tâu vua Kiến-long, nói vua Lê chạy trốn, nghĩa-vụ Tàu nên cứu-vớt. Lũ ấy lại thêm một câu rằng : « Vả lại An-nam là đất cũ của Trung-quốc : sau khi khôi-phục được nhà Lê, để quân ở lại ; thế là còn nhà Lê mà lấy được An-nam » (*Cương-mục*, q. 47, tờ 32b). Vua nhà Thanh chuân-y tay viết chiếu rằng : « Trẫm hầu làm việc nghĩa ở thiên hạ, giúp đạo cương-thường ở nước dưới Công

việc Nam-giao, giao cho người cả. » Sĩ-nghị nhận được tờ chiếu, mưu làm việc nhơn, tuyền quân ở Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam và Quý-châu. Trước hết tư hịch vài trăm đạo đi khắp gần xa, lại sai lũ tụng-thần nhà Lê đem mật trát đi đường tắt về tâu vua Chiêu-thống.

II. — Tôn-sĩ Nghị đem quân sang đánh Tây-sơn

Mùa đông, tháng mười, năm 1788 tổng-dốc lưỡng Quảng là Tôn-sĩ-Nghị đem quân sang giúp vua Lê.

Đề-tổng Vân-nam và Quý-châu là Ô-Đại-Kinh (*Cương-mục*, q 47, tờ 33a, chép là Ô, nói thiếu tên ; *Đông hoa toàn lục* chép đủ tên Ô-Đại-Kinh ở quyển 108, tờ 50b, v v.) tự Tuyên-quang vào ; tri-phủ Đền - châu là Sầm-nghi-Đổng tự Cao-bằng vào ; Sĩ-Nghị cùng đề-dốc Hứa-thế-Hạnh tự Nam-quan vào. Tướng Tây - sơn là Phan-khai-Đức, trấn-thủ Lạng-sơn, xin hàng. Sĩ - nghị đến Kinh - bắc, tướng Tây-sơn ở Thăng - long, là Ngô-văn-Sở, đánh Tàu ở bến đò Xương-giang và đem hơn một vạn quân ở Thăng-long ra, sai nội-hầu là Phan-văn-Lân đóng ở Thị - cầu, Quân nhà Thanh phá tan, rồi lên giữ núi Tam - tăng, ở huyện Yên-dũng. Tiên-phong là Trương-triều-Long (chép theo *Đông Hoa toàn lục*, q. 108, tờ 22 a chứ sách ta chép là Trương-sĩ-Long) đi trước đánh Tây-sơn, cung tên hên tở, bên hữu đều bắn, chết không biết bao nhiêu mà kể. Sĩ-Nghị đem quân đi qua sông đánh úp đồn Thị - cầu Đồn cháy quân Tây-sơn trèo qua lũy chạy,

quân nhà Thanh thừa thắng đuổi theo. Văn-Lân chạy về Thăng-long, Sĩ-Nghị tiến đến bờ phía bắc sông Nhị-hà. Văn-sở và Ngô - Nhậm bàn với nhau rằng Thăng-long không thể giữ nổi, nên thu-tập dư chúng chạy vào Thanh-hóa, đóng đồn ở Biện-sơn miền bắc, đóng bộ binh ở núi Tam-điệp, đem thư cáo-cấp với Văn-Huệ. Lúc ấy vua Chiêu-thống đi từ Phượng-nhỡn đến Gia-lâm thị trấn làm rượu khao quân, hôm sau vào kinh-thành. Sĩ-Nghị làm bè ở Bồ-đề chở quân sang, đặt dinh, tướng trên bờ sông, gọi là Tây-long-cung, chia nhau đóng đồn khắp các nơi, xem thế trận rất là bền-chặt.

III. — Tình-hình nước Nam về cuối thế-kỷ thứ XVIII

Hồi bấy giờ mất mùa luôn mấy năm; dân-gian cùng-cực khổ-sở. Quân nhà Thanh lại hay nhiều-những. Triều-dinh thì bắt nào binh, nào lương; châu huyện đều không chịu. Vua Chiêu-thống phải sai các quan chia nhau đi thu; nhân-dân khóc-lóc mang nộp. Được bao nhiêu đem cung hết cho người nhà Thanh. Nghĩa-binh mọi đạo và lính cũ ở Thanh Nghệ vài vạn người phải nhĩa đói; lòng dân lia-tan...

Vua Chiêu-thống thì hẹp hắc, sai giết hết những con gái tôn-thất gả cho Tây-sơn, có người đã có thai; lại sai chặt chân ba vị hoàng-thúc ném ở chợ cung. Hoàng-thái hậu ở Tàu về đến Thăng-long, nghe thấy vua làm điều ngang-trái, giận quá nói rằng: « Ta khổ-sở bao nhiêu mới xin được quân sang giúp, nhà nước đã mang ơn mấy phen. Kẻ thù phá tan-nát, tưởng không có ngày nay nữa! » Kêu khóc không chịu vào cung; tụng-thần khuyển-giải mới thôi.

IV. — Vua Quang-Trung đánh quân nhà Thanh

Tướng Tây-sơn là Ngô-văn-Sở bỏ Thăng-long chạy vào Nam, báo cho Nguyễn-văn-Huệ biết rằng quân Tàu thanh-thế rất thịnh. Văn-Huệ

cười nói rằng: « Làm trượng-hoàng ra thế, chứ chẳng việc gì! Kể kia từ mình đến chỗ chết. Nên lên ngôi chính-vị để ràng-buộc lòng dân trong Nam ngoài Bắc, rồi sau bất kể ấy cũng chưa muộn ». Chọn ngày tốt là ngày 25 tháng 11 làm lễ tế Nam-giao ở Bàn-sơn, địa-phận xã Yên-cựu (Hương-trà), xưng đế năm Thái-đức thứ mười một (1788), đổi làm Quang-trung thứ nhất. Ngay ngày hôm ấy, đem hết các tướng-sĩ sang dò ra Bắc; đi qua Nghệ-an, Thanh-hóa, lấy thêm đến tám vạn lính, duyệt binh ở Thọ-hạc, thuộc huyện Đông-sơn (Thanh-hóa), đem thư xin hàng trước, nhờ rất tỳ-khuất.

Còn Sĩ-Nghị từ khi ra khỏi cửa Nam-quan, đánh đầu được đấy, xem ý khinh quân Tây-sơn. Lúc hạ được thành Thăng-long, tự nói là xong việc. Những kẻ hào-kiệt ở các trấn, vì việc nghĩa, tranh nhau đến xin tiến binh, Sĩ-Nghị đều bỏ không hỏi. Kịp lúc tiếp được tờ chiếu của vua Chiêu-Thống xin lấy lại cho hết đất của nhà Lê, rồi hăng nghi quân, Sĩ-Nghị mới nghĩ kế. Nay quân của Quang-Trung đã đến núi Tam-điệp, vua nghe thấy lo sợ, hỏi Sĩ-Nghị. Sĩ-Nghị nói: « Ta dùng kế thông-thả để đối với kẻ khó nhọc (chữ nho là dĩ dật đãi lao), không nên kịp đánh. »

Văn tự-đắc, không ngờ Tây-sơn đuổi binh mà thua chạy, không còn một người lính, một con ngựa để chống cự. Quang-Trung đến Sơn-

nam, Sĩ-nghị mới sai đề-đốc là Hứa, thế-Hạnh đem quân Từ-dục chia nhau đóng đồn ở xã Hà-hồi, thuộc huyện Thượng-phúc, và xã Ngọc-hồi, thuộc huyện Thanh-trí.

Mồng bốn tháng giêng năm kỷ-dậu là năm Chiêu-thống thứ hai 1789 đạo du-binh của vua Quang-Trung tiến lên trước, đánh đầu thua đấy, cho nên Sĩ-Nghị lại càng coi thường.

Ngày hôm sau, vào lúc chống canh năm, vua Quang-Trung khởi binh, tự tay cầm quân, cho hơn một trăm voi đi trước. Mờ mờ sáng, quân Tàu đuổi, tinh-kị tiến trước, chợt thấy voi ngựa, sợ-hãi mà chạy, vấp ngã và xéo lẫn nhau. Vua Quang-Trung cho voi đuổi theo, quân địch chạy vào lũy, súng bắn như mưa, lên sát từ phía Tây-sơn lại đốt những bó rơm to đi trước, quân sau kế tiếp, hết sức đánh Tàu. Các lũy chạy tan, Tây-sơn đuổi theo đến đồn Nam-đồng, gần Hà-nội, thừa thắng đánh úp: quân Tàu chết hại quá nửa. Thế-Hạnh và tiền-phong là Trương-triều-Long, tả dục là Thượng-duy-pháng đều chết trận. Sĩ-nghị-Đổng đóng đồn ở Loa-sơn (tục gọi là Đống-đá), vì không có quân cứu, tự thất cổ chết.

Lúc ấy, Tôn-sĩ-Nghị đóng ở bờ sông Nhị-hà, nghe thấy Tây-sơn gần đến Thăng-long nhảy qua lũy, sang sông để chạy, thì bè vỡ, lênh chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Thế là trận Đống-đá kết liễu.

Xem tiếp trang 45



Một cảnh bên chùa Đồng-Quang ở phía trước Đống-Đá

(Tiếp theo trang 17)

Háy-háy thức ngọc màn từ ánh,
Hây-hây hơi dương vẻ thụy nhuận.
Thêm rộng chữ nhân dày chữ đức,
Càng gồm sao thọ sánh sao văn.
Khôn-cung mừng thấy ứng đa phúc,
Lệnh-đức thêm mừng nhật nhật tân.

Vinh xuân-hòa viện

Lan-quế thông-huyền hợp một nhà,
Hây-hây đều đậm khi xuân-hòa.
Ứng-dung mặc tiện đường di-tĩnh,
Tiêu-sái dù vui tiệc thưởng hoa.
Tham tán công mầu thời nhất đức,
Sùng thanh phúc cả vẹn tam đa.
Nay mừng sớm thấy điềm gia-ứng,
« Lân-chỉ » « Chung-tư » lối trập ca.

Trích ở quyền Lâm-thanh tồn - duy thi-tập, của
Trịnh-tĩnh-Vương soạn tức là Trịnh - Sâm, 1767-
1782, sách viết bằng chữ nôm, số A B 376, quyền
1, tờ 1a, 7a, 11b, và quyền bốn, tờ 5a) (8).

Xuân-nhật tình-quang

Mừng thấy tin xuân đã bước vào,
Mùi hương đã trải độ oanh sao?
Ba dương thịnh mở đôi trường cảnh,
Năm sắc diêm trình dải cầu tiêu.
Tach-tach trước thềm vang nhạc Thuần,
Hây-hây tám cõi thỏa giới Nghiêu.
Ngày xuân nay tiên đến xuân bước,
Xuân cả bốn mùa lộ tiết nào.

Ngự-chế hạ xuân

Vận thái đưa tươi chín bội phần,
Thanh-huý mọi vẻ mọi thêm nhuận.
Gấm phong tám cõi lồng quang-nhật,
Sáng mở muôn phương dải khánh-vân.
Đầu đầy rõ-ràng vầy Thuần đức,
Trong ngoài hớn-hở thỏa Nghiêu nhân.
Suy thời lệnh ấy mà làm chính,
Đỗ bút Vương-Duy tả bức chân?

(Trích ở quyền Quốc-âm thi, sách viết bằng chữ
nôm của Trương Bac-cô, số AB 179, tờ 34 a và 67b.)

Đại-đề những bài thơ cổ vịnh xuân đều theo
một cái khuôn-mẫu như thế: câu văn thì thực
chín, nhưng không thấy nhẹ-nhàng bay-bồng như
tiếng cựa-thời. Có lẽ mãi đến đầu thế-kỷ thứ XIX
mới nghe thấy giọng thanh-thót mùa xuân đập
múa nhà » với « gió đông gọi khách nhớ đường xa ».

và trông thấy cảnh « hoa tươi như dáng hoa cười
khách », « xinh sắc muôn phần », « hứng vui tùy
chí »...

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

1) Tiếng Mán, tiếng Thổ cũng mượn chữ xuân của
tiếng Tàu: Mán thì gọi là Tsuôn hay Tsôn, Thổ gọi là
Sén, Nùng cũng gọi là Sên (Sên-xl là xuân-thời, Khay
sén là khai xuân), Hóc-lo gọi là Xuôn (Xuôn-phân là
xuân-phân), v. v.

2) Chúng tôi chép hai câu ấy trong tập Ca-dao cổ
in ở Nam-phong, số 169, tháng Février 1932, trang 138
có người lại sao như thế này:

Một năm là mấy tháng xuân,
Một ngày là mấy giờ dần hồi ai?
Ai về nhận liễu Chương-dài,
Có bán gạo chịu, dong hai ba tiền.

Có người chỉ đòi câu thứ hai:

Một năm là mấy tháng xuân?
Ăn chơi cho thỏa phong-trần ai ơi.

3) So câu ấy với câu này:

Tám mươi ngả gậy ra ngồi,
Hỏi rằng xuân có tái hồi nữa thôi?
Xuân rằng xuân chẳng tái hồi:
Bốn dài, hai ngắn mà lối xuân vào.

Câu này nữa:

Xuân hề xuân bắt tái lai,
Thấy rằng thày chẳng ăn khoai bây giờ!

4) Ca-dao cổ in trong Nam-phong viết là: « Vườn
xuân hoa nở đầy giàn »; gương phong tục của ông
Đoàn-duy-Bình in trong Đông-dương tạp-chí (phần
văn chương, năm 1916, trang 3654), thì chép là:
« Vườn xuân hoa nở đầu giàn ».

5) Nói về cách ăn chơi, như câu:

Ái ơi, chơi lấy kéo già,
Mãng mọc có lứa, người ta có thì.
Chơi xuân kéo hết xuân đi,
Cải già sông-sộc nó thì theo sau.

Thói phong tình như ba câu này:

Tình-nhân ơi, hồi tình-nhân,
Lại đây ta kể mưa xuân tháng hè.

Đêm qua mận mới hái đào:
Vườn xuân đã có ai vào hái hoa?

Bóng đào chênh-chếch nở ra,
Dang tay muốn hái sợ nhà có cây.

Lạ làng anh mới tới đây,
Thấy hoa liễn hái biết cây ai giồng...

— Cái cổ yếm em nó thông thông-thong,
Tay em đeo vòng như bắp chuối non.

Em khoe em đẹp em giòn,
Anh trông nhan-sắc, em còn kém xuân...

Lối bốn-cột như câu:

Trên thì giàn nhấm vớt đi,
Dưới thì chuột cắn, giữa... gì gì xuân.

(Coi tiếp trang 32)

QUÂN-SĨ HẬU-LÊ CHÂU-HẦU PHIÊN TẾT NGUYÊN-ĐÁN

NHÀ HẬU LÊ, từ sau hồi Trung-hưng, nhân đất Thuận, Nghệ là căn - bản, mới tuyển những lính ở hai hạt ấy gọi là *Ưu-binh*, còn binh các trấn gọi là *Nhất binh*. *Ưu-binh* còn tên gọi là *quân Tam phủ* (Hà trung, Tĩnh-gia, Thiệu-hóa) dùng làm lính túc-vệ, thân như thảo-nha, dãi như phế-phủ. Vì được biệt đãi như vậy, nên sau này quân Tam-phủ sinh ra kiêu mà làm những sự can-hại, như việc năm Dương-đức thứ 2 (1673) *Ưu binh* làm loạn giết Tham - tụng Nguyễn - Quốc - Trinh, đốt phủ Quốc-lão Phạm-công-Trừ và cướp tài-sản của hai người, việc phá phủ Tham - tụng Nguyễn-Quý-Kinh năm Cảnh - hưng nguyên-niên (1740); rồi đến việc phế Diên-đô-Vương Trịnh-Cán, lập Đoan-nam-Vương Trịnh-Khải (1782).

Muốn xem sự biệt đãi ấy thế nào tưởng nên vẽ qua một buổi châu-hầu của *Ưu-binh* trong ngày trừ tịch và tết nguyên-đán :

Cứ thường năm, ngày 30 tháng chạp đài « Toàn cơ ngọc hành » (Khâm thiên giám) chọn một giờ tốt, phụng châu vua tắm, các quan ở Binh-phiên dự truyền các Tiễn-giám ở sáu cung và các phiên thê-sát, thú, hầu, các cơ, đội, thuyền, quan, quân phải chỉnh tề mũ áo, chiếu lệ treo đèn, kết hoa và phải châu chực từ hai mươi chín.

Ngày ấy, mười hai thị cơ hiệu phải sắp-đặt nghi-vệ, loan-giá. Quia trưa phải cắt sai tuần-binh, đội thê-sát nghe hiệu trống lập tức đem quân vào chỗ cung-diện đã treo đèn kết hoa.

Đêm ấy, quan Đề-lĩnh phải chịu trọng-trách trông nom trong hoàng-cung và vương phủ. Buổi tối, đem quân canh phòng túc trực. Đến ngày giờ hành-lễ, buổi sớm, đội binh nghiêm nhất đánh trống, quân canh mở cửa, lệnh truyền ra cho quân vệ-binh vào châu.

Quân trung-hiệu đánh trống tiên-nghiêm, phụng rước Hoàng-thượng đèn ngự lầu thay áo. Lúc ấy đội kiệu nhất nội hiệu chiêu thu quân. Đến tung-hiệu-lệnh vào cung, truyền mời các quan thân huân (họ nhà vua có công to) vào đình phụng mệnh và châu ngự dục.

Hoàng-thượng thay áo tắm gội. Lúc ấy các đội binh, nhưng-nhất, kiệu-nhất nghỉ. Các quan văn võ đến nơi

vọng-triều, chờ đánh trống tiên-nghiêm và thanh la ba hồi, các văn võ vào làm lễ mừng, chia ban đứng châu ở trước doanh môn, truyền mở cửa đình, dàn bày ngự xa ở trước cửa, đội nhưng-nhất đánh trống tiến lên trước. phụng rước hoàng thượng lên xe loan tiến về cung, quan Binh phiên ra hiệu vẫy quạt, các quân-sĩ châu - hầu đều đồng thanh hò reo vui-vẻ, xong rồi lại chiếu thứ bậc mà lui ra.

Trước ngày mồng một tết nguyên đán, binh phiên quan cũng đã phải dự định từ trước đài « Toàn cơ ngọc hành » phải chọn giờ tốt, phụng rước lên hoàng-thượng.

Đêm 30 tết, đặt hiệu Thiệu-hùng và phát thuốc súng, đến giờ thị lệnh phụng tuyên nội lệnh ở kỳ-đài báo hiệu hành lễ tại đền Kinh-thiên.

Lúc ấy các đội quân thuyền đội nhưng nhất, kiệu nhất, nội nhưng, nội kiệu quan quân đã sắp hàng tề-chỉnh châu-hầu.

Các đội thuyền nội khuông, nội dục, nội tiếp, nội sung, thị-hân, thị tượng, thị kỵ, thị mã thê - sát đều phải chỉnh tề mũ áo, làm lễ trước sân.

Lễ xong, binh phiên bắt đầu điểm xem có tất cả bao nhiêu quan quân châu-chực, rồi tâu lên. Tiễn ban nhiều ít tùy theo thứ bậc.

Như nhất- phẩm, cử - tiền năm quan, nhị-phẩm bốn quan, tam phẩm ba quan, tứ-phẩm hai quan, lục thất phẩm một quan năm tiền bát, cửu phẩm một quan.

Buổi sớm ngày nguyên-đán, vua ngự ở chính cung đền Kinh thiên, các quan quân vào làm lễ bái khánh đều dùng mũ áo màu lam. Làm lễ xong, phụng rước Hoàng-thượng hồi cung.

Gặp những ngày diên-thọ, thọ đản, đoàn-ngọ nhà, vua lại còn ban cho rượu và các thực-phẩm và đồ dùng nữa (1).

TIỀN-ĐÀM

1) Dã-sử đời Hậu-Lê ; Lịch triều hiến chương.

Đón xuân

Hồng tranh, tử đấu, chính phân-phân...

Hà xứ Đào-nguyên khả vấn tân !

Báo đạo hữu tình thành quyến - thuộc :

Ứng lộ, phanh dĩnh, thả nghinh Xuân.

Dịch

Bời bời hồng, tia sắc ganh đua...

Đấu xứ Đào-nguyên hỏi bến bờ !

Nhấn-nhủ bà con tình quyến-quít :

Váy lò, pha nước, đón Xuân tơi.

SONG-CỔ

NHÌN QUA VĂN - HỌC VIỆT-NAM

NĂM 1941

Khái luận

NẾ U tôi được phép coi văn-học Việt-nam là do một nhà văn sáng-tác, thì riêng nói về văn-học 1941, nhà văn ấy là một người trẻ tuổi đã từng sống với sầu, với mộng, với truy-lạc, đã sống một cuộc đời lười biếng, không có ý-thức rõ-rệt về bổn-phận... Người ấy còn đang ngồi lẩn đi lẩn lại trong trí cái quá-khứ năng-trữ những nỗi buồn, đang mơn-trơn vết thương lòng do một tình yêu để lại... bỗng giật mình vì bao nhiêu sự sụp đổ ở thế-giới.

Người ấy ngơ ngác nhìn. Bên Âu-châu từ năm 1939, cuộc chiến-tranh đã diễn và còn đang diễn một cách tàn-khốc. Một tiếng kêu chung nổi dậy : « Phải làm lại xã-hội ! phải gây lại một tinh thần mới... »

Cả từ phương-diện vật-chất, đến phương-diện tinh-thần, nhà văn ta đứng trước một tình-thế gay go. Xung-quanh người ta xô đẩy nhau để tranh lấy sự sống-còn. Bên tai lúc nào cũng văng vẳng nghe những tiếng từ miền xa đưa lại, hô-hào phải giữ gìn sức khỏe, phải làm việc, phải quí trọng gia-đình, phải tôn-thờ tổ-quốc...

Đồng thời những du-hí - trường đóng cửa, sự sản-xuất những văn-chương dâm-nế có thể đầu độc tinh thần, bị ngăn ngừa.

Dù ích-kỷ muốn vượt ra ngoài luồng sóng chung, để ra một nơi sống cuộc đời riêng của mình cũng không được.

Vì vậy, hình như người ấy đã biết tìm cách kiến-thiết lấy một cuộc đời mới thích - hợp với hoàn - cảnh. Người ấy đã bỏ bớt một vài thói quen, bớt khóc mây, khóc gió, khóc những mối tình vơ - vẩn, ca tụng những sự thêm-muối nhỏ-nhen, đã

không năng lui tới những nơi tửu điếm, ca lâu ; và đã nhẩy ra hô-hào trở lại với bổn-phận từ lâu sao-những...

Nghĩ đến người ấy, và những công-việc mới của người ấy, tôi có cảm-tưởng dễ chịu như có việc với một nhà văn đang muốn nỗ lực làm việc nhiều, suy-nghĩ nhiều để xứng-đáng với cái địa-vị một nhà văn được sống vào thời-đại độc-nhất của lịch-sử này.

Dù đây mới chỉ là một sự cố-gắng đầu tiên.

Những xu-hướng văn-học

Nói rằng văn-chương là một tấm gương phản-chiếu tâm-hồn xã-hội, chỉ là nhắc lại một sáo-luận. Chúng tôi biết vậy, nhưng cũng nhắc lại ; vì hơn hết bao giờ, chúng tôi nhận rằng cái tâm-hồn xã-hội Việt-Nam được phản-chiếu một cách trung-thành trong văn-chương.

Chúng tôi muốn nói đến hiện-trạng cái xã-hội ở trong ấy ai ai đều cảm thấy mình có một nhiệm-vụ thiêng-liêng đối với mình, với nhà, với nước.

Khác với ngày nào, hầu hết không phân-biệt tuổi, chức-vụ, cho rằng sống để tận hưởng sự sống ; thế chưa đủ, người ta còn lớn tiếng ca-tụng truyền-bá cái quan-niệm ích-kỷ ấy.

Tôi nhớ đến, với cả sự ghê-tởm, cái trào-luân văn-chương dâm-nế đã xuất hiện trong mấy năm gần đây.

Khoảng 1936, mấy tờ báo ở Hà-nội đưa nhau trình-bày những thể văn kêu tình gọi dục ; những nhà sản-xuất thứ văn ấy tự nhận cho mình cái nhiệm-vụ phơi ra ánh sáng hết những xấu-xa, truy-lạc của xã-hội ; những lời tư-tình của

bọn côm thầy côm cô, những cử-chỉ trơ-trẽn của gái giang-hồ, những hành-động hèn-mạt của một lớp người mục-nát đều được dùng làm tài-liệu văn-chương. Họ đã vọng tưởng rằng có thể nói đến cái xấu để làm cho người ta sợ, mà phòng-ngừa được cái xấu. Nào ngờ họ đã làm cái công-việc của một thầy lang đem lừa bao nhiêu vi-trùng vào một xã-hội, vì muốn cho xã-hội ấy quen với bệnh để tự đề-phòng !

Ngay hồi ấy, đã có những nhà văn cực-lực công-kích. Một cuộc bút chiến đã xảy ra và kéo dài đến hàng năm. Nhưng ngán nỗi, một bên số nhà văn đó ít ỏi quá, bao nhiêu nhà văn khác kéo bè kéo đảng để chống giữ lấy một cái gì mà họ cho là sâu-xa và nhân-đạo. Thêm vào bên này cả một công-chúng suy-nhược về tinh-thần đứng làm hậu-thuần. Cái phái có tâm-huyết bị chế-giễu, bị coi là đạo-đức giả.

Đến 1938-39, thứ văn-chương kia vẫn sống nhưng trong một hình-dạng mới : Văn-chương tài-hoa son-trẻ. Cặp mắt nhung, đôi môi mui nho tươi, cái áo màu hoàng-yến được ca-tụng tưởng chừng như đời người chỉ có những thứ đó là thiêng-liêng nhất.

Ngày nay người ta đã lượng được cái nguy-cơ của thứ văn-chương ấy ; đã phải phản-nàn về những cuộc đời tình-cảm hỗn-độn, những sự ủy-mỵ suy-nhược đáng thương ; và người ta đã rẻ-rúng rồi thẳng tay bài-trừ.

Đồng-thời chính-phủ không ngần-ngại ra lệnh cấm tiệt loại sách khiêu-dâm chỉ có cái công-dụng gieo mầm truy-lạc vào óc độc-giả.

Bước vào năm 1941, không thấy trưng bày những tiểu-thuyết một

loại với « Người đàn bà trần truồng », « Khi chiếc gấm rơi xuống », « Sự động cựa của đàn bà »...

Những chỗ đáng chú ý trong các tủ sách đã được dành riêng cho những sách đứng đắn có cái công dụng chữa lại những tâm bệnh do những sách nhảm nhí gây nên.

Chúng tôi sẽ giở lại với những quyển sách này.

Văn-chương dâm-uế vừa nói trên biểu-hiệu sự truy-lạc về vật-chất nhiều hơn là về tinh thần.

Đi đôi với nó, một thứ văn-chương khác phát-triển, biểu-hiệu của sự truy-lạc hoàn-toàn về tinh-thần. Tôi muốn nói đến thứ những truyện tình vợ-vần, những văn thơ sàu thâm, những tiểu-thuyết ca-tụng những tự-do không biên-giới.

Tôi dám chắc bạn đọc, dù có cái trí nhớ bạc-nhuộc đến đâu, cũng chưa quên được bao nhiêu những truyện tình kể bằng những lời sáo cũ, nhắc lại những truyện không bao giờ có thể có thực nhưng người ta cũng đặt ra để đầu đọc những bộ óc non nớt.

Tôi còn nhớ, ở trong Nam, có lần tôi được đến thăm một người đang theo ban Trung-học, ở một trường công nọ. Người ấy chưa quá hai mươi tuổi. Vì biết tôi là một người thường đề ý đến văn-chương, cậu học-sinh ấy dẫn tôi vào phòng học, chỉ cho tôi xem một tủ sách gần đầy, quyển nào quyển ấy đóng bìa da chữ vàng rất đẹp.

Các bạn có tưởng-tượng những sách gì đó không? Không phải những sách cổ - điển có trong chương-trình ban Trung-học; không phải những quyển có giá-trị của những thư-cục đứng-dắn. Nhưng chỉ những truyện tình là truyện tình! Đọc đến cái tên tôi đã phải rùng mình: nào là những tập thơ khóc gió than mây, « anh anh, em em », « sầu sầu, mộng mộng ». Nếu không thì cũng phải là một tiểu-

thuyết có luận-đề hô-hào sự giải phóng nọ, cổ-động sự tự-do kia.

Tôi không muốn viết thêm nữa. Hôm nay tôi không muốn giở lại kết án một số sách nói riêng về phương-diện đạo-đức, đã có tội đối với sự kiến-thiết xã-hội.

Tôi không muốn giở lại xéo lên một cái xác chết. Phải, sang năm nay, nhìn xa, tôi đã thấy thứ văn-chương ấy chết hẳn rồi.

Những người có cái trách-nhiệm về sự giáo-dục sẽ không phải lo-lắng nhiều về sự đọc sách của cậu học sinh kia nữa.

Cái phong-trào đọc tiểu-thuyết kiếm-hiệp cũng thấy bớt bỗng-bột. Đó là một sự tự-nhiên. Ngày nào trên báo chí, người ta cũng được nghe những truyện chiến-tranh kinh thiên động địa; những chiến xa phun lửa, những đồng địa-lôi có kén gi những chuyện Phong-thần; người ta đã có một tiểu-thuyết sống để đọc, cần gì phải có những chuyện hoang-đường làm đồ ăn cho trí tưởng-tượng của người ta nữa.

Và trong năm 1941, những nhà văn « đứng-dắn » không phải nhọc công kêu gọi lòng nhân-đạo của những nhà xuất bản và những người viết đã đầu độc óc khoa-học của mấy lớp người.

« Tôi tưởng người Việt-nam ta ngày nay, sống giữa tình-thế này, không nên mơ-màng những sự viễn-vông, mà chỉ nên vun đắp thế nào để giữ cho được cái « gốc » của ta. Công-việc chưa có thể có kết-quả tức-khắc, nhưng ngày sau... biết đâu ngày sau cái gốc ấy chẳng mọc chồi nảy lộc rồi đâm lá, trổ hoa ».

Trên đây là mấy lời chúng tôi đã được Trần Trọng-Kim tiên-sinh cho nghe trong một câu chuyện văn-chương. Câu này có lẽ tiên-sinh, cùng với mấy bậc đàn anh trong làng văn đã lầm-nhầm từ lâu và hình như chúng tôi cũng đã được nghe nhiều lần, nhưng cũng

như tiên-sinh đã nhắc lại, chúng tôi muốn nhắc lại một lần nữa để có dịp giở về với sự lãnh đạm của một số người đối với văn-chương ta.

Mà chúng ta không phải đi xa. Ngày hôm qua đây còn có một phần đông thuộc phái tân-học cho viết-ngữ là một thứ tiếng độc âm, nghèo về mọi phương-diện, không xứng đáng đứng bên cạnh những thứ tiếng đẹp-đẽ của các nước văn-minh. Những nhà văn ta bị họ coi là một bọn sơ-đẳng nếu không làm công-việc có cái tên to tát là phụng-sự quốc văn thì cũng không biết làm gì nữa.

giữa lúc ấy văn-chương nước mình đang chờ đợi họ. Người ta bảo có lẽ rồi đây, sau ba mươi năm nữa, sẽ có rất nhiều những tiến-sĩ văn-chương, thạc-sĩ về sử-học và địa-dư-học mà tiếng ta cũng vẫn chưa có một cuốn sử và cuốn địa-dư nước ta viết bằng tiếng mẹ đẻ!

Cái tình-trạng văn-học mà tôi vừa phác ra, đây chỉ là một cái gì đã qua rồi. Lịch-sử đã muốn có những con đường quanh rất ngạc-nhiên,

Nếu tôi không nhầm thì hình như bắt đầu từ năm 1940 sau bao nhiêu do-dự người ta đã biết trở lại với « cái gì thật á-đông ».

Trước khi giải thêm, tôi xin đem hết danh-dự của một ngòi bút trong sạch để bảo-đảm cho sự thành thực của những lời tôi sắp nói, to ra đây tuy đáng lẽ tôi chỉ được nghĩ thầm mà thôi.

Mỗi khi tôi qua một hiệu sách tôi thấy những tập sách học chữ nho bày trên những chỗ danh-dự trước kia để riêng cho những tiểu-thuyết ngôn tình, những tập thơ lãng-mạn.

Những người thức giả thường vẫn nhận rằng đã là một người Việt-Nam cần phải biết ít nhiều chữ nho như người Pháp cần phải biết ít nhiều chữ la-tinh. Biết chữ nho để gây lấy ở mình cái tinh thần không vong bản, để biết lịch-sử, hiểu văn-

Xem tiếp trang 46

LÊ-THANH

Vũ-trạ tung-bùng, xuân óng-ả.
Huy-hoàng, sán-lạn ngập không-gian.
Khói hương vẩn-vít hồn siêu, lả.
Cung miếu mơ-màng, tiếng pháo ran.
Thi-sĩ tìm xuân trong lý-tưởng.
Con trẻ bưng tai khiếp nỡ dùng,
Ăn mày xó chợ ngồi chia sẻ,
Hào-khiết ngừng gươm, đuốc tiệp bùng.



Ngoài bãi chiến, máu đào, xương trắng.
Chồn lều gianh, mẹ ngóng con xa.
Địch, đàn, ca-kỹ du danh-thắng.
Kim-môn lộng-lẫy sắc muôn hoa.
Xuân hồi! có thay màu cảm tử,
Trong cảnh trần-gian trái-ngược kia:
Tươi thắm, hân-hoan khoe lam-lũ,
Lả-lơi, cười-cợt nhạo sầu-bi?



Những ai đã bán-khoản lo, ngại.
Đón xuân vào ghế đất, giường tre?
Biết bao kẻ, tiền quăng vung-vãi,
Tưởng chừng vinh-dự rước xuân về?
Xuân đâu phải gấm nhung lỏe-loẹt,
Ánh bạc vàng rực-rỡ phở-trương?
Xuân đâu phải rượu ngon, cỗ đẹp,
Chào mừng, chúc tụng đóng vai tuồng?

TÂN-MÁC HƯƠNG XUÂN

Xuân chẳng riêng ai trên trái đất.
Xuân là tấm gỏi của thời-gian.
Xuân, nguồn hy-vọng cho muôn vật.
Xuân, hòn ngọc báu của làm-than.
Xuân chẳng hắt, xua tay lấm bụi,
Đề mong quần-quít khách giàu sang.
Xuân vì tình mẹ khôn chia nôi,
Yêu con kém phận, nặng lòng thương.

Ngon cỏ nõ-đưa theo gió lướt.
Gánh đời xanh, bóng, ướt màu xuân.
Vang lên mấy tiếng — say non nước —
Du-dương cảm thấu suốt tâm-thần,
Hòa với thi-thảo lau, cọ, lách,
Xạt-xào thông cựa thở vi-vu,
Ngập-ngừng giọng trúc thắm lòng bạch,
Riu-rit chim ca chốn hẹn-hò.
Giữa khoảng mộng-mệnh, trong, sáng, mát,

Ai dăng nhời sáo véo-von bay,
Đón bóng thiều-quang, tình bát-ngát?
— Mực-đồng, tôi khoác, nón lặn quay.

Thành-thị xa-xa inh-ỏi pháo,
Mừng xuân rộn-rịp khách phong-lưu.
Lâu-dài tráng-lệ phở tinh-xảo,
Xa-hoa bài-tri cảnh phù-hiếu!
Bình ngọc lung-linh hồn thực-dược.
Trầm tư khói tỏa quần lan hương.
Mầm-mỉm hoa đào, tư-lự cúc.
Sắc-sỡ thanh, lam, chói-lọi vàng.
Cốc rượu hồng, ngát hơi túy-lý,
Bàn lang-tạ, lạc-hỷ thấu canh,
Nước bạc xoay chiều cơn thẳng, bĩ.
Dịp kèn khiêu-vũ gọi xuân tình.

Hồ-hải lênh-dênh thuyền lãng-tử,
Xuân người phảng-phất bóng quê-hương.
Tưởng nhớ băng-khuàng lòng lữ-thứ:

Cổ-quận xa-xăm cách dặm trường!
Giật mình tiếng gọi, tan hồn mộng:
Xuân ai đáng-dấp khác xuân nhà?
Ngồi ngắm kỹ, phóng tầm mắt-rộng,
Nghe, phong, lễ, nhạc, vẽ văn-hoa



Thay đổi theo màu sông với núi;
Xuân-huy phát-biểu một tâm-tình,
Chung cả giống nòi trong bốn cõi:
Mừng xuân hứa-hẹn cảnh tân-sinh.

Cá đất bơi cao đương tấu nhạc,
Giải bày đơn-giản chốn thôn-quê.
Hòa âm chuông khánh ca xuân sắc,

Nhây múa xoay tròn, gió vuốt-ve.
Ông đồ tức cảnh ngâm thơ cò.
Sân rêu tản-mác cánh hoa đào.
Cá vàng dớp bọt chân non bộ.
Nêu nứa, cung vôi dẫn quý vào:
Bốn đạo tung-hoành quân sóc-đĩa.
Sáu đường chiến-tuyến mặt thò-lò,
Hai phái tranh xuân chia chẵn lẻ;
Cao thấp lên bài, tướng sĩ lo.

Gió đùa vuốt tóc cô thôn-nữ,
Tay tựa cành đào, ngắm khách xuân.

Thanh-niên lữ-lướt, tươi niên-nở,
Trò-chuyện vang đường, cợt mỹ-nhân,
Lựa bạch phát-phơ, quần mỏng-mảnh.
Lóng-lánh nhung hồng, áo chật căng.
Tấp-nập ngõ chùa người vãng cảnh,
Lá thẻ cài khăn, hi-hừng mừng.
Điện mẫu, trống rung, tiền thánh nhây,
Bóng cậu ra roi tể ngựa bừa.
Ai giờ cảnh lộc tung-tăng chẩy?
Nhìn xuân con trẻ nhớ xuân xưa.



Nhưng-trường chiến-sĩ chơi xuân khác:
Thay vào tiếng pháo tiếng thần-công.

Vang-dậy thanh-trì, nồn đại-bác.
Chén rượu nghênh tân sử máu hồng.
Tướng tá tìm xuân trong chiến-lược.
Bình hùng thêm dũng, cảm tình xuân.

Chữ Danh-dự, Gia-đình, Tò-quốc,
Vàng xuân tô nét chốn ba quân.
Lửa bốc, xuân quang thêm sang tỏ,
Ngày xuân mới-mẻ, mới hy-sinh,
Mới đường công-phá, nơi phòng-thủ,
Mới cảnh tranh-hùng, mặt tiến-binh.
Xuân, khi ủy-mỵ, khi hùng-tráng,
Khi say vật-chất, hoặc tinh-thần,



Biển theo cách sống cùng tâm-trạng,
Với một trời xuân, một khắc xuân.
Giấy phút thiêng-liêng xuân gõ cửa,
Mơ-màng phác họa bóng xuân xưa,
Rực-rỡ hùng-uy soi muôn thừa,
Xám thắm điêu-tàn rõ lệ thơ.

Bầu xuân dốc cạn, ta cười, khóc,
Nhìn tới xuân xa khoảng mặt-mùng,



Là xuân vĩnh-viễn — ta mong ước —
Giải gấm Thăng-Bình phủ núi sông,
Hòa nhạc Ấm No trong sáu cõi,
Ca bài Tuyết-Mỹ khắp doanh-hoàn,
Rắc hoa Tương-Ái trong nhân-loại,
Nhộm sắc Thiên-Đàng chốn thế-gian.

MINH-TUYỀN

Chuyện vặt ngày xuân...

Hoa xuân

THẦM-mỹ là một bản-năng của người đời. Tết đến, nhiều nhà trong thành-phố trên mặt bàn gụ hoặc lát thường bày một cốc thủy tiên thơm tho hay một bình hoa xinh tươi, rực rỡ...

Sau những phút tàng tàng vì chén xuân, ta thử lặng yên một lát mà ngắm-nghía những cái nhoeo cười có duyên và những nét tươi tắn mơn-mởn của các hoa, ta không khỏi nức tiếng ca tụng thần phục cái tài của thơ Tào : « Thiên cao, địa hạ, vạn vật tán thù. »

Thủy-tiên ! Nàng như cô tiên trong thủy cung đượm những thanh-thú nhẹ-nhàng và êm-dịu. Với tay mềm mại muôn muốt nàng dâng cho khách thưởng ngoạn những chiếc chén vàng đĩa ngọc, tỏa ra hương-vị thoang thoang, thanh thanh. Từ chiếc lá dài kiêu-my đến những rễ trắng nõn nà để gieo cho người một cảm-giác lâng lâng nhẹ nhõm. Cái gốc màu ngà kết bằng những bẹ trắng, từng lớp từng đợt, ẩm cứng chặt chẽ..

Ngoài những hương sắc đáng yêu quý ấy, thủy-tiên, sau khi làm xong thiên-chức thiêng-liêng là nâng tinh thần loài người lên cõi thanh cao, còn hi-sinh một cách « triết-đề » : đem tấm thân tàn mà bỏ rứt những mụn sưng và nhọt đau cho thiên-hạ, theo quyền « chỉ-huy » và « điều khiển » của nhà lương-y đông-phương.

Khoác những áo màu hoặc vàng,

hoặc trắng, hoặc phớt tím, hoặc tía nhợt, Hoa cúc như một nàng có nhiều áo nhất đời. Chẳng thế, Lý thời-Trần đã phải nói : « Cúc có đến 900 thứ ».

Ở Tàu, cúc thường nở rộ từ tháng chín. Nói theo tiếng văn chương, người ta gọi « tháng chín » là « cúc nguyệt ». Về văn liệu, Kiều có câu : « Xuân lan, thu cúc, mặn mà cả đôi ».

Ở ta, những nhà trồng hoa lành nghề biết cách hãm cúc, đến gần tết mới cho trổ bông, nên đầu tháng giêng âm-lịch chính là mùa cúc cười mùa tung bừng.

Mỗi khi tết đến, ta được ngắm-nghía những bông hoa cúc vàng nở to bằng cái mặt đĩa : những cánh hoa mỏng, dài, đầu cong như chiếc móng, chơn-vờn ôm-ấp lấy cánh bé nhỏ nhu-nhú ở trong, ta có cảm - tưởng như được ấp-ủ giữa bầu xuân-hòa êm-dềm ấm-áp.

Thấy cúc mà người xưa đã khen tặng là một thứ « hoa ăn-dật », ta lại sức nhớ đến những bức danh-nhân xưa đã từng bầu-bạn với cúc :

Ông Đào Uyên-Minh đời Tấn, không chịu khom lưng vì năm dậu gạo, nên khẳng-khái về vườn trồng hoa, tháng ngày vui vầy với cây tùng, khóm cúc.

Ông Trương Hán-Siêu, nổi tiếng là một nhà chính-trị kiêm văn học ở đời Trần, sau khi làm tròn nghĩa-vụ đối với quốc-dân, đã có những ngày ngao-du sơn thủy, trồng cúc ở Thúy-sơn (Ninh-bình), để lại cho đời sau một mùi hương trên trang lịch-sử.

Ngoài những đóa hoa hoàn-toàn đông-phương, các « nàng tiên » trong sô « quần-phương » lại khéo làm cho Đông Tây gặp nhau giữa bầu không-khí dịu-dàng êm-ả : hoa mồm chó (gueule-de-loup) phô những màu sắc vàng, trắng, đỏ, tím xen nhau, thè lưỡi như muốn quyến mừng xuân khách.

Hoa « gion » (glaioul), giò cao, lá dài, nhỏ bản và nhọn đầu, xẻ ra từng bẹ cách quãng, nâng-dỡ lấy những bông hoa gián sắc mượt mắt như nền nhung tươi.

Không chịu kém cạnh, các hoa « cãm - chương sim », « cãm-chương-phăng » cũng hòa theo màu xuân, phô hương thì sắc khi đứng trong chiếc bình pha-lê, ang thủy-tinh, lọ đồng hoặc ống sứ...

Hoa Xuân ! Các « nàng » đã cung hương thơm sắc đẹp cho chủ và khách trong dịp thưởng xuân, các « nàng » cũng nên bay hương ra nơi chiến-trường, yên-ủ quân-sĩ đang gánh trọng trách gìn-giữ đất nước và hơn nữa, các « nàng » nên dâng nén tâm-hương, cầu nguyện cho thế-giới mau được vui hưởng đóa hoa hòa-bình hạnh-phúc.

HOA-NAM

Cảnh chợ tết Sài - thành

HẸ gần đến tết thì chợ Bến-thành lại một phen rộn rịp, tung bừng.

Từ hai mươi ba tháng chạp, người ta đã làm thành những

dãy quán lá để bán hàng tết mấy hôm chợ đêm. Người ta phải giành chỗ trước từ đầu tháng chạp. Nhận chỗ ngày nào phải đóng thuế chợ ngày ấy. Đến hai mươi ba thì các gian hàng đều làm xong hết, hàng tết đã bày la liệt. Chiều đến người đi mua bán đã rộn-rịp. Nhưng vui nhất chỉ có ba hôm chợ đêm : 27, 28, 29. Ba hôm đó trong chợ, ngoài chợ hàng bán suốt sáng. Mấy người bán hàng thay đổi nhau thức để bán, mỗi hàng 5, 7 người: người cân, người gói, người đếm tiền, không lúc nào được rảnh tay.

Mấy gian hàng báo chí đã thấy treo đầy những sách báo mùa xuân.

Mấy cụ đồ nghiêm trang trong bộ quần áo mới tề chỉnh đang cố nắn nét những nét chữ mềm mại mà mạnh mẽ trên những tờ giấy đỏ chói, nào là tài lộc, phú quý, thọ khang v. v.

Chỗ này mấy gian hàng cây cảnh, xếp từng dãy chậu: nào là hồng, cúc, vạn thọ, mào gà, cam quýt, lại còn cảnh mai trắng, cảnh đào đỏ, cùng những bó hoa Dalat xanh tươi rực rỡ muôn hồng nghìn tía như thi sắc đẹp với khách đi chơi chợ tết.

Đang kia san sát những gian hàng nào rượu, pháo, bánh, mứt, kẹo, hạt dưa, nào cam quýt, bưởi, dưa hấu, thanh trà, vãn vãn, nhiều không xiết kể. Lại xen thêm cả mấy bó hoa giấy, xanh đỏ trắng vàng.

Đáng chú ý nhất là những gian hàng bán dưa hấu, bưởi đỏ, đã chiếm mất một phần tư phía ngoài chợ. Dưa xếp từ đất lên tới nóc nhà, hàng nào cũng đầy những dưa là dưa, có quả giá tới 2, 3 đồng bạc, người khỏe chỉ gánh được bốn quả.

Dưa hấu, bưởi đỏ, là món đặc biệt của tết Saigon, thiếu 2 món đó là thiếu mất hương vị của

ngày tết.

Những hàng cơm, hàng bán các thứ nước giải khát, cũng chiếm hết một phía chợ. Mấy hôm chợ đêm thôi thì đủ thứ: cơm ta, cơm tây, cơm tàu, cơm chay, nước tranh, nước đá, rượu bia v. v.

Ngoài chợ hàng dãy xe hơi nhà toàn kiểu mới, chờ sẵn hai bên đường, đợi chủ nó sau khi chơi bởi thỏa-thích, mua sắm đủ thứ, ăn uống no say, khuôn hàng ra chất đầy xe, về đi ngủ, để mai lại đi chơi, ăn, uống và sắm nữa.

Về khuya, chợ thêm đông. Những thợ thuyền, sau khi cơm nước xong, mới đi chơi chợ.

Ba hôm chợ đêm, từ chiều mát cho tới 2, 3 giờ sáng, làn sóng người không lúc nào ngớt. Người đi sắm tết, người đi chơi, người đi ăn uống, trai, gái già, trẻ đều hớn hớn trong những bộ quần áo mới, đứng một.

Tiếng cười nói, tiếng pháo chốc chốc lại đi dùng xen lẫn với tiếng quảng-cáo rao hàng ở máy truyền thanh đưa ra làm vang động một vùng chợ.

Những đèn điện bóng xanh, đỏ, vàng, tím, sáng trưng từ trong chợ, ngoài đường, làm nổi bật lên giữa châu thành Saigon một cảnh Bồng-lai.

VIỆT-ANH thôn-nữ

Lễ nghênh xuân

Lễ Nghênh-xuân hay còn gọi là Tế xuân làm vào ngày lập-xuân đầu năm, trừ ra những năm nhuận thì làm vào trung tuần tháng chạp.

Ở nước ta, lễ Nghênh-xuân đặt ra từ năm Minh-mạng thứ 9 (1828), nghi tiết giống như điển-lễ của Tàu. Một đạo dụ đã ấn-dịnh cứ hằng năm, sau tiết đông-chí, các quan Khâm-thiên-glâm phải nặn bằng đất một con

trâu và một người dắt, tức Mang-thần, đoạn tô màu một cách tinh tế y như các điều chỉ dẫn trong âm lịch về năm sắp tới. Theo đị-đoan, cái ảnh hưởng của trâu và Mang-thần cũng cần lắm. Trâu xanh, vàng hay đen, năm ấy nông dân sung sướng, mùa màng phong phú; nhưng trâu đỏ hay trắng, chẳng đại hạn tất cũng lụt lội, mất mùa đói kém. Còn anh dắt trâu, đội nón à? thôi lại mưa nhiều; để đầu không? năm ấy nắng dữ.

Ở kinh đô Huế, lễ Nghênh-xuân cử hành rất trịnh trọng. Trước hôm tế, quan Thừa thiên phủ-doãn, theo giấy bộ Lễ sức, cho rước tượng Mang thần (tượng này đến năm Khải-dịnh thứ 3 (1918) thay bằng bức tranh) lên đàn Nghênh-xuân ở hộ lục, phía đông kinh-thành. Tại đó, đồ lễ như vàng hương, hoa quả, trâu rượu đều đặt lên hương án có che lọng. Án giữa cao hơn, có tranh Mang-thần là bàn thờ Xuân-quan hay Thanh-đế. Hôm chính tế, quan Phủ-doãn hoặc quan đại-diện ngài cùng hai viên Tri-huyện Hương-trà và Hương-thủy vãn áo thụng xanh hành lễ ở trước án, mục đích là cầu cho mùa màng được phong-dăng. Lễ tất, các quan cho rước tranh Mang-thần về điện Duyệt - thị trong cấm-thành. Đám rước cũng đủ đồ chấp-kích, âm-nhạc; khi qua các phố, dân-sự đốt pháo hoan-ngheh rất náo-nhiệt, ai ai đều một hi-vọng sẽ được trông thấy mùa-màng tốt-đẹp.

Lễ Nghênh-xuân đặt ra cốt để cho thần dân biết nhà vua lúc nào cũng săn-sóc đến nghề làm ruộng — một nghề khó nhọc, chân lấm tay bùn — mà mong cho phong-dăng hòa cốc luôn để dân được no ấm, vì nước ta xưa nay vẫn lấy canh-nông làm gốc,

VÂN-THẠCH

Hoa của Phương Đông



O Inăm, khi gió bắc bắt đầu vi vút thổi, có một thứ cây. cành lá đã trơ-trọi tưởng như gần khô kéo, bỗng nở ra những đóa hoa xinh nhỏ và trắng muốt. Còn ai là không biết những cành hoa mai, ngẩng ngơ mà diễm dáng, với một vẻ đẹp vừa cứng-cỏi vừa dịu-dàng?

Như một tin mừng giữa mùa giá-lạnh, hoa mai đem đến mọi nơi vẻ kiêu diễm quá sớm của mùa xuân còn lâu mới tới. Không giống những hoa khác thấp nhỏ lè-lè gần mặt đất và quanh quẩn trong một khoảng vườn chật-hẹp, mai sống một cuộc đời phóng-khoáng, đem vẻ đẹp diễm tuyết cho khắp tạo-vật bao-la.

Trên những ngọn núi heo-lạnh như về miền Hương-tích, Mai vẽ thành một bức tranh kỳ-ảo: diễm dứa như một khăn quàng bằng sa trắng vắt qua sườn non, hay rực-rỡ như một tấm thảm phớt hồng dưới ánh nắng buổi sớm của tiết đông-thiên êm dịu.

Đây là một khu vườn gần như bỏ hoang của nhà ăn-sĩ. Một cây mai bình-lĩnh phô những cành đầy hoa trắng. Màu tươi như ngọc của hoa dường muốn hòa-hợp với màu trắng mờ của bầu trời mùa đông.

Và trên chiếc văn-kỷ một thư-

phòng, còn gì đẹp hơn một lọ hoa cắm vài ba cành mai xinh-xắn? Cành hoa vừa tầm gọi một vài giọt sương mai trong suốt. Hương êm nhẹ tỏa ra khắp phòng, huyền-ảo gần như không có, cả một mùa xuân quá sớm đã nở ra trong bốn bức tường.

Nhưng ngoài hương sắc và hình-dáng, Mai còn có những vẻ đẹp vô-hình hơn, dễ khiến người yêu kính. Cùng với hoa lan vương-giả, cành mai quân-tử đã là những bạn thiết của các bậc nho-sĩ thời xưa. Mai đã là đóa hoa của phương Đông. Có ai có thể góp nhặt được hết các bài thơ cùng bức họa đã lấy hoa đó làm đề-mục? Trong xã-hội ta và tàu, Mai đã có một linh-hồn riêng, và đã in sâu vào tâm-tưởng người Đông Á. Giá hoa có thể kể rõ cho ta nghe, ta sẽ biết bao nhiêu sự ly kỳ của những vĩ-nhân ngày trước đã lấy Hoa làm bạn. Vì hoa Mai chính là biểu-hiệu của cả một thể-hệ, một tinh-thần. Bạn thiết của người xưa, Mai đã được người xưa gán cho rất nhiều ý-nghĩa.

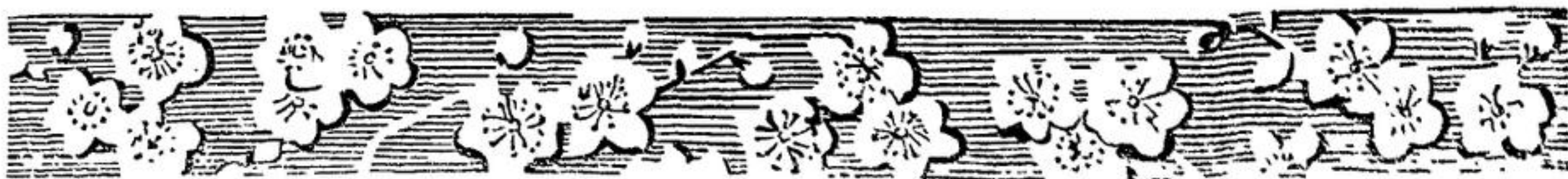
Hoa Mai trước hết là hiện-thân của sự Trong-sạch. Cành trắng như ngọc, không pha một màu nào khác. Mỗi buổi sớm, những giọt móc trong suốt còn như lưu-luyến những cánh hoa tinh-khiết, chưa muốn tan rời. Và qua bao nhiêu thế-kỷ, Mai với Tuyết, đôi bạn trong trắng, vẫn thường đi đôi với nhau. Mai như chờ Tuyết mới trở bông. Tuyết như chờ Mai mới biến thành hoa, tự trời sa xuống. Người xưa

biết thế, thường chờ Tuyết mới đi tìm Mai để thưởng ngoạn. Vì Tuyết có Mai sẽ thêm mỹ-miêu, cũng như Mai có Tuyết càng thêm phần thanh-thú. Đôi bạn ấy đã làm đầu đề cho bao nhiêu bức cồ-họa. Còn gì đẹp bằng những bức vẽ « *đạp tuyết tìm mai* »: Một vị nho-sĩ gầy-gò cũng như cành mai cồ-sầu, cuỡi con lừa nhỏ hay chống chiếc gậy trúc, thông-thả đạp lên vùng tuyết trắng, tay trở một cội mai trơ-trọi, cành ngẩng-nghiêu còn ôm giữ một vài mảng tuyết lơ thơ.

Ở những xứ ấm mà dân cư chưa biết tuyết thế nào, Mai sẽ đem lại đôi chút cái hình ảnh trong trắng của người bạn thiết nơi xa xôi giá lạnh. Vì Mai là tuyết của miền ôn-đới, cũng như Mai là mùa xuân giữa mùa đông.

Nhưng đây không phải là thứ xuân quá yêu-kiều, gần như e-lả. Vẻ đẹp của Mai thanh-nhã hơn, mãnh-mẽ hơn. Mai được người chuộng không những ở màu, mà còn ở dáng. Cành Mai một màu nâu xám diễm một vài vết trắng đục hay xanh lơ của rêu, có những nét rất cứng-cỏi. Thỉnh-thoảng một vài nhánh nhỏ đâm tua ra như gai ngạnh. Hoa Mai nở trên những cành ngẩng-nghiêu đó, phô một vẻ đẹp yêu-kiều mà cương-ngạnh, hầu như kiêu-hãnh nữa, ngạo-nghe với cả gió hút, sương sa.

Và như ngạo nghễ với cả các cây cỏ khác. Mai lúc nở đã chọn mùa đông lạnh-lẽo, mùa chết của muôn loài. Ý như bông đông-lan,



cánh đông-mai là sự phát-biểu rõ-rệt của mạch sống tiềm-tàng trong-tạo-vật. Mai chào đời trước khi mọi hoa khác chưa hề chớm nở. Mai nở ngay cả trước khi những nõn mai chưa nhú lá. Hoa đã nở trơ trọi, không có một hoa khác đứng bên làm bạn, và cũng không có một chiếc lá non trợ màu. Chẳng thế mà vẻ đẹp của hoa, người xưa đã gọi là vẻ đẹp cô lảnh. Và trong trí người ta vẫn mường-tượng thấy cái cảnh rất nên thơ của một nhà văn ngồi trong chiếc nhà gió lộng, cất chén mời đóa hoa ưa sống một mình (1).

Nhà văn ấy còn là một nhà dật-sĩ. Bạn được với hoa Mai chỉ là những nhà dật-sĩ. Vì hoa chính cũng là một tâm - hồn khoáng - dật. Hoa đã nở một mình giữa mùa đông lạnh, như đứng-dung với cuộc đua-ganh của mọi thứ hoa xuân. Và nếu trong cây mai, cánh hoa là nền tinh-khiết, cánh hoa là hình vẽ cứng-mạnh, thì hương hoa cũng là biểu-hiệu cho tính thanh-đạm, hồn-nhiên. Đó là một thứ hương rất nhẹ, phảng - phất như mơ-hồ, thứ « ám-hương » như những nhà thơ thường gọi. Có gì thích hợp với tâm-hồn người Á-Đông hơn, vốn chỉ ưa những thứ êm-ả, đậm-bạc, nhẹ nhàng? Người ta hiểu ngay tại sao cánh mai đã đi đôi cùng tuyết, còn là bạn thân với hạc, con chim của những người sống phiêu - diêu ngoài cuộc cạch-tranh nơi trần-thế, của những vị tiên. Cổ-nhân. khi đi ẩn, đã chọn « mai làm vợ, hạc làm con » (mai thế hạc tử) Nguyễn Du, khi nghèo ngao vui

thú yên hà » đã tìm chim ấy làm « tri-âm » và hoa ấy làm « bạn cũ ». Và ta không lấy làm lạ rằng Triệu Sư-Hùng đời Tấn đã đề hồn bay tới chơi nơi tiên-giới, trong một đêm nằm dưới gốc cây mai.

Rất hiếm những thứ hoa đã chiếm một địa-vị riêng biệt như

hoa này, trong cuộc đời tinh-thần người Á-Đông. Hoa Mai đã gồm cả vẻ trang-nhã một mỹ nữ, những tính-chất cao-khiết một triết - nhân, những tâm - tình phóng - khoáng, an - nhàn một dật-sĩ.

TẢO-TRANG

1) Phong đình bả trần thù có dểm, Thơ Vương An-Thạch.

TẾT BÊN LÀO

Một điều lạ : người Lào ăn tết không vào ngày mồng một tháng giêng như ta hay tây. Tết Lào không nhất định ; có khi nhằm vào đầu hoặc giữa tháng năm, cũng có năm vào đầu tháng sáu.

Tết Lào cũng có 3 ngày, cũng có nơi kéo dài mãi ra đến nửa tháng sau. Ngày đầu ngày buổi sáng, người ta thả lên trời những con chim, hoặc xuống nước những con cá, con rùa, con ếch, những con vật này người ta mua sẵn từ mấy hôm trước. Người Lào tin rằng những con vật khốn-nan ấy đáng lẽ phải chết, họ bỏ tiền ra chuộc lại đời cho chúng giải thoát cho chúng. Làm một việc từ-bi, về sau họ sẽ được phước.

Buổi sáng, ông-già, bà cả, cũng có khi cả các con trai con gái lên chùa, rước tượng Phật xuống một cái bệ hoặc một cái bàn. Tượng lớn thì cứ để nguyên chỗ. Họ súm nhau lại kỳ cọ thật kỹ lấy nước hoa rội. Người ta hứng lấy những nước tắm Phật ấy để rửa mặt, gội đầu hay để lấy khước. Tắm xong người ta lại rước tượng lên chỗ cũ và tụng kinh, dâng hoa.

Trong mấy ngày tết, ngày hai buổi họ lên chùa dâng lễ vật. Lễ vật của người Lào chỉ có hương và hoa. Cũng có nhiều người, nhân dịp tết, đi lễ mãi tận các chùa xa.

Đến ngày thứ hai, thứ ba, họ đi gánh cát lên sân chùa đổ thành từng cái tháp nhỏ, trên có cắm một lá

phướn. Cũng có nơi họ đắp tháp ngay trên bãi cát.

Cũng như người mình, trong mấy ngày Tết người Lào nghỉ làm việc. Họ kiêng ngủ ngày. Họ tin người nào ngủ trưa sẽ bị Trời Phật đổ lên đầu một miếng da chó mực. Đối với người Lào, đầu là một chỗ tối thiêng, không được gần sự ô uế. Mà chó lại là một con vật uế nhất. Theo họ, nếu bị đổ một miếng da chó mực lên đầu là một bích-phạt rất nặng.

Họ không kiêng, không sợ sù quấy, không mê tín về sự đông. Họ không chúc tụng nhau.

Trong tết Lào có lệ « bốt nặm » : đổ nước lã vào người bạn hữu hay khách khứa. Gặp ngày Tết, cũng có nơi, mãi trong thời-kỳ nửa tháng sau, có khách đến nhà, họ lên-lên múc gáo nước, thỉnh-linh đổ vào người khách. Có khi, những người quen gặp nhau ngoài đường, cũng đổ nước vào nhau. Có người nghịch còn dùng cả nước hùn, hoặc nước phẩm để tưới vào nhau, nhưng người bị tưới ấy không được giận. Thường thì, những con gái toàn đổ nước trước.

Ngày nay ở thành-thị, tết Lào cũng có thay đổi. Họ cũng gửi thiệp mừng, cũng đi thăm nhau, Cũng chúc nhau, và thú nhất là cũng đánh bạc. Họ ít chú-trọng đến tôn-giáo như dân quê. ' VŨ NHẬT



TRUYỆN NGẮN

của

KHÁI-SINH

NGHĨA VỤ

I

NGÀY xuân năm Thìn, dưới rặng phi-lao trên đồi thông ở Đờ-Sơn, một cặp vợ chồng son — Huệ và Sơn — đương thủ thỉ :

— Huệ em, anh cứ muốn nâng xuân đầm-ấm như thế này mãi.

— Anh muốn như thế này mãi để làm gì !...

— Để được đi chơi như thế này mãi với em, chứ làm cái nghề « đốc tờ » quanh năm chẳng được đi đâu, khổ quá !...

— Nếu đi chơi mãi thì làm gì ra tiền mà anh ước ao...

Cả hai cùng cười.. rồi từ bấy cả hai cùng lại đi chơi vui vẻ, thỉnh thoảng yên lặng đứng nhìn chân đồi uốn lượn, mặt nước mòng mênh hay ngắm xem khóm hoa sắc sỡ giải bên đường phở sắc với màu trời xanh biếc của cái nắng chiều xuân... Đi chán, hai người lại ngồi, ngồi để hưởng những phút êm dịu của ái tình trong sáng như ánh ngày xuân. Ngọn gió xuân hây hây lướt qua kẽ lá cành cây, thoảng đưa mùi thơm. Huệ và Sơn tự thấy thân thể nhẹ nhàng như làn mây lang lang trên từng gợn vầng hồng của vầng thái dương. Xa xa đôi chim khuyên đuổi nhau kêu chíp chíp.

Tiếng kêu ấy như đưa tâm hồn Huệ vào cõi hiện tại, nàng nhìn Sơn ngập thơ nói :

— Hai ta có thể yêu nhau mãi mãi thế này không nhỉ ?

Mỉm cười, Sơn sẽ « tát yêu » vào

má Huệ mà bảo :

— Tùy em đấy...

— Thế thì em chả yêu anh.

— Thế em yêu ai ?

— Em chỉ yêu...

— Yêu anh ?

— Không, chỉ yêu cái trái tim của... của... anh.

— Nếu em nói dối thì sao ?

— Thì anh là « đốc-tờ », anh cứ rạch bụng em ra xem rồi anh lại khâu lại cho em cũng được chứ sao.

Cặp mắt Sơn long lanh nhìn Huệ một cách đắm say. Huệ cũng nhìn lại Sơn đắm vẻ ngây ngất tình yêu.

II

Ngày hôm sau, hồi 11 giờ sáng, vợ chồng Sơn về đến nhà ở Hanoi, thấy bức thư để ở bàn :

« Thưa ông đốc Sơn,

« Tôi có đứa em hiện ốm nặng.
« Tôi đã cho mời nhiều đốc-tờ từ
« cuối tháng chạp năm ngoái đến
« giờ, ai nấy cũng cho là bệnh khó
« chữa. Trộm biết ngài là vị danh
« sư đã từng cứu được nhiều người
« khỏi, hồi 10 giờ sáng nay, tôi có
« thân lại mời ngài nhưng người
« nhà nói ngài đi Hải-phòng, vớ ý
« khi nào ngài về, xem thơ này xong,
« xin thế nào cũng mời ngài lại ngay
« đặng số nhà 299 phố Hàng Gai
« xem cho em tôi. Cảm ơn ngài lắm
lắm.

« Bái bái

« Món »

« Xin ngài lại ngay.

Sơn xem xong chép miệng : đó, tôi đã bảo Huệ hôm qua là cái

nghề « đốc tờ » bận quanh năm chẳng là ngoa nhé ! Nhưng đề ta thay quần áo và ăn cơm đã chứ.

Huệ vốn sẵn mỗi thương tâm, lại được cùng đọc bức thư cầu khẩn của người nhà bệnh nhân, liền nói :

— Thôi, anh ạ ! cứ thế anh đi xem cho người ta cũng được, chả cần phải thay quần áo làm gì. Anh đi xem rồi về ăn cơm cũng chưa muộn. Người ta đang ngóng đợi anh, mỗi phút người ta ngóng đợi là hàng giờ hàng ngày đó. Anh thử đặt vào địa vị người ta : trong khi nhà mình có người ốm chỉ chờ ông « đốc tờ » đến, vậy mà cứ một đợi, một không thấy thì mình có tức không !

Sơn mỉm cười bảo :

— Gớm, Huệ bây giờ lý sự nhỉ, nhưng thôi, anh cũng xin vâng lời Huệ đây.

Nói rồi, Sơn vội vào phòng làm việc lấy va-li thuốc đi ra cửa.

Mười phút sau, Sơn đã ngồi ở nhà Văn, em Môn. Xem mạch Văn, Sơn biết là Văn vì uất mà sinh ra ốm, mới bấm Môn ra nhà ngoài hỏi thì Môn nói : trong khi mê sảng, Văn thường nhắc đến tên Huệ, mà Môn không biết Huệ là ai, nếu Môn biết Huệ ở đâu thì đã cho tìm Huệ rồi. Sơn nghe xong, trong óc bàng hoàng, biên cho Văn một cái đơn quấy quá rồi về... về với một mối hoài nghi.

Hôm sau, Sơn lại đến nhà Văn, trong khi bảo Văn quay mặt vào trong để nghe đặng lưng xem quả tim Văn đập ra sao thì thấy có bức thư con :

« Em Huệ,

« Huệ có biết từ khi Huệ lấy chồng
« thì anh ốm không, em ơi ! Sao em
« lại nỡ đem lòng phụ anh thế ? Hở
« em ? thật anh không ngờ rằng em
« lại đến thế được... »

Sơn vừa đọc xong thì Văn quay lại, thấy thế có ý xấn hổ, chưa biết nói sao thì Sơn đã bảo :

— Ông nên lượng thứ cho tôi. Đó không phải là tính thốc mách mà là vì tôi muốn biết người yêu của ông là ai để họa may tôi tìm được

cứu cho ông chẳng.

— Không, tôi đâu giám trách ngài. Bây giờ ngài đã biết chuyện, tôi xin kể hẳn ngài nghe sơ qua, ngài biết vậy thôi chứ ngài đừng hòng người ta cứu tôi...

Rồi Văn tiếp :

Thưa ngài, tháng sáu năm ngoái, nhân ở Sầm-sơn nghỉ mát, tôi có được biết người ta. Người lịch thiệp làm sao ! nên chẳng bao lâu người ấy đã làm cho tôi mê, một hai gần bỏ lấy người ấy. . . nào ngờ đến cuối năm thì được tin người ấy đi lấy chồng hình như cũng có bằng y-khoa bác-sĩ như ngài thì phải. Tôi đâm ra tức người ấy quá, cho là người ấy nữ phụ tôi vì tôi còn là anh học trò mới đỗ được cái bằng tú tài xong. Tôi tức quá sinh ra ốm...

Sơn nghe nói biết chắc là vợ mình rồi, cổ gượng lấy lời lẽ khuyên bảo Văn một vài điều rồi cáo từ về. Vừa đi đường vừa nghĩ : Huệ quả là người hư thế ư ? xem từ ngày thang tám năm ngoái cưới Huệ về không thấy Huệ có cái cử chỉ khinh xuất tỏ là con người hư được ? Văn là người si-tình ư ? Có lẽ lắm ! Con người si-tình có nên trách không ? nên trách lắm ; nhưng bản phận mình làm « đốc-tờ » phải cứu bệnh chứ ? bất cứ hệnh nhân đáng chê trách thế nào chẳng nữa, ta cũng cần phải cứu bất cứ theo phương pháp gì.

Trong lúc nghĩ miên man thế thì Sơn đã về tới nhà. Sau khi kể cho Huệ nghe câu chuyện ấy, Huệ liền thốt : Trời ơi ! thế ra anh Văn không hiểu lòng em đến nỗi lâm bệnh. Nhưng có phải lỗi tại em đâu ! Anh Sơn ơi ! anh có tin lời anh Văn không ? nếu anh tin thì thực khổ cho em quá !

Ngày hè năm ngoái, bởi thấy Văn là người học thức tư tưởng em coi hẳn như anh nên quý anh ấy, có câu chuyện gì em cũng kể cho anh ấy nghe. Em yêu anh ấy một cách, nào ngờ anh ấy lại yêu em một

cách. Những lời em nói thân mật như lời một người em nói chuyện với một người anh cả, nào ngờ anh ấy cho là những lời ân ái ! thế có bực không ? Em xin thề có trời đất biết : thực em không nhuộm một tí ái-tình gì với anh ấy cả. Bởi thế nên khi em lấy anh đây, em cứ thân nhiên và đường hoàng, không một tia hối hận... vậy mà một bên mình vô ý thì không sao, bên người ta hữu ý đến sinh ra ốm.

Sơn nghĩ tới cái cảnh sóng nhau đi chơi ở dạng thông tại Đồ-Sơn hôm qua, nhớ lại những lời ân ái, những vẻ hồn nhiên của vợ, nay lại được nghe mấy lời thành thực ấy,



liền an ủi Huệ :

— Huệ ạ ! anh biết rồi, em thực là đứng đắn. chính Văn đã nhầm đó... nhưng chẳng lẽ ta lại nỡ để Văn mang xuống Tuyền-đài một mối tình thất vọng đó sao ? ?

— Thế thì biết làm thế nào bây

giờ, hử anh ?

— Bây giờ chỉ có một cách là...

— Em biết rồi, anh định lấy em làm vị thuốc để chữa cho Văn khỏi chứ gì...

— Chính phải đấy. Em chịu khó vậy nhé !

— Em chịu thôi. Anh bắt em thế, em không sao nghe được.

— Thế em có biết nghĩa vụ của anh thế nào không ?

— Nghĩa vụ anh ? Nghĩa vụ anh là đem vợ ra làm vị thuốc chữa người ư ? ?

— Em nhầm rồi ! không phải vậy ; em chỉ cần đi với anh đến nhà Văn một lúc thôi rồi anh đã có cách giải bày cho Văn biết, Văn sẽ hiểu và sẽ phải bằng lòng. Như thế là ta làm đủ nghĩa vụ ta. Em nên nghe anh mà giúp anh một tay mới được.

— Vâng, nếu vậy thì em xin đi với anh.

III

Sơn Huệ vào trong phòng Văn. Sơn nói trước : tôi xin giới thiệu đây là cô Huệ, một người bạn gái của tôi.

Văn nghe đến tên Huệ, ngồi ngay dậy nhưng Sơn không cho ngồi dậy. Sơn sẽ đưa mắt cho Huệ hình như ra hiệu cho Huệ. Huệ thấy Văn thân hình tiều tụy thì cảm động quá liền rón rén lại bên giường Văn, run run gọi : anh Vầu ! anh Văn, Huệ đây.

Văn lộ nét vui trên mặt liền hỏi : Huệ đấy à ? Huệ còn yêu Văn nữa không ? Huệ ngần ngừ chưa kịp đáp thì Sơn đã nháy, Huệ biết ý nói : còn, Huệ có bao giờ hết yêu Văn đâu. Cha mẹ bắt Huệ lấy chồng

chứ có phải Huệ phụ Văn đâu. Văn mỉm cười, cái cười sung sướng...

Cách 4 ngày sau, Văn khỏi hẳn, đến nhà Sơn để cảm tạ. Tới nơi thấy Sơn, Huệ đang khoát tay nhau đi lại ngoài vườn hát :

« Một nhời đã biết đến ta,

« Muốn chui g, r ghin tũ, cũng là có nhau... »

Chữ xuân trong văn cō

(Tiếp theo trang 20)

Xem bấy nhiêu câu, cũng đủ biết lối phong-dao của ta hay « chẳng » câu này sang câu kia ; tiếng tây bảo thế là « truyền đi trao lại » (*Contamination*, chính là truyền nhiễm, nhưng đây dùng nghĩa bóng) Câu « Cái gì là sống-sộc nó thì theo sau » ăn đi hai ba chãng. Câu « Một nam là mấy tháng xuân » chẳng sang câu « Ai về nhần liễu chương-đài » : có lẽ đây là nhớ câu truyền *Kiền* « Khi về hồi liễu chương-đài, Cảnh xuân đã bẽ cho người chuyên tay ».

6) Quyền Hồng đức quốc-đm thi-lập của trường Bác-cổ chép câu đầu có sáu chữ, chắc là chép thiếu, vì bản riêng của chúng tôi có đủ cả bảy chữ như thế này : « Mờ mit khi giới đắp đôi vắn ». Nam-phong (Novembre 1919, trang 426) thì dịch là « Một khi trời đắp đôi vắn (sáu chữ) Thờ cồ bảy chữ hay chen hai câu hay bốn câu sáu chữ (chữ không phải một câu sáu chữ) nưng chen mà thôi, nghĩa là len, lẩn vào giữa, chứ không bao giờ lỗi thất-ngôn lại bắt đầu ngay bằng một một câu sáu chữ. Xem hai bài sau này 1 y trong *Hồi g đức quốc-đm thi-lập* (từ 1 a-b) bài trên, thì câu sáu chữ ở ngay dòng thứ ba và thứ tư ; b 1 dưới thì ở từ dòng thứ ba đến dòng thứ sáu.

Văn biết Huệ là vợ Sơn, buồn thinh, quay ra cửa đình về thì Sơn nhanh mắt trông thấy, chạy ra kéo lại đưa vào phòng khách, rồi bảo Huệ nói. Huệ sẽ đứng dậy thỏ thẻ nói : « anh Văn ạ ! nam ngoài anh đã quá nhảm, em đối với anh là lấy lòng hực của một người em ngoan ở với bậc anh hiền, không ngờ anh lại tưởng em luyến ái anh, anh đã quá mê em đến nỗi em đi lấy chồng, anh cho là em phụ bạc anh Bây giờ nhờ nhà em đây đã cứu anh qua cơn vắng, mong anh hãy bình tâm nghĩ lại mà cho phép đổi chữ cầm sắt ra chữ cầm kỳ. Còn anh Sơn (*Huê quay vào phía Sơn*) em xin thay mặt anh Văn đây cảm ơn anh đã chữa khỏi cho anh ấy và xin anh cho phép em cùng anh ấy được kết làm bè bạn.

Sơn vui vẻ đáp : gớm ! em nói sao vau hoa thế. Tôi mong ba ta đây cùng nhau dặt tay vui vẻ sống trên đời đời cho đến lúc chết thì thôi.

IV

Xuân nam Tỵ, cũng ngày này nam ngoài, các người đi du xuân ở Đồ-sơn, đều lấy làm ngạc nhiên thấy một cặp uyên ương đang dặt tay một sư ông đi dạo cảnh đồi thông.

Có gì đâu ! từ khi biệt cái tổ ấm cúng của Sơn, Văn càng nghĩ càng thêm về cái việc của mình đã làm qua : đường đường một bậc nam nhi, lại là người có học thức, thế mà đã si tình đến nỗi sinh ốm, nay tuy khỏi lại được người bạn gái cùng chồng của người ấy đem tấm lòng cao thượng biệt đãi mình thực, nhưng mặt mũi nào còn dám trông thấy ai nữa.

Phải quên, quên hết việc đời.

Nhưng sao hôm nay, sau khi hai vợ chồng Sơn đã tỉnh cơn bất gặp Văn ở đây, và đã cố khuyên giải Văn, Văn lại thấy tâm hồn tràn ngập những ý tưởng ham sống ở giữa chốn cạnh-tranh.

Văn tự đặt câu hỏi ấy nhưng Văn không thể trả lời được. Một lúc lâu, như muốn phá cái câu hỏi khó khăn, Văn chạy ra một mỏm đá ngồi. Văn để tâm-hồn ngây-ngất dưới hoàng-hôn. Một chiếc quạ khoang, vì tức một con chim khách tranh mất mồi, bay liệng đuổi cho kỳ được con khách để lấy lại mồi.

Trước cảnh ấy, Văn liền tưởng đến một mẫu đời vật lộn mà Văn đã trải và cần phải trải. Rồi Văn như uất-ức với những lời mai mỉa của con tâm, đứng dậy chỉ tay về

NGUYỄN-ĐÁN

— Âm dương hại khi mặc xoay vắn,
Nẻo quá thời đông đến tiết xuân.
Chân ngựa giông khi tuyết lạnh,
Hàng loan rắp thuở canh phân.
Chân tràng chầm-chầm ngói hoàng-cực,
Năm phúc hây-hây dưới thứ - dân.
Mây hợp dền nam châu - chực sớm
Bên tai dường mắng tiếng thiền - quán.

— Ba dương đã gặp thuở thời vắn,
Bốn bề đều mừng một chúa xuân.
Nức ngai vàng hương mấy hộc,
Trang cửa phượng ngọc mười phân.
Giời lồng-lộng hay lòng thanh,
Gió hây - hây khắp muôn dân.
Nhờ ấm nhàn khi hên bóng nắng,
Ước dưng muốn tuổi chúc ngô-quần.

7) Nguyễn-văn là « Phụng canh ngự - chế thưởng nghênh-xuân viên thi ».

8) Quyền Tâm-thanh tồn-dụng thi-lập của Trịnh-Sâm chưa ai in ra quốc-ngữ. Chúng tôi có đang một vài bài trong tập *Poésies inédites de l'époque des Lê* in ở *Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel du Tonkin* quyền XIV, năm 1934, trang 31, v.v.

phía góc giới, lăm bầm những gì mà không ai nghe rõ. Nhưng chợt trông thấy cái tay áo lục-thụng bọc ngoài chiếc cổ tay gân guốc, nhia xuống chân, chiếc vật áo nâu giải lướt-thướt đi đôi với chiếc quần cũng màu nâu, Văn mới nhớ ra mình là một nhà sư. Văn buông một tiếng thở giải xong lại cười gằn, cái cười mỉa-mai vì Văn đã tự đối mình trong một năm đằng đẳng.

Phải, một năm trống rỗng lạnh-lùng quá. Văn sống với những câu kinh, tiếng kệ, bạn cùng chiếc mõ, cái chuông. Văn tưởng-tượng những ngày ấy nếu cứ chôi mãi thì còn gì là tương-lai Văn. Nay bao nhiêu ý nghĩ sống lại cuộc đời lại bỗng-bột lên như những chiếc lá non trải qua những ngày đông giá lạnh, lại gặp tiết xuân đầm-ấm.

Mặt trời từ từ chìm xuống mặt nước mênh-mông xa xa. Tiếng chuông chùa lạnh-lạnh buông một hồi rồi tan vào cõi mung-lung. Văn trở về chùa với một ý định. Rồi...

Một đêm không trăng sao, vào hôm 20 tháng giêng, một thanh-niên cứng cáp trong bộ đồ tấy gọn-gàng đi ven bờ lại. Người ấy đi một cách nhẹ-nhàng, lạnh-lẹn, mặc cho tiếng chó ở xa xa đang sủa gió.

Người ấy đi, đi để làm việc cho đời .. KHÁI-SINH

Thơ Ba-tư

của OMAR KHAYYAM

Xuân nồng

Xuân ta thắm lại buổi hôm nay,
Rượu rót nồng thêm, lửa dấm say.
Bất cứ rượu gì, ta cũng thấy
— Như đời—đầy những vị chua cay.

Hơi xuân

Mơn trốn bóng hương, ngọn gió
xuân,
Bên vườn cũng lướt mặt tình-nhân.
Thời xưa sung-sướng sao quên lãng,
Vì buổi ngày nay được ái-ân.

Xuân về

Xuân về tươi thắm mùa trong hoa,
Ta đến vườn uyên, bỗng tự xa
Thiếu-nữ khuyên mời nâng chén ngọc,
Làm ta quên hết cả đời ta.

Uống say

Uống đi ! người đã say hoai,
Rượu đem ta trở lại hồi xuân xanh :
Mùa thiêng liêng của hương xinh,
Rượu nồng với bạn chung tình của
người !
Say đi phút ngắn ở đời !

PHAN KHẮC-KHOAN dịch
(Rút ở cuốn Hư-Vô)

Tết! Xuân!

MIÊU

(Tập Kiều)

Lơ thơ tơ liễu buông mảnh,
Chim oanh học nói trên cành mả mai.
Ngày xuân con én đưa thoi,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

NÓI

Xuân vương chính nguyệt,
Xuân xinh xinh mà Tết cũng xinh
xinh.

Chúa Xuân sao khéo hữu tình,
Khéo xếp-dặt quần-quanh Xuân với
Tết,

Thềm Xuân chót-vót nêu mừng Tết ;
Ngày Tết đi-đoành pháo gọi Xuân.
Xuân đi Xuân lại bao lần,
Mỗi một tuổi, một xuân, thêm một
mới.

Chào chén rượu mừng Xuân vừa tới,
Đem mấy câu chúc gửi Tết xuân nhá.
Chữ rằng « Xuân tiết do đa... »

Trần-Khê NGŨ NGỌC-CAN



TRANH TẾT

Tết đến, ta thường gián công hoặc tương cho trẻ em chơi những tấm tranh tuy màu sắc mộc mạc, nhưng cũng có đôi phần lý-thú : Nao Đám cưới chuột, Cóc dạy học, Con gà, Con lợn, Ông tướng, Tam đa, Tiến-tài, Tiến-lộc, Nhị-thập-tứ hiếu, Công việc nhà nông v. v. ...

Gốc-tích sự gián tranh do ở điền này : Ở dưới gốc cây đào núi Độ-sóc có hai vị thần gọi là Thần-Trà và Uất-Lũy cai-quản đàn quỷ, hễ thấy quỷ nào nhiều hại nhân-gian thì tức khắc ra tay tiêu trừ. Nên mấy ngày tết, người ta dùng mấy chữ tên hai thần ấy hoặc gián tờ tranh ở cửa cũng không ngoài cái ý trấn-trừ ma quỷ và cầu may trong dịp năm mới.

Gặp ngày phiên chợ nểng hanh.
Dạo xem mấy dãy bán tranh tô màu.
Ngày này đám chuột rước dẫu,
Có chủ mèo lớn ngồi chầu một bên.
Khen cho chuột cũng gan liền,
Chẳng chút sợ - hãi, ngang - nhiên,
đàng - hoàng.

Cụ đồ Cóc thế mà sang,
Ngất-ngheo trên sập, trước bàn sơn
sơn.

Quanh mình, lỗ nhố trò con,
Kìa anh lười nhác phải đòn nển thân.
Nọ anh quạt nước chuyên-cần,
Trọng thầy như thể hai thân khác nào.
Lại đôi gà sống cổ cáo,
Xoe cánh như muốn xông vào trọi
nhau.

Mấy con lợn bột nhàu nhàu,

Về tết

Ngảnh lại sau lưng tết đến rồi !
Người về, ta cũng sắp về thôi.
Bầy lâu bàn lờ hương tàn lạnh ;
Rày hân sản Lại, cổ rậm chồi.
Nuôi miệng, quanh năm, chán mỗi
rạng,

Nhớ nhà, tết đến, dạ bồi-hồi.
Công kia, việc nọ, thôi đành xếp,
Rằm gạo ăn đường, giờ gỏi xuôi...

CÁCH-CHI

Xúm quanh bên mẹ, cháu đầu vôi ăn.
Nóng-gia công việc siêng-nhỉ g,
Cày bừa, cuốc xới nhọc nhằn laôn
lay.

Làm ăn vất-vả suốt ngày,
Khi cấy, khi gặt, khi xay thóc vàng.
Giã xong thổi lại giần sàng,
Được miếng cơm dẻo muốn vắn
công-lao !

Tam-đa, cảnh ấy đẹp sao,
Đủ Phúc-Lộc-Thọ, lẽ nào chẳng mua.
Hăm bốn điều hiếu thủa xưa,
Đem việc người trước xếp vừa tờ
tranh,

Cây voi ông Phấn tuổi xanh,
Đã nên hiếu-thảo thơm danh muốn
đời.

Mạnh-Tôn, mầm trúc còn tươi,
Quạt nồng, ấp lạnh, nhớ người
Hoàng-Hương.

Chuyện xưa dù có hoang-đường,
Khuyên ai lấy đó làm gương soi
càng.

Này là quan Tướng oai phong,
Mình giáp, tay kiếm, anh-hùng lắm
thay !

Như ai ta cũng cầu may,
« Tiến-tài, Tiến-lộc » mua ngay đem
về.

Cu con trổng thấy hủ-hề,
Gián lên cánh cửa liền kẻ lối đi.

VÂN-THẠCH



VÀNG...

VIỆC sinh tử vô-thường; sự cát hung, hoa phúc khó lường. Lúc ốm đau, khi lo sợ, cuộc nhân-sinh nhiều nỗi éo-le'... Rủi rủi, may may, bày bày, xóa xóa... Người ta tin tưởng rằng trong chỗ vô-hình, chắc có do một sức mạnh ngấm-ngấm chủ-trương. Bởi thế mới phát sinh ra cái quan-niệm về quỷ, thần, mới có sự cúng-lễ để cầu phúc, tránh họa.

Tại Trung-hoa, về đời thượng-cổ, một bọn đồng cốt đã lợi-dụng lòng tin-tưởng của quần chúng, đem những điều cát hung họa phúc, dùng những phương-thuật huyền-hoặc đánh lừa quốc dân, để làm kế sinh-nhai. Thậm chí nhà nào cũng thờ quỷ thần!

Dân-chúng bị mê-hoặc, không hiểu rõ chính-lý của trời đất, không phân biệt thiện, ác, chỉ tìm mối họa-phúc ở chỗ mơ-màng mù-mịt, nên đế-vương đời trước mới định rõ điển-lễ, để phân-biệt người với thần, để chính lòng người.

Đạo thánh-hiền tuy công-chính, nhưng chỉ cảm-hóa được thiểu-số có học-thức, còn ngoài ra lòng người vẫn bị vật-dục làm mờ tối, nên cái thuật của bọn vu-nghiễn (thầy pháp) vẫn được công-hành. Về sau, các vương-giả phải đặt quan Tư-vu để cai-quản bọn vu-nhân.

Việc cúng-bái theo sự mê-tín của quần-chúng mỗi ngày một phức-tạp

mà do đó có nhiều tập-quán không sao bỏ được.

Tục đốt vàng mã có nhẽ cũng tự nguyên-nhân ấy phát-sinh ra từ mấy nghìn năm nay.

Nay thử lược khảo về sự-tích vàng mã trong lịch đại Trung-hoa và xét xem tục đốt đồ mã thâu-nhập vào nước ta từ thời-đại nào.

Nguyên nước Trung-hoa, về đời thượng-cổ, người chết không phong phần, không cây làm ghi, chỉ bó bằng củi, đem táng giữa nơi hoang-vu, không người qua lại thăm-viếng.

Đến năm 2679 trước Tây-lịch, vua Hoàng-đế truyền ông Xích. Tương chế ra quan quách.

Từ năm 2205 trước Tây-lịch nhà Hạ nặn đất nung làm cỗ bàn, lấy tre và gỗ làm các khí-cụ như đàn, sáo, chuông, khánh, vân vân, gọi là minh-khi để chôn theo với người chết.

Minh-khi là đồ dùng của thần-minh vua quý, nên cũng thường gọi là *quỷ-khi* rồi do đó, nảy ra cái mầm dùng đồ mã.

Sau, nhà Ân lên thay nhà Hạ vào năm 1765 trước Tây-lịch. Trái với đời trước chôn *minh-khi*, đời này chôn *tế-khi* là đồ thực cả.

Nhà Châu (1122 trước Tây-lịch) chia người chết làm hai hạng; quý và tiện. Quý, gồm từ thiên-tử xuống đến đại-phu, được kiêm dùng cả *quỷ-khi* và *tế-khi*. Tiện, từ

sĩ phu xuống đến thứ-dân, chỉ được dùng *quỷ-khi* mà thôi.

Lúc sinh-thời, vua yêu vợ nào, quý con nào, miễn kể thị-dụng nào, đến khi vua băng, những người ấy đều bị chôn sống theo vua, gọi là *tuấn-táng*. Tục này không những dùng cho một thiên-tử, mà các vua chư-hầu cũng đều theo cả.

Sau khi Tần Mục-công mất, ba anh em họ Tử-xa là Yên-Tức, Trọng-Hành và Châm-Hồ có tài-đức hơn người, đều phải *tuấn-táng*! Người trong nước tỏ nỗi xót thương, có làm thơ phản-đối tục chôn sống người vô-nhân-đạo ấy. Triều-đình mới tìm vật khác thay chôn người, nhân thế mà chế ra người bằng cỏ gọi là *sổ-linh*.

Người bằng cỏ trông không được mỹ-quan, nên lại làm người bằng gỗ tức là *mộc-ngẫu* hay *dũng* do Yếu-tư chế ra từ năm 1001 đời Châu Mục-Vương.

Từ đời Hán về sau, nho giáo thịnh hành, việc dùng *mộc-ngẫu* đều bị coi khinh, dân gian lại trở lại việc dùng đồ thực. Bao nhiêu đồ nhật dụng, bao nhiêu vàng, ngọc châu, báu, lúc chết đều đưa ra mộ. Vì tục *tuấn-táng* đã coi là vô-nhân-đạo, nên người không phải chôn sống nữa, chỉ phải lưu cư nơi mộ địa. Có khi, trên mộ lại đặt ngựa đá, voi đá, phỗng đá, cho thêm nghị vệ.

Đến năm đầu, niên hiệu Nguyên-Hưng (105) đời Hán Hòa-Đế, ông Thái-Luân lấy vỏ cây gió và rễ rách chế ra giấy.

Về sau quan Chương - Sử nhà Đường là Vương-Dur mới nghĩ, cách thay vàng bạc thực bằng tiền giấy để dùng vào việc tang ma, tế tự. Tiền giấy xuất hiện từ đời Huyền-Tôn nhà Đường năm Khai-nguyên 26 (738) Vương-Dur được cử làm Thái-thường bác-sĩ coi việc thiêu đốt tiền giấy trong khi cúng tế.

Tiền giấy một khi đã được công-hành, người ta lại nghĩ đến việc thay người cỏ, người gỗ hay người sống bằng người giấy gọi là *hình-nhân* để thế mạng. Rồi những đồ

cùng cũng đều làm bằng giấy để dùng cho vong-giả.

Tục dùng đồ mã từ đó được ưa chuộng, lại gặp hồi Phật-giáo thịnh-hành, nên được phổ-cập trong nước Trung-hoa.

Nhân ngày 15 tháng 7 là tiết trung nguyên, vua Đường Đại-Tôn (763-779), theo nhời tâu của sư Đạo-Tạng, thông sức cho dân-gian mua minh cụ bằng đồ mã, khăn, rồi đốt để các vong-nhân có thứ dùng trong âm-giới.

Thế là đồ mã được lưu hành trong nước Tàu một cách rất mau-chóng.

Nước ta, trong hồi nội thuộc Tàu, từ văn-chương đến phong-tục, dù hay, dù dở cũng đều hòa theo người Trung-quốc. Tục đốt mã cũng vì thế mà thâm - nhập trong xã-hội Việt-nam.

Quốc dân ta bao năm đã từng thực hành tập tục ấy đối với người đã khuất. Song tiếc rằng người mình quá xa xỉ, thường thường chỉ làm theo cái nghi-thức trong sự thờ-tự mà quên mất cái tinh-thần về việc kỷ-niệm thân-minh hay tổ-tiên.

Ít lâu nay, muốn cho đồng-bào tiết-kiệm một số tiền xa-phi vô ích để mua lấy một đồng tro tàn, nên trong xã-hội ta đã từng nổi lên phong-trào bài-trừ việc dùng đồ vàng mã. Song xem ra cũng không có kết quả là bao !

Tục đốt mã vẫn thịnh-hành, quốc-dân phần đông tuy đối với mọi sự chi phí ăn tiêu vẫn dè dặt, mà đối với việc đốt mã vẫn không chịu ngừng tay ! Nhờ thế mà nuôi sống một nghề đã có từ nghìn xưa, do đó một hạng người không đến nỗi thất nghiệp ! Hiện nay, nghề làm đồ mã vẫn phát đạt như thường !

Việc đời không cái gì là toàn-lợi, mà cũng không cái gì toàn hại cả ; cốt sao dung-hòa, tiết-chế cho có điều-độ thì hơn.

MÃ



T.V.

Theo nho giáo nói, thì người ta sinh ra đời, có khí, có hồn, có phách.

Một khi thở hơi cuối-cùng, hồn phách sẽ rời xác thể mà bay đi. Cái khí tinh-anh lên trên khoảng không-gian sáng sửa rực-rỡ, còn hài-cốt dần dần tiêu tán.

Vậy thì chết đi không phải là hết cả, chỉ hết cái hình-hài mà thôi ; còn cái khí tinh - anh tức là tinh-thần vẫn ở trong vũ-trụ. Do cái lý tưởng ấy, nên có câu : « Sinh ký giả, tử quy giả » (sống là gửi vậy, thác là về vậy).

Dù tinh-thần biết hay không biết, song đối với người chết, bao giờ ta cũng có tinh-cảm, không thể cho là người chết không biết gì nữa hay vẫn còn biết như lúc còn ở trên trần.

Theo Lễ-ký, thì « cho người chết là mất hẳn không biết gì nữa, là bất nhân ; không nên theo. Cho người chết là còn biết như lúc hãy còn sống, là bất trí ; không nên theo ».

Vậy sự thờ-cúng người chết, tế-tự tổ-tiên là một việc cần nên có để tỏ lòng thành-kính, biết ơn, khiến con cháu lúc nào cũng ngưỡng-vọng đến tiền-nhân, tưởng-tượng như tiên-tổ vẫn còn tại thế để chúng kiến lòng tôn kính của con cháu, để che chở, đùm-dắt con cháu qua nhiều

bước khó-khăn trên đường đời ..

Vì sùng-bái, kỷ-niệm tiên-tổ, nên con cháu muốn tỏ lòng « sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn. »

Người con cháu có lòng hiếu-kính sắm đủ các đồ nhật-dụng, các thứ kim-ngân châu báu, dâng cúng tổ tiên, đốt ra tro để làm khói bay theo linh hồn người khuất ! Rồi trông theo làn khói, con cháu có thể tự an-ủi là một khi tiền-nhân đã nhận đủ các đồ minh-khi, nghĩa vụ người sau đã trọn vẹn để yên lòng theo đuổi cuộc đời.

Vậy thì đốt vàng mã trong mấy ngày tết, trong các kỵ-nhật tuy cũng là một phí-khoản, song cũng không đến nỗi xa-phi vô ích như những món tiêu hi-sinh trong chốn yên-hoa, trong bàn đèn đỏ, mà lại còn có công-dụng nhắc nhở làm con cháu phải đủ bổn-phận đối với tiền-nhân, nghĩ đến công - đức người trước, noi gương sáng, làm cho thơm danh tiên-tổ, quang-rạng nghiệp nhà...

Điều cốt-yếu là theo cuộc biến-thiên của thời-thế, ta nên xa giấc mộng mơ-màng mê muội nghìn xưa, tỉnh-giảm sự xa-phi về việc đốt vàng mã, thâm-thái lấy cái tinh-hoa của cổ-tục. Ấy là đã tiến một bước dài trên đường giác-ngộ vậy.

NHẬT-NHÂM

NGÀY TẾT LỊCH - SỬ

(Tiếp theo trang 9)

Cần-thận-Hầu bị thương nặng, sức đã yếu kém, phải hua đao vừa chống vừa lùi. Chẳng dè cái chuôi đao vướng vào rào cây, làm cho ông trượt chân ngã vật xuống. Giặc xông đến, đâm ông chết ngay.

Bấy giờ quân lính bộ thuộc hối hả kéo đến tiếp ứng, thì giặc bỏ chạy đi.

Chúng tụ quân, giữ thế thủ, chống lại quan - quân chúa Nguyễn, làm nghề đường giao-

thông ở Gia-định.

Cương-uy-hầu Nguyễn (không rõ tên là gì) đem quân thủy, bộ trong dinh ra bày trận ở bờ bên bắc, đốt phá chiếc cầu ván đề chặn đường tiến lên của quân giặc. Nhưng Cương-uy-hầu cứ đóng quân cầm cự, chứ không dám tiến lên đánh dẹp. Rồi đưa hịch cấp báo cho Đại-thắng hầu Tổng-phúc-Đại hiện làm cai-cơ ở đạo Mỗi-suy hợp binh cùng đánh, bấy giờ mới dẹp được.

Hai ông bắt được bọn Quang

và 57 tên đầu đảng hung-ác. Vì cho rằng chúng là người của nhà Thanh, một nước đối với ta hồi đó được đóng cái vai «thiên-trào», nên hãy tống chúng vào lao, chứ không đem giết vội.

Hai ông cho phi ngựa tâu việc biến này lên chúa Nguyễn.

Về sau, các nhà đương-đạo bên ta kể rõ tội trạng bọn giặc khách này vào một tập văn - án, giao chúng và công-văn ấy cho Thiên-tông Mãn-Thanh là Lê-Hay-Đức giải về tỉnh Mân (Phúc-kiến) để Đốc-bộ tỉnh đó trị tội.

Những tội-phạm bị giải đi ấy còn 16 tên, trong có bốn Lý văn-Quang, Hà-Hay và Tạ-Tứ. Ấy vì không kể những đứa đã chết ở ngục hoặc vì bị thương, hoặc vì đau-ốm.

Chữ « phúc » chơi tết

Sau khi đại-thắng Mãn-thanh, qua mùa xuân năm Tân - hợi (1891), vua Quang-trung có cái vinh-dự là nhận được chữ «phúc» do chính tay vua Thanh Cao-Tông viết tặng để làm một món thưởng ngoạn trong ngày xuân.

Vì bây giờ nhà Thanh muốn che lấp cái nhục chiến bại, nên hết sức vỗ-vấp, tăng-bớt, trọng đãi vị giả-vương Việt-nam do vua Quang-trung phái sang triều-cận.

Theo lệ thưởng, hằng năm, vua Thanh vẫn thân viết chữ «phúc» ban cho các vương, công đại thần để làm món quà mừng xuân mới. Vua Thanh sợ đợi đến mồng một tháng chạp mới thử bút rồi viết tặng thì, khi ta nhận được, đã quá tết nguyên-đán mất rồi ! Vì thế, vua Thanh phải đặc cách viết trước đưa cho, khiến sang xuân, ta kịp treo chơi trong dịp năm mới.

Một chữ « phúc » này thật chưa biết bao ý-nghĩa lịch-sử.

(Tham khảo các sách Gia-định-thành thông-chí, quyển II, mục Sơn xuyên ; An-nam nhất thống-chí ; Đại-nam chính biên liệt-truyện ; Đại-Thanh thực lục)

HOA-BÀNG

THỜ CÚNG TÒ TIÊN

(Tiếp theo trang 13)

những lễ-phẩm, như bánh, sữa, ra cúng.

Lại có tục người con hiếu thường - thường phải đem lễ phẩm dâng cúng cho linh-hồn cha mẹ tuy khuất nhưng vẫn phảng-phất ở mộ-phần. Họ lại tin rằng nếu không cúng, các linh-hồn sẽ phiêu-dạt làm quỷ đói ; như thế là một tội rất nặng. Luật-pháp Hi-lạp trừng-trị rất nghiêm những quan chủ-súy sau khi thắng trận mà quên không làm lễ truy-diện các trận-vong tướng sĩ.

Đến người La-mã thời việc thờ-cúng tò-tiên lại là phận-sự thứ nhất của cả một gia-đình. Vì thế, khi có người mất, họ làm ma rất linh-dinh long-trọng.

Sau khi đã tắm rửa cho người thác, họ giao cho các phu đòn khiêng ra đặt trên giường ở giữa nhà. Trước cửa nhà có giồng một cây trác-bách-diệp để báo tang.

Ngày cất đám, rước thi-thề lên xe, có phường kèn, sáo và những người khóc mướn cùng người họ-hàng đi chấp phát. Nếu là nhà quý tộc, lại có rước cả hình-ảnh tò-tiên đi đường. Đến chỗ công-viên (forum), thì một người tai-mặt đọc diếu-văn. Nhưng

khác với dân-tộc Hi-lạp, là sau khi đọc diếu-văn, thi-thề sẽ đem hỏa táng trên một đồng củi do người thân-nhân chôn lửa.

Lễ đoạn, những hài-cốt sẽ đem đựng vào những bình hoặc bằng vàng bạc, tùy theo tài-sản người mất. Bình ấy sẽ để vào những ngôi mộ xây sẵn. Chín ngày sau, cả họ họp lại làm cơm nước cúng và có khi đề kỷ-niệm người mất lại có những cuộc thi diễn-kịch đề an-ủi cho linh hồn người qua đời.

Những mộ người giàu thường xây ở dọc đường đi. Còn người nghèo không có mộ xây, họ thuê một chỗ trong những ngách tường nhà mà các nhà thần-khoán đã xây sẵn hình như cái chuồng chim bồ-câu (columbarium), có nhiều khi là những ổ đào ở dưới hầm gọi là catacombes mà người ta thường đào được ở kinh thành La-mã.

Tục thờ cúng tò-tiên, về phần nghi-thức, tuy mỗi nơi một khác, nhưng cũng cùng một ý nghĩa cả. Vả lại, thờ cúng tò-tiên để tỏ ra mình không vong bản, thời tưởng không có gì hại. Chỉ cần không nên nhận những ngày ấy mà bày ra ăn uống quá độ là được.

TIỀN ĐÀM

TRONG THÁNG XUÂN, NGÀY XƯA TA LÀM NHỮNG VIỆC GÌ ?

CHÚNG ta chớ tưởng trong ngày xuân thư - nhàn, dân-tộc ta chỉ biết :

*Tháng giêng ăn tết ở nhà,
tháng hai đình - đám
tháng ba hội - hè, v.v.*

Câu hát đó, chỉ đề cho ta rõ cảnh thanh-nhàn, yên - lặng của những người thường trong dân-gian. Thực ra những bức anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, nhân-dân không lưu ý đến khánh-tiết hay thưởng-xuân, gặp cơ - hội phải làm thì lập-tức làm ngay, không chờ đến hết ngày ; gặp việc có thể làm được hôm nay, không hề nhãng đề đến hôm sau. Chứ không như phường câu-nho, tục-sĩ, gặp việc, còn chờ ngày lành, chọn tháng tốt, quanh quanh quần quần những chọn cùng chờ, thì cơ-hội đã qua, dịp may đã hết ; đến lúc việc có hư, mưu có hỏng, lại đổ tại giới, tại số !

Muốn chứng tỏ đề các ngài biết trong tháng xuân ngày xưa ta làm những việc gì ; nghĩa là những bức anh-hùng hào-kiệt nước ta ăn tết, thưởng xuân thế nào, tôi xin lần-lượt kể từng ngày, đề các bạn trong khi vui mừng xuân mới ghi nhớ việc xưa, không phải là không có ích vậy.

*Mồng một tháng giêng năm
Canh-tí 1780*

Chúa Nguyễn Ánh tức là vua Gia-long xưng vương ở trong Nam

Mồng hai tháng giêng năm

Ất dậu 1885

Thành Tuyên-quang Bắc-kỳ bị quân Cờ-Đen vây, Đại tướng Bri-

ère de l'Isle phải đem binh ở Lạng-sơn về Hà-nội để lấy quân lên giải cứu.

*Mồng ba tháng giêng năm
Kỷ - dậu 1789*

Vua Quang-trung vây đồn Hà-hồi bây giờ thuộc phủ Thường-tín, Hà-đông, Bắc-kỳ.

*Mồng bốn tháng giêng năm
Tân-dậu 1741*

Quan Tiến-sĩ Trần - cảnh cầm quân đi can giặc Nanh Nguyễn Tuyên, ở Đại - tân, Đại - bát nay thuộc về Đông triều, Hải-dương Bắc Kỳ.

*Mồng năm tháng giêng năm
Kỷ - dậu 1789*

Vua Quang - trung đánh tan quân Tôn sĩ-Nghị kéo vào thành Thăng-long Chùa Đông-quang ở Thái-hà ấp thường năm giỗ trận tức là kỷ-niệm trận này xin coi thêm bài *Mấy ngày tết « lịch-sử »* của bạn Hoa-Bằng.

*Cũng ngày nay, năm
Nhâm-Thìn 1592*

Chúa Trịnh-Tùng kéo quân ra đánh nhà Mạc, qua sông tiến đến chùa Thiên-xuân gần cầu Nhân-Mục Hà-đông.

*Cũng ngày nay, năm
Bính-tý 1936*

Vua Bảo-đại xuống dụ đặt học-lãm và huy-chương để khuyến-khích học-sinh trong nước.

*Mồng sáu tháng giêng năm
Nhâm - thìn 1592*

Chúa Trịnh-Tùng, vàng mệnh

vua Lê ra đánh Mạc hạ được thành Đại-la tức là Hà-nội bây giờ, truyền phá hủy san thành đất phẳng. Lũy thành Đại-la hiện nay tức là con đường cao bờ đê sông cái đi xuống ở cầu Dền gần Bạch-mai, thẳng sang làng Kim-liên ở Đông-lãm, sang ở chợ Dừa, sang ở Cầu giấy, vòng lên chợ Bưởi rồi lại quanh lên đê.

*Mồng 7 tháng giêng năm
Đinh-dậu 1477*

Vua Lê Thánh-Tôn mang binh vào đánh Chiêm - thành, quân thủy bộ tiến đến cửa Tân ấp (?)

*Cũng ngày nay, năm
Nhâm-tuất 1742*

Quan Tiển Sĩ Trần cảnh lữ chỉ đi dẹp dư-đảng giặc Nanh Nguyễn-Tuyên, ở hạt An-quảng nay là Kiến An, Quảng-yên, Bắc-kỳ.

*Mồng 8 tháng giêng năm
Tân-mùi 1751*

Quân Trịnh - Doanh đánh lấy được đồn Hương-canh, Vĩnh yên, Bắc-kỳ, của Nguyễn danh-Pương

*Mồng 9 tháng giêng năm
Mậu-tuất 1418*

Quân Minh kéo vào Lam-sơn giao chiến với quân vua Lê-Lợi.

*Mồng 10 tháng giêng năm
Mậu-thân 1428*

Trần-Cao, chính tên là Hồ-Công tức là Vua Thiên-Khánh nhà Trần bị triều thần bắt uống thuốc độc tự tử, vì lòng người không phục, ai cũng muốn tôn ông Lê-Lợi lên ngôi.

Lưu-Điền NGUYỄN VĂN-MINH
xem tiếp trang 40

CHIỀU hôm ấy là một ngày cuối tháng chạp, cũng buồn-lẽ như cả một mùa đông. Một thứ gió khô-khan đem cái lạnh lẽo tê buốt tự nơi rừng xa luồn-trong cây cỏ, rũ tung những lá tre vàng xuống đầy ngõ và làm vắng teo cả đồng ruộng, Tuy có mặt trời, cũng

— Thầy vào chơi ! May quá, ông đồ nhà tôi đang định sang chơi thầy.

— Thế thì may quá nhỉ ! Cụ sắp quang gánh đi đâu thế, cụ ?

— Ấy, mai chúng tôi xuôi, thầy ạ.

— Cụ về quê ăn Tết rồi kia à ? Thế mà cháu tưởng cụ vừa về chợ ?

ánh sáng cho tôi nhận rõ mấy cái đầu trẻ con đề chồm lổ-nhổ trên chiếc chõng tre.

— Bầm cậu ạ !

— Bầm cậu ạ !

— Bầm cậu !

Tiếng lũ trẻ vang lên, vì mấy đứa học trò tí-hon ấy và cả các trẻ con



MỘT BUỔI HỌC CUỐI NĂM

không làm tan được hơi giá. Và trời càng về chiều càng lạnh. Tôi, co ro trong chiếc áo dạ, cố lần sang thăm cụ đồ Ba, một ông bạn già, mới quen từ khi tôi lên nghỉ ở trên đồn-diền này, vì chả còn mấy ngày nữa, tôi phải cùng cụ chia tay, biết đến ngày nào lại gặp. Cuộc đời gió bụi bất thường có bao giờ dành cho nhau được những cuộc tái ngộ lâng lâng mong mỏi ! Nghĩ vậy, trong tâm hồn tôi cũng dao-dạt, cảm xúc, và một nỗi buồn vô cớ tự đâu cũng bình như về hùa với gió lạnh, làm cho lòng tôi se lại.

Cả một quãng đường dài quanh co vàng bong người như dài thêm. Tôi cũng tưởng buổi chiều ấy tìm được sự ấm áp trong câu chuyện với cụ đồ Ba, nên co ham-hờ rào bước.

Nhưng vừa đến sân nhà cụ, tôi ngạc nhiên. Bà đồ và cô con gái đang hi-nục buộc lại đôi bô đã rách. Hai mẹ con người nhà quê hiền lành ấy như mãi công-việc qua. Không nhận thấy tôi đến nữa. Nên khi tôi lại gần tới sau lưng thì người mẹ giật mình cheo bấp lộp !

Bà cụ chép miệng thông thả đáp :

— Tôi cũng muốn nán lại ít hôm, chợ tết cũng kiếm được, nhưng ông nó nhà tôi không nghe, bắt về ngày mai. Chả biết định chung gì tết với nhất, chỉ tội bận và tốn về tàu xe thôi, thầy ạ !

Câu sau này, bà cụ già nói nỏ như hơi thở dài vì ở trong nhà, cụ đồ Ba đã nơi với ra :

— Thay vào chơi,.. đàn bà biết gì mà cũng nói chuyện.

Tôi vội cất tiếng chào.

Điềm theo mấy tiếng cười, cụ đồ Ba đã nhắc tâm mạnh bước ra. Ông cụ già gần sáu mươi tuổi, khoác cái áo bông dài rách trong lại càng già thêm.

Một cơn gió lạnh chợt qua. Cụ đồ lại lui vào, và tôi cũng bước theo. Cụ đồ đã co-ro ngồi lại phàn.

— Thầy ngồi chơi đây. Gớm, giờ rét khan, khó chịu lắm, thầy ạ ! Tôi không dám thò đi đến đâu cả.

Trong nhà tối lắm. Tuy trời nắng, song vì sợ gió, cụ bắt đóng kín cửa và đốt lò, nên tôi om - om, chỉ khoắng cửa sổ phía nam còn chút

trong hàng ấp đều quen gọi tôi như thế. Bọn trẻ nhỏ nhân dịp đó, lại ồn ào lên. Cụ đồ Ba phải lấy cái roi mây vụt mạnh xuống phàn. Sự im lặng trở lại. Và câu chuyện của tôi với cụ đồ bắt đầu.

— Thầy năm nay ở đây ăn Tết ?

— Thừa cụ, chúng tôi cũng ở lại vài hôm nữa thôi. Mai cụ đã cho học trò nghỉ à ? Cụ ngủ sớm vậy ?

Như gọi được câu chuyện đang muốn nói, cụ đồ Ba tiếp luôn một hơi :

— Thầy tính chả cho nghỉ, thì rồi vài bữa nữa chúng nó cũng nghỉ. Vả chăng, năm hết tết đến, chúng nó còn nghỉ gì đến học hành nữa. Mà chán quá, thầy ạ, dạy học cả năm, trông vào cái tết, mà năm nay mùa nội thất bát, đứa nào cũng chực khát thầy đến sang năm. Không biết họ nghĩ thầy sống bằng gì mà đợi được ! Chả bù với khi xưa chúng tôi đi học, nào tết con, tết nhơn, đến cái giỏ sứ nhà thầy cũng phải gà gạo mang đến. Bây giờ thúc như thúc nợ, họ cũng lần-khẩn ! Muốn gìn-giữ đạo thánh mà cơ màu này thì đến nguy cho nhà nho mất thầy ạ.

Một nụ cười chua chát điếm theo câu nói làm rắc reo trên bộ mặt khô đét của ông cụ. Chẳng đề cho tôi nói lời, ông cụ cứ chậm chạp và nhỏ nhỏ tiếp :

— Thật ra thì nào có phải riêng gì nỗi khổ khăn ấy mà thôi đâu... Lại còn...

Tôi mỉm cười vì câu than vãn chua chát ấy trong khi ông già vẫn tiếp :

Nghĩ đến cái buổi xưa, tiếc quá ! Mà thầy phải biết : vui đáo để ! Ở làng nào mà có trường học, thì thật là sung sướng. Vì không những con em có chỗ học hành, mà còn được những người xa lạ đến trọ học nữa. Các thầy theo học ở đây hẳn giờ chắc chả biết được những cái vui ấy. Như hồi tôi đi học cụ Huấn Nguyệt-Lãng. — mỗi kỳ văn là một ngày hội, mà cũng là ngày sung-sướng nhất của những người bài hay.

Thật là ngày hội.

Con mắt đã mờ nhìn vào xa-xăm như muốn về lại cái ký-vãng tương-bưng ấy, cụ vẫn vẽ tả cái quang cảnh thời xưa.

— Trong một cái sân rộng, học-trò hội-hợp nhua vào chỗ án thư cụ Huấn ngồi mà đợi xướng đến tên, và đến nghe những câu văn tế-nhị của mình được ông thầy khen-ngợi. Biết bao nhiêu là hứng-thú, bao nhiêu là hy-vọng .. Cả một cái tương-lai sáu-lạn nẩy-nở ngay từ những phút thần-tiên ấy...

Ông cụ già như trẻ lại với cái hình ảnh rực-rỡ của thời xưa, cao giọng tiếp :

— Các cụ khi xưa dạy học có phải đâu chỉ có nghĩa là kiếm sống. Các cụ chỉ có cái cao-vọng là truyền rộng đạo Thánh. Nên các cụ còn chọn-lọc kỹ-lưỡng từ những học-trò cho đến bố mẹ họ-trò, rồi mới cho nhập môn. Thật là khó-khăn. Thế mà các nhà giàu thì nhau đón mời các cụ, kính-trọng tôn-sùng đề mong các cụ chiếu cố đến, đìu dắt cho con cháu. Đâu dám kể

đến lợi-lộc Các cụ mà nhận lời cho là sung-sướng rồi. Và chuyện tiền gạo thì đã có luật-lệ chuơng của trường-tràng họ định. Các cụ khi xưa đi dạy học có đâu đến nỗi phải tính đến kế sinh-nhai. Mỗi thời một khác, thật chán chết, thầy a !

Ngừng một lát, cụ lại tiếp ngay :

— Làm gì mà chẳng chán, hở thầy ? Cũng gọi đi ngồi, đến chùng tôi hẳn giờ thật là cơ-cực. Cũng nhiều lúc tự yên-đi mình rằng có bốn phạm-giữ đạo Thánh Nhưng thầy nghĩ xem học-trò bây giờ chúng nó có như chúng tôi ngày xưa đâu. Cho đến bố mẹ họ cũng không nghĩ gì đến ông thầy nữa. Thấy có thầy đồ thì họ cũng cho con họ đi học rằm ba chữ, và tiện thể giao cho mình trông-nắm hộ như bố già. Cũng bởi chữ nho bây giờ không đặc dụng nữa. Nhưng thầy đồ đâu có phải là vú em nhà họ đâu. Mà công mình họ cũng kiếm có khắt lẩn ! Suy-đi quá lắm ! Đạo-đức còn gì nữa, hở thầy ?... Ấy là tôi cũng còn dạy thêm quốc-ngữ nữa đấy...

Thấy cụ đồ bạn nói truyện với tôi, lũ học-trò nhỏ lại nhao-nhao lên nghịch. Chúng nó, đưa lên

chưa qua mười tuổi, đưa bé lên năm, lên sáu, đang chòng-gheo nhau. Dưới c h ỗ n g, sách-vở bừa bãi, lẩn-lộn mấy cuốn sách nhỏ, mấy quyển vở quốc ngữ, chữ viết ngòeng h ệ o n g u ệ c h - n ọ a c. Tôi nghĩ đến lời cụ đồ thăm-thía và

nhìn lên thì trên khuôn mặt già son của người hàn-sĩ như lạnh thêm và phảng phất một mối u-hoài, một tiếc thương cái ký-vãng xa-xăm.

Cũng bằng-khuông một mối cảm-thương với người bạn già, không muốn kéo thêm nỗi cảm-xúc cho mình và cho người, tôi vội cáo biệt cụ đồ, thì như sự tình, ông cụ già như cái máy, đứng dậy, và không quên vút mạnh cái roi mây xuống phần, bằng một giọng phều-phào, cụ quát :

Học đi... Vì sở đương vì... — Tán quảng thẻ bàn — Phê hát a pha, phê hát á phá — phê hát á phả...

Tôi bước chân ra khỏi cửa, lại gặp bà đồ đang thu xếp những đồ dùng vật vào cái nín sách của ông cụ đã từ bao lâu không dùng đến. Tôi chào rồi lặng lẽ đi ra, trong lòng lắng trĩu một mối buồn bằng khuông về cái buổi học cuối năm âm-thăm buồn lẽ này, nó là cái ghêch nổi năm cũ với năm mới và có lẽ cả cái thời xưa với thời sau.

Từ trong nhà tiếng lũ trẻ còn vang theo tôi ra ngoài đường vắng lạnh :

— Phê hát a pha, phê hát á phá, phê hát á phả. CHU-THIÊN



Trong tháng xuân ngày xưa ta làm những việc gì ?

Tiếp theo trang 37

Ngày 11 tháng giêng năm
Kỷ-mùi 1859

Thủy-quân nước Pháp sau khi chiếm được ~~mũi-nhơn~~ Cà-mau Cap Saint Jacques tiến vào đánh tỉnh Sài-gòn Nam-kỳ.

Ngày 12 tháng giêng năm
Ất-dậu 1285

Trần Dục-thủy của đức Trần-Hưng-Đạo bày ở Vạn-kiếp bị quân Thoát-Hoan nhà Nguyên phá vỡ. Quả Nguyên thừa thắng tràn đến tận huyện Gia-lâm, cướp phá.

Ngày 13 tháng giêng năm
Quý-tý 1593

Quân Trịnh-Tùng đến Chí-linh, chia binh đuổi bắt Mạc-Khang-Hựu ở làng Tân-manh huyện Hoàn-bồ Quảng-yên, Bắc-kỳ.

Cũng ngày nay năm
Mậu-tuất 1418

Quân vua Lê-Lợi đánh thắng quân Minh ở Lục-thủy Thanh-hóa, Trung-kỳ.

Ngày 14 tháng giêng năm
Quý-tý 1593

Chúa Trịnh-Tùng bắt được Mạc-Kính-Chỉ chết Mạc-Đặng-Dung tự lập làm vua đóng ở vùng Đông-triều, Hải-dương.

Ngày 15 tháng giêng năm
Nhâm-thân 1272

Quan Tiến-sĩ Lê-Văn-Hưu, đời nhà Trần, dâng ngự lãm bộ Đại-Việt Sử Ký cả thấy 30 quyển, là một pho sử « trùng tu » trước nhất ở nước ta.

Ngày 16 tháng giêng năm
Mậu-tuất 1418

Quân vua Lê-Lợi giao-chiến với quân Minh, thua phải lui vào núi Chí-linh Nghệ-an Trung-kỳ,

Ngày 17 tháng giêng năm
Giáp-tý 1804

Vua Gia-long đổi tên nước ta là « Việt-Nam ».

Ngày 18 tháng giêng năm
Giáp-tuất 1874

Thủy-quân Thiếu-tướng Krantz tới Saigon đề thay Thiếu-tướng Dupré phải gọi về Pháp vì việc Đổ-Phồ-Nghĩa Jean Dupuis ngoài Bắc-kỳ.

Ngày 19 tháng giêng năm
Tân-dậu 1861

Quân Pháp và I-pa-nho tiến đánh Tân-kê Nam-kỳ.

Ngày 20 tháng giêng năm
Đinh-hợi 1467

Quan Tề-tướng nhà Hồ là Hồ-Nguyên-Trừng giao chiến với quân Minh ở sông Mộc-phàm xã Mộc-phàm, huyện Phú-xuyên, Hà-dông.

Ngày 21 tháng giêng năm
Canh-tuất 1788

Vua Lê Chiêu-Thống ở Quảng-tây bên Tàu, vào Yên-kinh, yết kiến vua Thanh đề mượn binh về đánh Tây-sơn, mong khôi phục đất nước.

Ngày 22 tháng giêng năm
Quý-dậu 1573

Vua Lê Anh-Tôn và 4 vị hoàng-tử bị Tống Đắc-Vị, thủ hạ chúa Trịnh, đón giết.

Ngày 23 tháng giêng năm
Giáp-thìn 1784

Quân Tam-Phủ vây phá nhà quan Thạc-quận-công Hoàng-Phùng-Cơ.

Cũng ngày nay năm
Bính-dần 1446

Vua Lê Nhân-Tôn sai sáu vạn binh đi đánh Chiêm-thành nay vào khoảng đất Quảng-nam, Qui-nhơn, Bình-định Trung-kỳ,

Ngày 24 tháng giêng năm
Giáp-thân 1884

Quân Pháp đóng giữ miền Phả-lại Sept Pagodes, Bắc-kỳ.

Ngày 25 tháng giêng năm
Mậu-tý 1684

Chúa Nguyễn Phúc-Lan đại thắng quân chúa Trịnh ở cửa bể Nhật-lệ Quảng-bình — Trung-kỳ.

Ngày 26 tháng giêng năm
Quý-hợi 1863

Hải-quân Thiếu-tướng Bonnard đến Huế, trêu-yết vua Tự đức đề dự lễ c'ng-nhân tờ Hòa-uớc ký ngày 5-6 1862

Ngày 27 tháng giêng năm
Quý-tý 1593

Chúa Trịnh-Tùng xử giảo Mạc-Kính-Chỉ chết Mạc-Đặng-Dung bị bắt từ hôm 14 tháng giêng năm ấy.

Ngày 28 tháng giêng năm
Quý-tý 1293

Đức Trần Hưng-Đạo tâu xin vua sai Thượng-tướng Trần Quang-Khai đem binh vào Nghệ-an chống quân Nguyên Tàu.

Cũng ngày nay năm
Canh-thìn 1400

Hồ Quý-Ly phẫn vua Thiếu-đế, cướp ngôi nhà Trần.

Ngày 29 tháng giêng năm
Quý-sửu 1733

Chúa Trịnh-Giang, muốn tránh sự xa-phí, đặt ra lệ hạn-chế việc làm tượng Phật, chỉ cho tạc bằng gỗ hay đá, chiều dài ba thước ta.

Cũng ngày nay năm
Tân-mùi 1471

Quân vua Lê Thánh-Tôn vây thành Chà-bàn là Kinh-đô nước Chiêm-thành.

Ngày 30 tháng giêng năm
Mậu-tý 1408

Trương-Phụ, tướng nhà Minh, đem quân vào đánh Diễn-châu Nghệ-an, Trung-kỳ.

Long-diện NGUYỄN VĂN MINH

NHỮNG KÝ ỨC VỀ TẾT CỦA CÁC NHÀ VĂN

LÀM NHÀ

NĂM ấy, tuổi tôi chừng 17, 18. Gặp ngày nguyên-đán, phụ-thân tôi sai lên xóm trên lễ tết và mừng tuổi một ông bạn già. Nhà ông phụ-chấp ấy, tôi đã có đến một đôi lần, nhưng lâu ngày quên đi. Nay cha sai đi lễ tết, tôi đến ngõ ấy, lại vào làm một nhà láng-giềng với nhà ông phụ-chấp. Vừa vào đến sân, tôi đã biết ngay là làm, nhưng không thể quay ra, vì chủ nhà đã trông thấy, chạy ra giữ chó. Nếu tôi trở ra, thì « năm mới năm me », người ta sẽ cho như thế là « rông », có thể mắng cho tôi không vuốt mặt kịp. Bởi thế,

tôi đành phải vào lễ ở trước bàn thờ nhà ấy, và cũng phải theo lệ, nói vài câu chúc lành chủ nhân.

Chủ nhà này là hai mẹ con người



đàn bà góa, người con gái cũng ngang tuổi tôi, vốn là một nhà hàn tiện, nhà tôi chưa từng bao giờ giao thiệp với nhà ấy. Nay đột nhiên tôi vào lễ tết, mà mẹ con nhà ấy lại không biết là tôi làm nhà, ý cho là tôi muốn ngấp nghé ngôi đông-sàng, nên mở đường cầu thân bằng một sự đến lễ tết ấy. Nhân thế, tôi được tiếp đãi rất trình trọng, bà góa mời mọc ăn cần và gọi con gái ra pha nước thết tôi. Tôi nghiêng cho tôi lúc ấy hồ thẹn chín cả người; tôi càng hồ thẹn khi tưởng-tượng người đàn bà thấp kém kia dám đương có cái ý tưởng định làm « bà nhac » tôi.

Gượng uống một chén nước, rồi tôi đứng dậy chào để đi ra, tôi đi ra với cái bộ mặt

xem tiếp trang 44
TRÚC-KHÊ

HỒI ấy tôi hãy còn là một anh học trò chữ nho đề chỏm, cái tuổi chỉ thả riều, đánh khăng, treo cây, lội ao, và thêm một nét xấu là ăn tham nữa.

Năm ấy, thầy tôi làm hình-quan ở một tỉnh miền Trung-du. Cứ gần đến ngày tết, tôi chỉ hi-vọng cái khăn nhiễu tam-giang, cái áo the dài quá gối (may phồng nhón), cái quần vải ta trắng và đôi giày da lộn. Được những thứ ấy, lại thêm vài đồng xu mở hàng nữa để ăn quà, tôi tưởng tôi đã sung-sướng nhất đời.

Ở đời, lòng tham thường vẫn không đáy. Mỗi khi qua bếp, thấy nồi bánh chưng, tôi vẫn không khỏi dòm ngó bằng cặp mắt thèm thuồng, và chỉ mong vớt ra đem cúng rồi hạ xuống để tôi được một mình một cái bánh chưng.

Năm ấy... mẹ tôi gói nhiều bánh chưng, tôi lấy làm vui thích lắm. Khi chia, tôi cứ nằng-nặc xin một cái và một cái nữa để dành. Mẹ tôi

HAI CHIẾC BÁNH CHƯNG

nghiêm sắc mặt mà bảo : « Thế ra con ăn tranh cả phần những người dưới trại à ! »

Thưa độc-giả, « người dưới trại » đây không phải là các chú lính lệ mặc áo hạt cau chỉ quen bịch ngực dân đòi tiền sở hầu, mà là những tù còn phải giam cầm.

Hồi xưa, hằng năm, cứ tết đến, các nha-môn vẫn hay phát bánh trái, mứt cùng chiếu cho các tội-nhân.

Chỉ riêng tôi, cứ mỗi lần xuân sang, lại phải mắng vì nổi đòi hai cái bánh chưng và vẫn tự cho mình là không được bằng những người dưới trại !

Thế mới biết cái tục tết đến, phát bánh trái cho các tù-đồ ấy đã có từ xưa ở nước ta.

Ngày nay các công việc cứu-tế mỗi ngày một bành-trướng. Tuần-lễ từ-thiện ở bên Pháp mà có Mallel nghĩ ra năm 1927 và tuần-lễ

từ-thiện của thành-phố Hà-nội năm 1936 biết đâu không phải cùng một ý nghĩ như cổ-nhân.

Mà tôi ngày nay đương theo đuổi việc cứu-tế há không phải để chuộc cái lỗi : một mình đã đòi hai cái bánh chưng đó ru ? TIỀN-ĐÀM



MỘT TẾT

O ga xe-lửa Saigon, một bạn văn đưa trong túi ra một phong bánh đậu lớn, vừa cười vừa dặn:

— Rồi sao cũng phải có một tập bút-ký về cuộc lễ hành này đây!

— Anh lại muốn chúng ta có, sau tập *Một tháng ở Nam-kỳ* của ông nguyên chủ bút báo Nam-Phong, tập *Một tháng ở Nam-kỳ* thứ hai nữa sao?...

Ra đây kể đã gần một năm mà tôi vẫn chưa chiều được ý bạn. Ấy là ngay khi tàu chuyển bánh, lại sau này, bao

lần, vì tình bạn, vì văn chương, vì ý riêng, tôi đã muốn lấy giấy bút ghi những cảm xúc rạo rạt trong lòng.

Nếu lượng được nhược điểm chung của chúng ta là ngại ngừng mỗi khi muốn đem những cái gì của chính tâm hồn ra làm tài liệu văn-chương, chắc các bạn cũng sẵn lòng tha thứ.

Hôm nay tự nhiên cái viễn ảnh phải sống một tết xa gia-đình, giữa một đô-thành đầy xuân sáng, khiến tôi hồi tưởng đến cái tết buồn năm ngoái ở Saigon.

Và tôi chép ra đây.

Năm ngoái, nếu tôi nói đến cái xuân, ấy chỉ là nói đến hình ảnh cái xuân đương sang ở những nơi đâu khác.

Ba ngày gần Tết, chợ Bến-thành tưng bừng. Đó là nơi tụ họp của tất cả hạng người ở đây và lục tỉnh. Người ta đến để sắm Tết, để tìm sự tiêu-khiển của những ngày chợ-phồn.

Người ta đi mua những gì?

Rượu bia, nước chanh từng hòm, dưa hấu từng xe, dùng để tiếp khách. Bấy nhiêu cũng đã có thể đem lại cho một gia-đình hình ảnh của cái Tết, cũng như người ngoài

Bắc ta, mấy cặp bánh trưng, một liễn dưa hành, đôi câu đối đỏ.

Phải, chỉ có nước chanh và nước chanh, dưa hấu và dưa hấu.

Ngoài ra, tôi cố ý tìm một chậu cúc, một củ thủy tiên, một cành đào, nhưng tìm sao cho thấy! Tôi cố chờ một làn gió lạnh đem về mấy hạt mưa phùn, nhưng tôi chỉ được thấy nền trời xanh biếc hắt xuống chúng tôi cả cái nắng một mùa hè.

Đành tôi phải đi tìm cái phong vị Tết ở những tờ báo, tập sách bày la liệt trong những nơi mà chúng tôi gọi đùa là những « quán bán xuân ». Cũng như ngoài Bắc, báo chí thì nhau ra số Tết. Cũng những màu rực rỡ cổ hình dung cái xuân với những cành đào, chậu cúc... Đây, bức tranh một thiếu nữ mỉm cười trước đóa hoa mới nở. Người ta bảo nàng nhìn hoa mà tưởng chừng cái xuân đang phảng phất quanh nàng. Riêng tôi, tôi cảm thấy trong cả bức tranh kia một cái gì giả dối, gượng gùng, gượng gùng trong đóa hoa, trong thiếu nữ. Tôi đòi hỏi cho

bức tranh một bầu trời dịu dịu, trong ấy cây, cỏ, lá, hoa đang hớn hở với cái xuân mới tại. Làm thế nào sau khi ngắm bức tranh, quay mắt tôi được nhìn một bà già ngồi cạnh lò than hồng, khâu vội để kịp Tết mấy chiếc áo màu cho các cháu thân yêu?

Và đây bức phác họa mấy chén trà đang bốc khói bên chiếc ấm con. Tôi cảm thấy sự bơ vơ của chừng ấy thứ khi nghĩ rằng mai đây người ta sẽ mời nhau những cốc giải khát xen với những miếng dưa đỏ, chứ nào có được tặng nhau những chén được

hương trà lẫn với hương xuân. Trong giây phút tôi có ý nghĩ, nếu vẽ riêng cho tôi, tất họa sĩ đã vì năm nay tôi thiếu xuân mà muốn cho tôi được hưởng xuân tưng tưng tượng. Hay đâu, càng tưng tưng thấy cái xuân đậm ấm bao nhiêu, tôi càng thấy thiếu cái xuân bấy nhiêu.

Tôi đang đi, định mua mấy tập sách, báo, vài gói hạt dưa, nghe tiếng gọi, quay lại, không ngờ được gặp một bạn nhà văn ở Bắc vào đây định mở một tờ báo.

Sự vui mừng của chúng tôi tưởng không cần tả.

Sau vài câu chuyện hỏi thăm qua loa, chúng tôi kéo nhau ra khỏi chợ, tìm một « cái xe giải khát ». (Ở chợ Bến-thành có nhiều xe ô-tô làm thành những quán nhỏ bán giải khát, đặt thành dãy phía ngoài



THIỆU XUÂN

chợ).

Chúng tôi ngồi vừa uống rượu bia, nhấm những củ kiệu và tôm khô, mấy thứ giải khát rất phổ thông ở Nam-kỳ, vừa trao đổi một vài cảm tưởng về Saigon. Chúng tôi cùng buồn khi nói đến cái Tết sắp đến.

Anh cho tôi biết rằng một số nhà văn quen, trong ấy có cả anh, định đến mừng hai Tết sẽ tổ chức một cuộc gặp mặt. Anh mời thế nào tôi cũng sẽ đến cho vui, sẽ có cuộc ngâm thơ và hòa nhạc.

Tôi tán đồng ý ấy với tất cả vui mừng.

Phải, có lẽ đây mới là cái Tết chung của một số người chỉ sống về tinh thần.

Xong, chúng tôi lại kéo nhau vào chợ, đi xem qua một lượt nhìn mỗi thứ hàng hóa bạn tôi lại bình phẩm và nói những cảm tưởng do những hàng hóa ấy gây nên.

Anh không như tôi, không đi tìm cảnh đào, .. anh bảo : « tôi đã nhờ một anh bạn làm ở một công ty hàng không mỗi thứ sáu có vào đây, đem cho tôi mười bông hoa cúc. Nếu có tôi sẽ cắm những hoa ấy vào chiếc lọ tôi đem từ ngoài Bắc vào, để ở buồng khách, nơi gặp gỡ của chúng ta mừng hai này.

Ngày ba mươi, tôi chờ trời tối hẳn mới ra đi, hi vọng sẽ được thấy cảnh đêm ba mươi ngoài Bắc : các nam thanh nữ tú xen vào các ông già bà cả dự những cuộc hành hương ở các đền chùa.

Nhưng không. Phố xá cũng như tâm hồn tôi, vừa trống trải, vừa hiu quạnh.

Thuê một cỗ xe thổ mộ — cỗ xe đơn-sơ, một ngựa kéo — tôi ngồi lên, bảo cho chạy đi đâu thì chạy. Trong thành phố tối om (1). tôi chỉ nghe tiếng vó ngựa đập đều đều xuống đường. Ai bảo đó không phải là cỗ xe của một du khách

hắn mạn ?..

Hai bên đường những cánh cửa sắp đóng lại cả để giữ cho nguyên vẹn cái hương đầm ấm của gia đình.

Trong giây phút lơ đãng mạnh mẽ nghĩ đến những người thân : thân phụ tôi năm nay ngoài bảy mươi tuổi có lẽ đang một mình ôn lại những cái Tết trước để hưởng trong dĩ vãng cái thú xum vầy của con cái mọi năm.

Anh tôi ở một nơi gần phòng tuyến, có lẽ đang gạn lấy chút mùi thuốc súng thay mùi thuốc pháo..., vừa hôm nào bảo tôi gửi cho một cái áo da và một đôi giày cao cổ để có nhiều dịp đi đi đường...

Càng nghĩ, lòng tôi càng sầu lại.

Đã có những phút như điên dại tôi muốn xuống xe gỗ của một gia đình bước vào tìm chỗ trú ẩn cho cái tâm hồn tôi đang điếng lạnh..

Tôi về nhà, đêm đã khuya, nhà tôi ở trọ đang sửa-sửa lễ giao-thừa. Muốn tránh những công-việc mà tôi biết nếu có làm cũng chỉ gượng-gạo mà thôi — hưởng cái vui trong phút xuân về — Tôi cáo mệt vào buồng riêng định đi nằm. Nhìn thấy mấy gói « kẹo vàng » « kẹo bạc » mua hồi chiều, tôi cảm trở ra mừng tuổi mấy trẻ em của chủ-nhân. Cầm gói quà, nói mấy câu thành-thực, tôi cảm thấy một nỗi khổ-tâm không bờ-bến ; tôi nghĩ đến mấy đứa cháu nhỏ của tôi xa cha, xa gia-đình, cùng mẹ bơ-vơ...

Xong công-việc ấy, tôi trở vào buồng, nằm nghĩ cho hết nốt mẫu thừa của năm cũ.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm, để sống cái Tết theo chương-trình đã định.

Tôi khai bút... không phải tìm một tờ giấy hoa-tiên với những câu : *minh niên khai thánh bát, vạn vân...* mà bằng một bức thư gửi về

cho gia-đình.

Đặt cái bút máy trên mảnh giấy chưa một nét đen như năm mới vừa bắt đầu, tôi vừa ngồi suy-nghĩ vừa cắn hạt dưa. Những vó bẻ gãy tôi đem bày trên khăn bàn trắng tinh trông như một đàn chim én bay về một phương giới xa nào đó. Vô tình tôi đã bày ra một nơi một vó, một con én lạc đàn !

Những ý-nghĩ buồn sắp ò-ạt đến cho tôi theo « con én lạc đàn đó ». Tôi phải cắt đứt ý-nghĩ. Bắt đầu cái thư gửi cho huynh-trưởng tôi :

« Hôm nay đã lại mừng một Tết, Em nói như vậy không phải để bắt chước người xưa tỏ sự ngạc-nhiên khi thấy xuân về đột ngột. Em có cảm-tưởng, từ đêm qua, đã theo thời-gian từng bước một. Em đã miễn-cưỡng theo nó bước qua cái ngưỡng cửa của một năm. Em nói miễn-cưỡng vì em có mong đầu Tết đến !

« Đối với em, năm cũ hết chỉ là một dịp để em sống lại một cách nhanh-chóng những ngày của năm vừa qua... »

Bức thư cứ thế kéo dài... hết bức ấy đến bức khác. Tôi ngồi viết mãi cho đến trưa mới xong...

Đề an-ủi, tôi nghĩ tuy ở xa, một mình bơ-trọi, lại được sống những giờ đầu tiên của năm, cái Tết với gia-đình. Phải, tôi đã hoàn-toàn của gia-đình tôi trong những giờ đầu tiên ấy...

LÊ THANH



1.) Ảnh sáng thời kỳ chiến tranh.

Cảnh lộc đầu xuân

TẾT nam ấy, tôi lên tám.

Theo lệ thường hôm mồng một tết mẹ tôi sửa mâm xôi, con gà, đưa ra chùa lễ Đức Ông là nơi bán khoán tôi lúc mới đẻ (nghĩa là lúc bé, mẹ tôi đem bán tôi cho Đức Ông làm con nuôi nhờ Đức Ông trông nom hộ cho để nuôi).



Chín giờ sáng, tôi thắng bộ : giày da láng mới đen nhánh, bít tất lụa mớ gà bóng nhoáng, quần lụa nguyên trắng quét đất, áo nhiễu tam gang thúng thính gần đến mắt cá, đầu quần khăn lượt thấm lại quàng khăn bít tai nhiễu xanh. Giật tiếng một tràng pháo đi đệt, lễ gia tiên xong, tôi theo mẹ tôi ra chùa.

Ngõ xóm, đường làng có vẻ sạch sẽ hơn mọi hôm. Một cảnh tượng sáng sủa khác hẳn ngày thường nổi bật lên. Trái hẳn với những cảnh người già rách-rưới bần-thiếu, trẻ con lười-thôi nheo-nhóc, hôm nay ai cũng sạch-sẽ, lành-lặn, tươi-tinh. Mọi khi người cùng làng gặp nhau thờ-ơ bao nhiêu, hôm nay đơn-đả bấy nhiêu, chào hỏi ân cần, chúc tụng vui-vẻ.

Ra đến chùa, đã thấy tấp-nập, song phần nhiều chỉ các bà già và trẻ con là đông hơn. Đi lên chỗ thờ Đức Ông, phải qua một cái vườn hoa, trong đó tôi chỉ còn nhớ có một cây đào, hoa đỏ lác-

đác xen với nụ và lá nõn. Năm nào lễ xong, tôi cũng xin nhà chùa một cành lộc, gọi là lấy may, đem về đốt cuống, cắm vào một cái chai đã đồ nước sẵn, để chơi mấy ngày xuân.

Hôm ấy, đi qua dưới gốc đào, tôi đã đề ý chọn được một cành vừa xinh : không to, không nhỏ, bên trên tủa ra ba trạnh con đều đặn; tuy mới có vài cái hoa nõn, song nụ thì nhiều, lại không có sâu. Sợ phần sẵn để chốc nữa giở xuống ta sẽ bỏ đem về nhà, năm nay chắc là phát tài sai lộc.

Độ nửa giờ sau, lễ xong, giở ra, thì... một sự kinh-ngạc : cành kia ai đã bỏ tay trên mất rồi ! Còn đang ngờ-ngác trông lên cây đào, thì ở giữa sân một tụi bá, bốn đứa trẻ đang lao-sao : « Cành lộc đẹp nhỉ ! Cho tao nào ! — Hợm nhỉ ! »

Tôi quay đầu trông xuống, thì rõ ràng cành lộc của mình sứt phần lúc nãy, bây giờ đang ở trong tay một con bé con độ lên bảy, lên tám. Tức quá, chẳng còn nghĩ đến những cái kiếng của ngày mồng một tết mà mẹ tôi đã dặn đi dặn lại sợ đông suốt năm. Tôi liền chạy sấn đến, giật phắt lấy cành đào ở trong tay con bé con, và quát bảo nó rằng : « Cành lộc của tao, sao mày dám bẻ ? »

— « Cành lộc nào của nhà cậu ! con bé vừa mếu vừa nói. Tôi vừa xin của nhà chùa. Có giả tôi đây không nào... ! »

Mẹ tôi đi sau, vội-vàng chạy đến, dúi vào tay con bé một đồng hào mới tinh, và bảo nó rằng :

— « Thôi em, em chơi làm quái gì cái cành hoa ấy ! Tôi đền cho một hào đây này ! »

Con bé con rút tay lại không chịu cầm đồng hào, và vẫn mếu vẫn lăm bầm : « Giả tôi đây nào... ! »

Một người đàn bà, ý chừng là mẹ con bé con, từ nãy vẫn đứng yên, lúc ấy mới chạy đến, sẽ bảo nó :

— « Thôi con nín đi, khóc rồi đông cả năm ! Bà cho đồng hào, cầm lấy. Chốc nữa ta ra đình đánh thờ-lò, chả thích hơn chơi cành đào à ! »

Con bé con nghe thấy hai tiếng « thờ-tò », tức thì như mặt trời đang bị đám mây che, bỗng bừng ló ra, hai mắt đang lướt-mướt, sáng hắt lên, cặp môi tươi đỏ lộ ra hai hàm răng trắng nõn, liền giơ bàn tay xinh-xẻo cầm lấy đồng hào trắng tinh, lấp-lánh.

CÁCH-CHI

Làm nhà

Tiếp theo trang 41

chẳng lấy gì làm hân-hạnh về sự tiếp đãi ân cần của mẹ con bà chủ.

Về nhà thuật chuyện, cả nhà đều buồn cười không sao nhịn được. Rồi, trong khi trận cười chưa hết, ngoài cổng đã lù lù tiến vào một cô xuân-nữ đi lễ tết. Cô chính là con gái bà góa mà tôi vào nhằm nhà lúc nãy, bà góa sai xuống để đáp lễ nhà tôi. Pã chết nhau chưa ! Sợ tơ xuân vô tình tự buộc vào mình. Tuy chưa phải là đã đi đến sự thực, nhưng nghĩ về môn hộ, bấy giờ tôi có lòng tự ái một cách hẹp hòi, tôi cho như thế đã là điều đáng xấu hổ lắm. Mẹ tôi chừng cũng nghĩ như tôi và muốn giải sự hiểu lầm ấy, trong khi ngồi tiếp thiếu nữ, bèn kiếm cách nói cho cô biết rằng lúc nãy tôi đã đi lễ nhầm nhà.

Khi hiểu ra, thiếu-nữ sượng sùng bẽn lẽn, đứng dậy từ về. Tôi trông mà bất giác động lòng thương cảm, như thương một người tranh-cử bị kém phước. Tôi tự trách mình là năm mới đã làm một điều tội lỗi. Muốn chuộc lại, và muốn dành cho lòng thiếu-nữ một chút cảm tưởng êm dịu, tôi tiến chân ra cổng và đưa theo với một nụ cười đượm xuân.

TRÚC-KHÊ

TRẦN ĐỒNG ĐA

Tiếp theo trang 19

V. — Vua Tàu hiểu dụ

Trong bộ *Đông Hoa toàn lục* (tập 108. tờ 50b), có một đạo chỉ-dụ của vua Kiền-long sai Ô-đại-Kinh đem người đi đường Khai-hóa sang nước Nam tể-trừ đảng Tây-Sơn. « Nếu Nguyễn-Huệ còn đóng ở thành nhà Lê, — đây là lời hiểu-dụ của vua Tàu, — thì chính là sa vào lưới ta. Tôn-sĩ-Nghị và Ô-đại-Kinh nên cùng đánh cả hai đường; như thế có thể hẹn ngày bắt được thủ-phạm, càng đỡ công việc. Còn Nguyễn-Huệ đưa về nội-địa. Bả-tổng là lũ Hứa-xương-Nghĩa đệ-tò-bầm nói dối rằng Lê-duy-Cần là con Lê-duy-Đoan (tức là Lê Cảnh-hưng 1740-1786) quốc-vương cũ. Theo thứ bậc thì nên lập Lê-duy-Kỳ (Chiêu-thống). Lê-duy-Kỳ không biết sống biết chết thế nào. Song Hứa-xương-Nghĩa xin đưa mẹ y và quyến-thuộc về nước, cầu thiên triều bãi binh. Cứ Tôn-sĩ-Nghị xét hỏi bồi-thần, thì Lê-duy-Cần là người si-ngốc, mà Nguyễn-Huệ thì mưu hại quyến-thuộc Lê-duy-Kỳ. Tôn-sĩ-Nghị thấy những việc kể trên càng quở mắng tệ: danh-nghĩa ngay thẳng, đủ làm thất đởm bọn giặc. công việc rất tốt. Duy có Hứa-xương-Nghĩa nói giặc ở sông Phú-lương (Nhị-hà) đóng thuyền to đặt nhiều mái chèo, chớ súng nặng hai ba mươi cân: cái đó chỉ để khoe-khoang! Hứa-xương-Nghĩa là người bị gió trời rạt đến đất Nam giao, được Nguyễn-Huệ đưa về nước. Những nhời y nói về tình hình nước Nam, chẳng qua Nguyễn-Huệ cho phao lên để làm kế hoãn-quân, không nên bày tỏ ở chỗ quân lính, vì quân lính đi tiền-toàn có một khí-lực háng hái, sợ không xét hư thực, thì nghe thấy lại chán-nản chẳng Nể có quan-hệ, Tôn-sĩ-Nghị sao chưa lo? Sau này, nếu giặc

lũ ấy (là Hứa-xương-Nghĩa) nói phao tình-hình bên giặc, nên giữ kín, không nên lộ ra ở chỗ quân lính. Nếu có những quan văn võ không được cần-mật, nên lưu ở chỗ phụ-cận, chớ dùng để nói càn, nói dối.

« Còn việc An-nam nội loạn, Tôn-sĩ-Nghị tâu nước ấy thần-phục thiên triều đã lâu, tình-thế khó để im Nguyễn-Huệ là thổ-lũ, cậy khỏe chiếm cướp. Lê-duy-Kỳ không thể tự mình phả-trấn lên được. Vì thế Đốc-phủ đã nhiều lần tâu xin đem quân sang dẹp để thu phục, cố chỉ giết Tây-sơn mà giúp nhà Lê, xem rất chính-đáng Phàm làm công việc to, tuy không nên lo sợ, nhưng cũng phải trừ-lậu cho hoàn-toàn. Việc này nếu quả có thể đánh được sào-huyệt bất kể cừ-thủ, đem Nguyễn-Huệ và hết thầy bọn đồng-đang đi, thì nước ấy mới yên, mà không lo sợ về sau nữa. Nhưng ngại lũ Nguyễn-Huệ tự biết tội không thể tha-thứ thấy đại-bíah thế mạnh, trốn-tránh xa-xôi; vậy muốn bắt, phải chờ thời. An-nam lại có chương-khí: lương thực binh-lực Trung-quốc không thể đóng lâu ở chỗ viêm-hoang. Vì

nước thuộc-hạ phòng giữ, Tôn-sĩ-Nghị nên đợi sau khi thu-phục được thành nhà Lê, theo chỉ-dụ đem sắc phong cho Lê-duy-Kỳ làm cho vui vẻ để phả-trấn thêm và xem những chỗ hiểm-yếu, phải những thổ-quan quân-dân nước ấy đang dùng để phòng-giữ nghiêm-mật, sai những đầu-mục ở các trấn đồng-lâm chống giữ cho Tôn-sĩ-Nghị nên đem quân về nội-địa, bất-lắt đóng lâu ở Annam. Nói tóm lại, Đốc-phủ bần này đem quân đi trước, định bắt sống lũ Nguyễn-Huệ là thượng-sách; không thời, thu-phục thành nhà Lê để cho Lê-duy-Kỳ lấy lại bờ-cõi, không mất thể-cách thiên-triều nuôi nước nhỏ, giúp nước mất, được xong công việc cũng là trung-sách. Lại xem, thu-phục thành nhà Lê còn dễ, mà bắt sống được Nguyễn-Huệ thì thật khó? Tôn-sĩ-Nghị đã cố sức từ trước không được, ngại tình-hình khó-khăn, nên kíp làm tờ tấu bày tỏ. Trẫm lại nghĩ không chỉ-bảo không được, tưởng nên lui và đợi thời, không đến nỗi vất-vả khó-nhọc Đốc-phủ là người hiền-việc, tưởng bắt được Nguyễn-Huệ ngay không khó, quyết-đoán không câu-nê, nhưng sắp xong việc, lại tâu có sự khó-khăn. Chẳng hại gì đợi sau khi thu-phục thành nhà Lê, sai Lê-duy-Kỳ về nước; nếu quả Nguyễn-Huệ



Đồng Đa (ở ấp Thái-hà, Hà đông), nơi đã nuôi các quân Thanh ngày mồng năm tháng giêng năm Kỷ dậu. Phía trước là đền Trung lương, phía sau là chùa.

CUỘC ĐẮC THẮNG CỦA TUỔI XUÂN

Tiếp theo trang 15

Đọc xong đoạn đó, chàng thấy thoảng qua trong óc một ý nghĩ then thung và như thấy cha chàng đang đứng trước mặt mà nghiêm-nghị đặt lời diệc móc l Chàng hơi hân đã coi thường lời nghiêm-huấn.

Lúc đó, giữa sự phân vân, trong đầu óc chàng có một cơn giông tố hãi hùng của tình yêu và bồn phẫn. Sau phút quyết-lết, chàng mạnh bạo gấp sách đi nằm và tỏ vẻ vui mừng như người chiến sĩ ca khú: khải-hoàn.

Sau ba ngày tết nghỉ, trước

Trận Đổng đa

Tiếp theo trang 45

trốn xa, khó bắt sống, cứ thực tâm rồi đem quân về nước. Đốc-phủ khéo thể tất ý trẫm, làm cho hoàn-toàn.

Nhưng Đốc-phủ làm hồng l

VI. — Sách ta kết luận

Vì thế quyền *Thắng-long hodi-cổ* (sách viết của trường *Bac-cổ*, số A 1666, tờ 9 b) có bốn câu thơ chữ như sau này, nay đem ra làm kết-luận.

Tả văn Thanh lai đắc nhất vương,
G ai giao nghịch tắc chuyển vi
cường ?

Long thành thử địa y hò tự,
Thanh - sứ trủng lai đồng nhất
trường

Đại-khai nghĩa là :
Hỏi Tàu lai được việc gì,
Đề cho quân giặc có bề mạnh
thêm ?

Long thành này hãy chờ xem,
Sứ Tàu qua nữa còn thêm nẻo-
nùng l

Ưng hờo NGUYỄN-VĂN-TỐ

trại Hoa-Lê, người ta thấy hòm siêng của Thìn chất trên một chiếc xe tay và cuộc tiễn đưa có vẻ ngậm ngùi.

Thìn cố làm ra vẻ tự nhiên bắt tay Tâm và trò chuyện với Hồng trước khi lên phố ở... Nhưng chàng vẫn không giấu

NHÌN QUA VĂN - HỌC

Tiếp theo trang 23

chương nước nhà v. v... Không có thư chữ ấy, ta có thể gọi là người không có căn-bản vậy...

Còn hạng tùy lưu trực ba, có kẻ làm gì.

Có điều đáng mừng là năm vừa rồi, nhiều người vốn có tâm-huyết đối với quốc - văn, đã làm được nhiều công-việc từ-ngữ đáng chú-ý. Tôi muốn kể những cuốn như *Việt - nam văn phạm* của ông Lê Thần Trần trọng-Kim (có sự g'úp sức của các ông Bùi-Kỷ và Phạm duy Khiêm), tập *Dạng-bảng văn-pháp* của ông Vệ-Thạch Đào duy-Anh.

Chúng tôi lại còn được biết trong năm vừa qua đã có nhiều nhà văn-học bắt tay vào soạn những bộ từ-điền rất lớn, và có giá trị, nếu xong có thể giúp ích cho văn-học ta rất nhiều.

được tình quyến luyến cảnh và người ở trại Hoa-Lê.

Khi tiễn lên xe, ngả mũ chào chàng thoảng nhìn thấy một vẻ buồn lướt qua trên mặt Hồng và lúc chàng đi khỏi thì trong cặp mắt nhung của Hồng như thấy long lanh ngấn lệ.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Những công việc đã có sự hoàn thành hay còn đang trong thời kỳ tiến-hành tôi vừa kể có thể nói là còn rất ít.

Tuy vậy nó có thể là một cái mầm, những cái triệu-chứng của một trào-lưu văn-học mới mà chúng ta sẽ được đón lấy : phụng - sự từ ngữ Việt-nam.

Sang năm tới đây, nếu sự phỏng đoán của tôi không đúng, tiếng của mình vẫn bị người mình rẻ rúng, làng văn ta chẳng được nhận của ai một công-trình từ-ngữ có giá-trị, mong bạn đọc cũng lượng cho và coi những lời của tôi viết năm nay đây như những lời của một người thiết tha mong người mình mau trở lại với tiếng của mình mà từ trước đến nay phần đông hãy còn ra chiều ghê-lạnh !

(Còn nữa)

LÊ-THANH

Xuân thiên ngẫu đề

Xuân thiên thừa hạ ý đông song,
Đối thứ phương - thiên, hứng
chính nùng !

Duần nộn họa thiên : quân-tử,
trúc

Diệp thanh già địa : trượng-phu
tòng.

Thi thành : thủy-liễu sơ canh
nguyệt.

Cầm lộng : thủy-dương bán dạ
phong.

Hoàn vũ sực tàng hoàng quyền nội,
Tâm trung, thể tịnh, tự thung-
dung.

Dịch

Ngày xuân rồi-rãi, tựa bên song.
Đối cảnh trời thom, hứng cũng
nùng !

Mãng, viết về trời : quân-tử trúc.
Lá, tàn che đất : trượng - pha
tùng.

Trăng dóm cụm liễu : thơ theo
bước.

Gió đầy cảnh dương : nhạc dậy
lòng.

Thế sự gồm trong chông sách
đầy,

Trí gien, vóc khỏe, hưởng thong-
dong.

NGUYỄN KIM-ANH

NU CU'Ò'I XUÂN...

Câu đôi tết

ONG đồ Khả thực xinh chữ, tết nào, bận đến đâu, ông cũng không quên gián lên đôi cột một ở cổng hai về câu đối bằng giấy hồng điều chữ mực tàu đen lay láy.

Hôm ấy là mồng một tết, có người đến xông đất, bà đồ tiễn khách, khi ra tới cổng, gặp anh khóa Rỉ đang đọc lầm nhảm; Bộc trúc nhất thanh trừ cựu-tuế; hàn mai sỗ-diêm nhạ tân-xuân (1)... rồi anh ta vừa đi vừa khen: « Bá ngo nó, câu đối hay! » Bà đồ nghe thấy, giận tím gan, tức lốc vào gọi ông đồ. Ông chẳng cứ chữ với nghĩa mãi, ra mà xem, mới đầu năm đã để cho người ta làm đông rồi đấy! Ông đồ ung-dung mà rằng: ai nói gì để tôi nghe.

Ngày tháng cứ lần trôi, chẳng bao lâu xuân đã về với các màu sắc tươi thắm. Hôm cuối năm, ông đồ Khả cặm cùi cả buổi sáng. Thế rồi người qua lại ai cũng lấy làm lạ trông thấy ở cột cổng nhà ông hai mảnh giấy bôi đỏ loè loẹt khoảng giữa có mấy ô tròn đề trắng, trong mỗi ô vẽ một thứ. Suốt mấy ngày tết, bọn trẻ tò mò kéo nhau đến trước cổng bàn tán, tranh luận âm ỹ mà rút cục chưa anh nào đoán ra được là cái gì. Thấy thế, thím mỗ ở gần đấy cũng sang xem và — làm như một người trọng tài — bỏ bỏ cái nghĩa chớ lữ trẻ: Này nhớ, đây là *cây nê cao*, cái *pháo nổ*, *tấm bánh chưng xanh*...; còn bên này thì *miếng thịt mỡ*, *củ dưa hành*, *chiếc cầu đố đỏ*. Đám trẻ nhắc đi, nhắc lại, rồi đồng thanh reo: « Hay, hay quá! »

Khi ấy ông đồ đang ngồi uống rượu nghe thấy, thích chí, vỗ mạnh vào đùi, lầm bầm một mình: « Có thể chứ, năm nay lão nghĩ ra lối « câu đối tân thời » để con mẹ mỗ làng này cũng đọc nổi, xem « nó »

(1) *Tiếng pháo nổ ran trừ năm cũ, Hoa mai đua nở đón xuân sang.*

còn nói lão vào đâu được nữa? » Xưa nay ai dám bảo nhà nho không thâm.

VĂN-THẠCH

Cháu 22 đời Lý-Anh-Tôn Tiếp theo tra g 3

tặng cho tôi một bài thảo-cừ về việc ấy, đầu đề là: *An-nam Hoa-sơn quán Lý long-Tường chi sự tích*.

Tôi xem xong, mới biết họ Lý Hoa-sơn là ông Lý-long-Tường, hoàng-tử thứ hai của vua Lý-Anh-Tôn, và là anh vua Lý Cao-Tôn là Lý-Long-Hàn. Năm 1226 Tây-lịch (là 716 năm về trước) nhân dịp nạn Trần-thủ-Độ (Khi ấy Trần-thủ-Độ giết hại hoàng-tộc họ Lý một cách rất tàn-nhẫn) mới mang đồ tế-khí trốn sang nước Trừu-tiên. Sau khi ông đến Triều tiên được 27 năm, là năm 1253, thì ông đánh giặc Mông-cô, giúp nước Triều-tiên, được vua Triều-tiên phong chức là Hoa-sơn-quân. Nay có di-tích còn lại là *Việt-thanh-nham* và bia kỷ-công là *Thụ hàng môn bi các* và di-tích thành Hoa-sơn mà nay con cháu sinh trưởng đông đúc ở bên ấy thành ra một làng người Việt-nam. Có ảnh một người cháu 22 đời của Lý Anh-Tôn là ông Lý Tích-Mô.

Thực là một sự vinh-diệu đặc-bệt trong lịch-sử ta mà ở trong sử ta chưa từng biết đến. Sự tích ấy không khác gì ông Sơn-đền-Trưởng-chánh Nhật-bản đánh giặc giúp vua Tiêm-la xưa, mà về sau ở Vọng-các có phổ người Nhật-bản vậy.

SỞ-CUÔNG

Cải-chính

T. T. số 34 này, trang 34, cột 2, giòng 26: « vua quý » sửa là « ma quý », cột 3, giòng 11: « Yêm-Tức » sửa là « Yêm-Tức », giòng 23: « Yều-Tư » sửa là « Yền-sư »; trang 35, cột 1, giòng 1: « cùng » sửa là « dùng », giòng 2: « duog » sửa là « cung », cột 2, giòng 9: « vậy thi » sửa là « vậy thì », cột 3 giòng 8: « làm khời » sửa là « lán khời », giòng 20: « đèn đỏ » sửa là « đen đỏ », giòng 30: « tình-hoa » sửa là « tình-hoa ». Trang 33, cột 2, giòng 6: « Thần Trà » sửa là « Thần Ông ».

Kính tạ

TRI-TÂN ra đời vừa được một xuân. Trong quãng thời-gian mau-chóng ấy, bản-chí tuy chưa đạt được hết tồn-chỉ, nhưng nhờ các bạn thân-yêu gom tãi, góp lực, nên nền-tảng đã được vững-vàng. Vậy, nhân dịp tân-xuân, bản-chí xin có mấy hàng kính tạ các bạn đã dày công giúp-dỡ.

Mong rằng, trong khi bước bước trên đường văn-hóa, bản-chí cứ được các bạn cộng-tác ngày thêm chặt-chẽ, để bước những nỗi khó khăn mà đi đến bước thành-công.

Bản-chí lại xin cảm ơn tất cả độc-giả thân-yêu trong năm xưa đã từng ủng-hộ, hoặc khuyến-khích hoặc tặng những nhời khuyên - bảo thành - thực. Tín-nhiệm ở lòng sốt-sắng của các bạn đọc, bản-chí xin gắng công cố sức mong làm cho tờ báo ngày càng tiến tới hơn, cả hình-thức lẫn tinh-thần.

Riêng về số Xuân này, bản-chí cảm thấy như được ấm-áp trong khí xuân hòa, vì các bạn gần xa đã tỏ ý hưởng-ưng và hết lòng tán-tương.

Tiếc rằng phạm-vi và số trang tờ báo có hạn, Tri-Tân không thể đăng hết bài-vở của các bạn — vì yêu Tri-Tân mà gửi đến — vào cả một số Xuân này theo như ý chúng tôi vẫn muốn được. Ngày xuân còn dài. Xin các bạn lượng thứ.

Bóng thiếu - quang rực - rỡ, tương lai đầy hứa-hẹn, Tri-Tân đồng-nhân xin thành-thực trân-trọng cảm tạ trước thịnh tình, nhĩa ý của các bạn.

TRI-TÂN TẬP CHÍ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1. Lý triều văn học 4. Lê triều văn học I
 2. Trần triều văn học I 5. Lê triều văn học II
 3. Trần triều văn học II 6. Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p.00 trở lên.

Loại đặc biệt — 20 p.00 trở lên.

thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng
janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p.00 } cả tiền cước gửi.

Loại đặc biệt 12 p.00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng
Février 1942 phải trả:

Loại giấy thường 5 p.00 } cả tiền cước gửi

Loại đặc biệt 15 p.00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi:

Loại giấy thường 1 p.00 } cả tiền cước.

Loại đặc biệt 3 p.00 }

Nhà in MAI-LINH Hanoi xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000
trang khổ 12x19, in làm 2 hạng:

Loại giấy thường bán từ: 10p.00 trở lên

Loại giấy đặc biệt bán từ: 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng
janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 7p.00 } cả tiền cước gửi

Loại đặc biệt 12p.00 }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942
phải trả:

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92

Loại đặc biệt 12p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi:

Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước

Loại đặc biệt 3p.00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho:

Nhà in Mai-Linh Hanoi

là nhà đã nhận xuất bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

Sách của NHẬT-NHAM

TRỊNH-NHƯ-TÁU

Vị tiền	giá 0p.25
Trịnh gia chính phủ	— 0p.40
Hưng yên địa chí	— 0p.80
Bắc an địa chí	— 1p.40
Gương luân lý	— 0p.15

Bán ở hiệu Đông-tây

195 Hàng Bông Hanoi

GIÁ BẢO TRI TÂN

1 năm 6p.80

6 tháng 3p.50

3 tháng 1p.80

Mua báo xin trả tiền trước

Mandat đề tên ông

Nguyễn Tường-Phượng

Thư mua báo không kèm man-

dat xin miễn trả lời và gửi báo

Tòa báo: 195 Hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ bán

một cuốn sách mà ai ai dù
 đương học chữ Hán hay đã biết
 thông chữ Hán cũng đều phải
 xem; giá 0p.35 cước 0p.06

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, phố hàng Bông Hanoi

Mới có bán

TANG TỐCtiểu thuyết của Vũ-trọng-Can
giá 0p.60Có thêm phần phụ « Lãng
mạn chủ nghĩa »**TRÊN ĐỒI XIM**tiểu thuyết của Nguyễn-khắc-
Mẫn giá 0p.50Có thêm phần phụ « Soi
gương Jules Verne »**CON MỘT SỐ ÍT**

Thăng Tuất của Trần-mai-Ninh giá 0p.45

Nợ Văn phóng sự của Lãng-lữ giá 0p.45

Gió đưa của Vi Hồ giá 0p.45

Tiếng còi nhà máy của Kim-Hà giá 0p.55

Tôi làm xê-ê giải thưởng Việt-Báo giá 0p.38

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ dành riêng
cho những nhà thư giả.

nhà xuất bản

**TÂN
VIỆT**49 — Takou
Hanoi

Từ 21-2-42, ở Hanoi

Tuần báo văn học giáo dục

Bạn-Đường— Giấy tốt, khổ rộng, bìa màu, tranh ảnh do
họa sĩ Lưu văn-Siêu, tốt nghiệp trường Cao-
Đẳng mỹ thuật Đông-dương trình bày.— Bài vở của nhiều nhà văn, lâu nay vắng mặt,
có tiếng, có tâm, có tài.— Số đầu đăng đầu đề một cuộc thi hằng năm,
giải thưởng 1000p.00, ban giám khảo gồm
các nhà bác học trong học giới nước nhà.**GIÁ BÁO**

Một số: 0p.15

Năm: 3p.60

Ba tháng: 1p.90

Một năm: 7p.00

Ngân phiếu xin đề:

M. le Directeur du BẠN ĐƯỜNG Hanoi.

Thư, bài gửi cho: Ô. NAM-LỘC

86 Jules Ferry Hanoi

壬午年

光
彩
新
年
誌

特刊

花雨墨